

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2025



VỮNG BƯỚC KỶ NGUYÊN XANH



MỤC LỤC



Giới thiệu Vietcombank

Thông điệp của Ban lãnh đạo Vietcombank	6
Thông tin khái quát	10
Giới thiệu Vietcombank	12
Lịch sử hình thành và phát triển	14
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	16
Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý	18
Các chỉ số tài chính cơ bản	20
Định hướng phát triển	22

2 Báo cáo của Hội đồng Quản trị - Ban điều hành

Tình hình tài chính	28
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	30
Tình hình đầu tư & thực hiện các dự án	33
Đánh giá kết quả hoạt động năm 2025	36
Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026	40
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank	42

3 Tổ chức & Nhân sự

Tổ chức & Nhân sự	50
Hội đồng quản trị	52
Ban Điều hành	54
Giám đốc khối	56
Ban Kiểm soát	58
Kế toán trưởng	59

4 Quản trị doanh nghiệp

Quản trị công ty	62
Quản trị rủi ro	84

5 Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và Xã hội

Tổng quan	94
Các nội dung về phát triển bền vững	104
Các hoạt động an sinh xã hội	140

Báo cáo tài chính

Thông tin về Ngân hàng	146
Báo cáo của Ban Điều hành	148
Báo cáo kiểm toán độc lập	149
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	150
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	153
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	154
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	156

NỀN TẢNG
NGÂN HÀNG
XANH

GIỚI THIỆU
VIETCOMBANK



Thông điệp của Ban lãnh đạo Vietcombank	6
Thông tin khái quát	10
Giới thiệu Vietcombank	12
Lịch sử hình thành và phát triển	14
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	16
Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý	18
Các chỉ số tài chính cơ bản	20
Định hướng phát triển	22

THÔNG DIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO VIETCOMBANK

Trên
15.000 tỷ đồng
Đóng góp lớn nhất cho
Ngân sách nhà nước

tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát
DƯỚI 1%
tỷ lệ bao phủ nợ xấu tiếp tục nằm
trong nhóm dẫn đầu thị trường.

Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thanh Tùng



Năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều biến động đối với kinh tế toàn cầu. Chính sách tiền tệ tại nhiều nền kinh tế lớn vẫn trong giai đoạn điều chỉnh sau chu kỳ thắt chặt kéo dài, trong khi những căng thẳng địa chính trị và sự tái cấu trúc của chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục tác động đến thương mại và dòng vốn quốc tế. Những yếu tố này tạo ra môi trường kinh doanh phức tạp và nhiều thách thức đối với các định chế tài chính trên toàn thế giới.

Đối với Vietcombank, năm 2025 là một dấu mốc đặc biệt khi Ngân hàng hoàn thành Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025. Trong năm, Vietcombank đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu kép: vừa đạt các chỉ tiêu kinh doanh được giao, vừa thực hiện nhiệm vụ mang ý nghĩa chính sách khi tham gia tiếp nhận chuyển giao bắt buộc tổ chức tín dụng yếu kém, qua đó đóng góp tích cực vào quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng theo hướng minh bạch, an toàn và hiệu quả hơn.

Nhờ sự đồng lòng và nỗ lực của hơn 20.000 cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống, cùng với môi trường kinh tế vĩ mô ổn định và sự điều hành quyết liệt của Chính phủ và các cơ quan quản lý, Vietcombank tiếp tục đạt được những kết quả kinh doanh nổi bật trong năm 2025. Ngân hàng giữ vững vị trí quán quân về lợi nhuận trong ngành ngân hàng, đồng thời đóng góp trên 15.000 tỷ đồng cho ngân sách Nhà nước, tiếp tục nằm trong nhóm các doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cả nước. Các chỉ số sinh lời ROA và ROE duy trì ở mức cao; tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức thấp dưới 1%; tỷ lệ bao phủ nợ xấu tiếp tục nằm trong nhóm dẫn đầu thị trường.

Uy tín và giá trị thương hiệu của Vietcombank tiếp tục được khẳng định khi Ngân hàng là tổ chức tín dụng duy nhất tại Việt Nam được cả ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế lớn nhất đánh giá ở mức ngang bằng với trần tín nhiệm quốc gia của Việt Nam. Trong lĩnh vực quản trị rủi ro,

Vietcombank thể hiện vai trò tiên phong khi là một trong những ngân hàng đầu tiên đăng ký áp dụng Thông tư 14/2025 về tính tỷ lệ an toàn vốn theo Basel III ngay tại thời điểm quy định có hiệu lực, và là ngân hàng thương mại lớn đầu tiên chính thức áp dụng phương pháp tiêu chuẩn theo Basel III từ tháng 03/2026. Trong năm 2025, Vietcombank cũng được tổ chức quốc tế uy tín (Asian Banking and Finance Awards) vinh danh cho các sáng kiến ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số vào công tác quản lý rủi ro. Kết quả này phản ánh niềm tin của thị trường và nhà đầu tư đối với năng lực quản trị, mức độ an toàn và định hướng phát triển bền vững của Vietcombank.

Song song với kết quả kinh doanh tích cực, Vietcombank tiếp tục thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình hỗ trợ người dân và doanh nghiệp với mặt bằng lãi suất cạnh tranh nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Tổng số tiền miễn giảm và hỗ trợ lãi suất trong năm 2025 lên tới hàng nghìn tỷ đồng. Ngân hàng cũng cam kết tài trợ hàng trăm tỷ đồng cho các chương trình an sinh xã hội tại nhiều địa phương trên cả nước, góp phần hỗ trợ cộng đồng khắc phục hậu quả thiên tai và cải thiện đời sống xã hội.

THÔNG điệp CỦA BAN LÃNH ĐẠO VIETCOMBANK

Hiện thực hóa mục tiêu năm 2030
TOP 100
ngân hàng lớn nhất châu Á

Những kết quả đạt được trong năm 2025 không chỉ thể hiện qua các chỉ tiêu tăng trưởng mà còn khẳng định bản lĩnh và năng lực thích ứng của Vietcombank trước những biến động của thị trường. Vietcombank tiếp tục duy trì vị thế là ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam về chất lượng và hiệu quả hoạt động, là ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam, đồng thời nhiều năm liên tiếp được vinh danh là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam và doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động.

Bước sang năm 2026 – năm khởi đầu triển khai Chiến lược phát triển VCB giai đoạn tiếp theo, với yêu cầu đổi mới mạnh mẽ hơn, hiệu quả cao hơn và phát triển bền vững hơn, Vietcombank xác định đây là chặng đường đòi hỏi tư duy mới, cách làm mới nhưng vẫn kiên định những giá trị cốt lõi đã làm nên vị thế số 1 của Vietcombank hôm nay. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh tiếp tục biến động nhanh, cạnh tranh gay gắt và yêu cầu chuẩn mực ngày càng cao, định hướng xuyên suốt của Vietcombank là phát triển an toàn – hiệu quả – bền vững, gắn tăng trưởng với chất lượng hoạt động.

Vietcombank – chung niềm tin – vững tương lai.

Trọng tâm lớn của năm 2026 là đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu hoạt động, phát huy sức mạnh tổng thể của hệ sinh thái Vietcombank. Đồng thời tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực thích ứng với chuyển đổi số; khuyến khích đổi mới sáng tạo, tích hợp trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các mô hình dự báo hiện đại vào quản trị, kinh doanh và quản trị rủi ro.

Với nền tảng tài chính vững chắc, định hướng phát triển rõ ràng và sự đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác, Vietcombank sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, giữ vững vị thế ngân hàng số 1 Việt Nam – đồng thời từng bước hiện thực hóa khát vọng trở thành một trong 100 ngân hàng lớn nhất châu Á vào năm 2030. Phía trước là chặng đường đầy cơ hội, và Vietcombank sẵn sàng với tất cả sức mạnh, bản lĩnh và niềm tin vào một Việt Nam đang vươn mình ra thế giới.



“ Với nền tảng tài chính vững chắc, định hướng phát triển rõ ràng và sự đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng và đối tác, Vietcombank sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, giữ vững vị thế ngân hàng số 1 Việt Nam – đồng thời từng bước hiện thực hóa khát vọng trở thành một trong 100 ngân hàng lớn nhất châu Á vào năm 2030. Phía trước là chặng đường đầy cơ hội, và Vietcombank sẵn sàng với tất cả sức mạnh, bản lĩnh và niềm tin vào một Việt Nam đang vươn mình ra thế giới.”

Tổng Giám đốc
Lê Quang Vinh

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.
Tên công ty bằng tiếng Anh:	JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM.
Tên giao dịch:	Vietcombank
Tên viết tắt:	VCB

Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23/05/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp:	0100112437
	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 02/06/2008 (đăng ký lần đầu), cấp đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024.

VỐN ĐIỀU LỆ (VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU):

83.556.750.940.000 ĐỒNG

Bảng chữ:	Tám mươi ba nghìn năm trăm năm mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng.
-----------	---

MÃ CỔ PHIẾU: VCB

Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng
Tổng số cổ phần:	8.355.675.094
Địa chỉ:	198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại:	(84 - 24) 3934 3137
Website:	www.vietcombank.com.vn

CHỦ TỊCH HĐQT:
Nguyễn Thanh Tùng

TỔNG GIÁM ĐỐC:
Lê Quang Vinh

ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM NĂM 2025

Cơ quan xếp hạng	Định hạng nhà phát hành dài hạn	Triển vọng
Moody's	Ba2	Ổn định
S&P	BB+	Ổn định
Fitch	BB+	Ổn định



GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam trước đây, nay là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động ngày 01/04/1963 với tổ chức tiền thân là Sở Quản lý Ngoại hối Trung ương (thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam).

Là ngân hàng thương mại nhà nước đầu tiên được Chính phủ lựa chọn thực hiện thí điểm cổ phần hoá, Vietcombank chính thức hoạt động với tư cách là một ngân hàng thương mại cổ phần vào ngày 02/06/2008 sau khi thực hiện thành công kế hoạch cổ phần hóa thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 30/06/2009, cổ phiếu Vietcombank (mã chứng khoán VCB) chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM. Trải qua hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, Vietcombank đã có những đóng góp quan trọng cho sự ổn định và phát triển của kinh tế đất nước, phát huy tốt vai trò của một ngân hàng đối ngoại chủ lực, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế trong nước, đồng thời tạo những ảnh hưởng quan trọng đối với cộng đồng tài chính khu vực và toàn cầu.

Từ một ngân hàng chuyên doanh phục vụ kinh tế đối ngoại, Vietcombank ngày nay đã trở thành một ngân hàng đa năng, hoạt động đa lĩnh vực, cung cấp cho khách hàng đầy đủ các dịch vụ tài chính hàng đầu trong lĩnh vực thương mại quốc tế; trong các hoạt động truyền thống như kinh doanh vốn, huy động vốn, tín dụng, tài trợ dự án... cũng như mảng dịch vụ ngân hàng hiện đại: kinh doanh ngoại tệ và các công vụ phái sinh, dịch vụ thẻ, ngân hàng điện tử...

Sở hữu hạ tầng kỹ thuật ngân hàng hiện đại với việc chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) vào đầu năm 2020, Vietcombank có nhiều lợi thế trong ứng dụng công nghệ tiên tiến vào xử lý tự động các dịch vụ ngân hàng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử dựa trên nền tảng công nghệ cao. Không gian giao dịch công nghệ số cùng các dịch vụ ngân hàng số đa tiện ích cung cấp cho khách hàng cá nhân, doanh nghiệp như: VCB Digibank, VCB – iB@nking, VCB CashUp, VCB DigiBiz, VCB ischool; VCB icare; Online lending; VCB Tablet... đã, đang và sẽ tiếp tục thu hút đông đảo khách hàng bằng sự tiện lợi, nhanh chóng, an toàn, hiệu quả, tạo thói quen thanh toán không dùng tiền mặt cho đông đảo khách hàng.

Sau 63 năm hoạt động trên thị trường, Vietcombank hiện là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam.

Vietcombank hiện có tổng cộng gần 700 chi nhánh/phòng giao dịch/đơn vị sự nghiệp/văn phòng đại diện trong và ngoài nước gồm: 1 Trụ sở chính tại Hà Nội; 128 Chi nhánh; 557 phòng giao dịch; 03 Đơn vị sự nghiệp (Trường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, 01 Trung tâm xử lý tiền mặt tại Hà Nội và 01 Trung tâm xử lý tiền mặt tại TP. HCM); 04 Công ty con ở trong nước (Công ty cho thuê tài chính, Công ty chứng khoán, Công ty kiều hối, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số); 03 Công ty con ở nước ngoài (Công ty Vinafico Hongkong, Công ty chuyển tiền Vietcombank tại Mỹ, Ngân hàng con tại Lào); 01 Văn phòng đại diện tại TP. HCM, 01 Văn phòng đại diện tại Singapore và 01 Văn phòng đại diện tại Mỹ; 04 Công ty liên doanh, liên kết. Về nhân sự, Vietcombank hiện có gần 24.000 cán bộ nhân viên.

Bên cạnh đó, Vietcombank còn phát triển một hệ thống ATM với 3.040 máy ATM và 120.710 đơn vị chấp nhận thanh toán thẻ trên toàn quốc. Hoạt động ngân hàng còn được hỗ trợ bởi mạng lưới 1.199 ngân hàng đại lý tại 90 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Với bề dày hoạt động và đội ngũ cán bộ có năng lực, nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại, mang tính hội nhập cao, Vietcombank luôn là sự lựa chọn hàng đầu của các tập đoàn, các doanh nghiệp lớn và của đông đảo khách hàng cá nhân.

Vietcombank đã từng bước khẳng định và củng cố vững chắc vị thế ngân hàng tiên phong, không ngừng đổi mới sáng tạo trong mọi mặt hoạt động, dẫn đầu về hiệu quả và có chất lượng hoạt động tốt nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Đến nay, tổng tài sản Vietcombank đã đạt trên 2,4 triệu tỷ đồng, lợi nhuận duy trì vị thế dẫn đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam. Với quy mô vốn hóa ~ 20 tỷ USD, Vietcombank đã ghi tên mình vào danh sách 100 ngân hàng niêm yết lớn nhất thế giới theo quy mô vốn hóa (theo xếp hạng của Reuter). Vietcombank cũng vinh dự được các tổ chức uy tín trên thế giới tôn vinh với danh hiệu “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” liên tục trong nhiều năm qua; được 03 tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế uy tín nhất thế giới gồm S&P, Fitch Ratings, Moody’s xếp hạng ở mức cao nhất trong các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Trong nước, Vietcombank vinh dự là ngân hàng duy nhất lần thứ 9 liên tiếp đạt “Thương hiệu quốc gia”; được bình chọn là “Ngân hàng nộp thuế lớn nhất Việt Nam” và “Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam”.

Bằng trí tuệ và tâm huyết, các thế hệ cán bộ Vietcombank đã, đang và sẽ luôn nỗ lực để xây dựng Vietcombank phát triển ngày một bền vững, với định hướng đến năm 2030 là giữ vững vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam, trở thành một trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, một trong 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu, đóng góp vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Hệ thống ATM với

3.040 máy ATM

và

120.710

đơn vị chấp nhận thanh toán thẻ trên toàn quốc.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1955

Thành lập Sở Quản lý Ngoại hối Trung ương thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam – tiền thân của Vietcombank

1963

Ngày 1/4/1963, Chính thức đi vào hoạt động (theo Nghị định số 115/CP ngày 30/10/1962 của Chính phủ)



2008

2/6/2008, Chính thức chuyển đổi thành ngân hàng thương mại cổ phần sau khi tiên phong cổ phần hóa, phát hành thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) năm 2007.

2009

30/06/2009, Cổ phiếu VCB chính thức được niêm yết và giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE).



2019

Ngày 1/11/2019, Ra mắt văn phòng đại diện tại Mỹ.

Trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên có lợi nhuận đạt mốc 1 tỷ USD.

Ngày 12/11/2019, Ký kết hợp đồng phân phối bảo hiểm với Công ty bảo hiểm FWD có giá trị lớn nhất trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ tính đến thời điểm ký kết.

2020

Từ 2020 đến 2023, vững vàng vượt qua đại dịch Covid-19, Vietcombank khẳng định vững chắc vị trí số 1 Việt Nam trên nhiều phương diện, thuộc danh sách 100 ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất toàn cầu theo Reuter

Ngày 27/01/2020, golive thành công hệ thống ngân hàng lõi Core banking.

2024

Tham gia cơ cấu lại các TCTD được kiểm soát đặc biệt, nhận chuyển giao bắt buộc Ngân hàng thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam (CB).

Được Quốc hội phê duyệt tăng vốn điều lệ, trở thành ngân hàng có vốn điều lệ cao nhất hệ thống (83.557 tỷ đồng).

Hơn 60 năm qua, Vietcombank đã có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; tham gia khắc phục, tháo gỡ khó khăn trong thời kỳ bao cấp; là ngân hàng tiên phong trong giai đoạn đổi mới, hội nhập và phát triển.

Đặc biệt, 10 năm gần đây đánh dấu sự chuyển mình, bứt phá đầy ngoạn mục của Vietcombank với sự tăng trưởng hết sức ấn tượng về quy mô, chất lượng và hiệu quả kinh doanh, thiết lập đỉnh cao cùng những thành công tiếp nối, mở ra vận hội lớn trong giai đoạn phát triển kế tiếp, đóng góp cho sự thịnh vượng chung của Việt Nam.

1975

Từ tháng 04/1975 – 1987, Tham gia tiếp quản hệ thống ngân hàng cũ, kế thừa quyền hội viên của Việt Nam tại các tổ chức tài chính quốc tế; tham gia xử lý nợ quốc gia, chống cấm vận; đảm nhận thành công vai trò ngân hàng duy nhất nắm giữ độc quyền trên ba phương diện: ngoại tệ, tín dụng xuất nhập khẩu và thanh toán giao dịch quốc tế.

1987

Là ngân hàng thương mại duy nhất được phép phát hành các Phiếu đồng Việt Nam gốc ngoại tệ, góp phần thực hiện quản lý đồng bộ đối với việc sử dụng, chỉ tiêu ngoại tệ.



2013

31/03/2013, Ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới cùng Slogan “Chung niềm tin – Vững tương lai”

2016

Ngày 01/12/2016, Ban hành Chiến lược phát triển Vietcombank đến năm 2020. Năm 2016, Vietcombank đã lấy lại vị trí số 1 về lợi nhuận.



2018

Ngày 19/10/2018, Khai trương hoạt động Vietcombank tại Lào.

Ngày 28/11/2018, Trở thành ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước chính thức trao quyết định số 2315/QĐ-NHNN chấp thuận áp dụng Basel II theo Thông tư 41 từ ngày 01/01/2019, sớm trước 1 năm so với thời hạn quy định.

Định hướng đến 2030

Giữ vững vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam.

Một trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới.

Một trong 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu.

Đóng góp vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

2025

Tiếp tục khẳng định vai trò chủ lực, chủ đạo trong đầu mối thu xếp vốn cho các dự án trọng điểm quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại các khu vực kinh tế đầu tàu và trên phạm vi cả nước

NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- 1

Dịch vụ huy động vốn
- 2

Dịch vụ cho vay
- 3

Dịch vụ chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác
- 4

Dịch vụ bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế
- 5

Dịch vụ bảo lãnh ngân hàng
- 6

Dịch vụ phát hành thẻ tín dụng
- 7

Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật
- 8

Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ
- 9

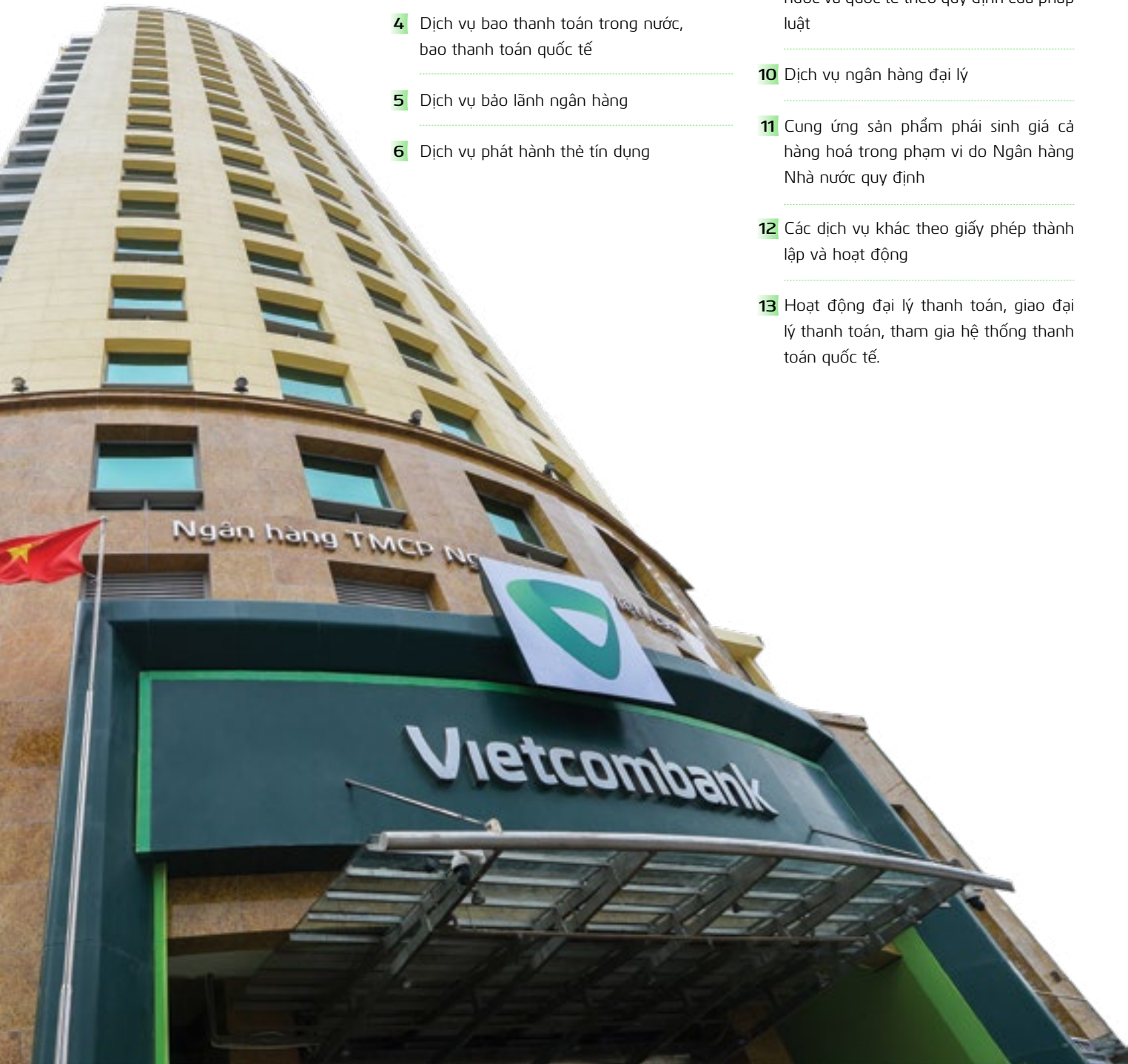
Dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật
- 10

Dịch vụ ngân hàng đại lý
- 11

Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hoá trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định
- 12

Các dịch vụ khác theo giấy phép thành lập và hoạt động
- 13

Hoạt động đại lý thanh toán, giao đại lý thanh toán, tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.



Địa bàn kinh doanh

Tính đến 31/12/2025, Vietcombank hiện có

557

Phòng giao dịch

128

Chi nhánh

31/34

Tỉnh thành

Tính đến 31/12/2025, Vietcombank thiết lập và duy trì quan hệ ngân hàng đại lý với 1.199 ngân hàng tại 90 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

- Khu vực 1

(Lạng Sơn, Lào Cai, Phú Thọ, Sơn La, Thái Nguyên, Tuyên Quang)
có 10 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 7,81%
- Khu vực 2

(Bắc Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình, Quảng Ninh)
có 20 Chi nhánh, chiếm tỷ lệ 15,63%
- Khu vực 3

(Hà Nội)
có 18 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 14,06%
- Khu vực 4

(Hà Tĩnh, Huế, Nghệ An, Quảng Trị, Thanh Hóa)
có 8 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 6,25%
- Khu vực 5

(Đà Nẵng, Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Ngãi)
có 22 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 17,19%
- Khu vực 6

(Thành phố Hồ Chí Minh)
có 27 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 21,09%
- Khu vực 7

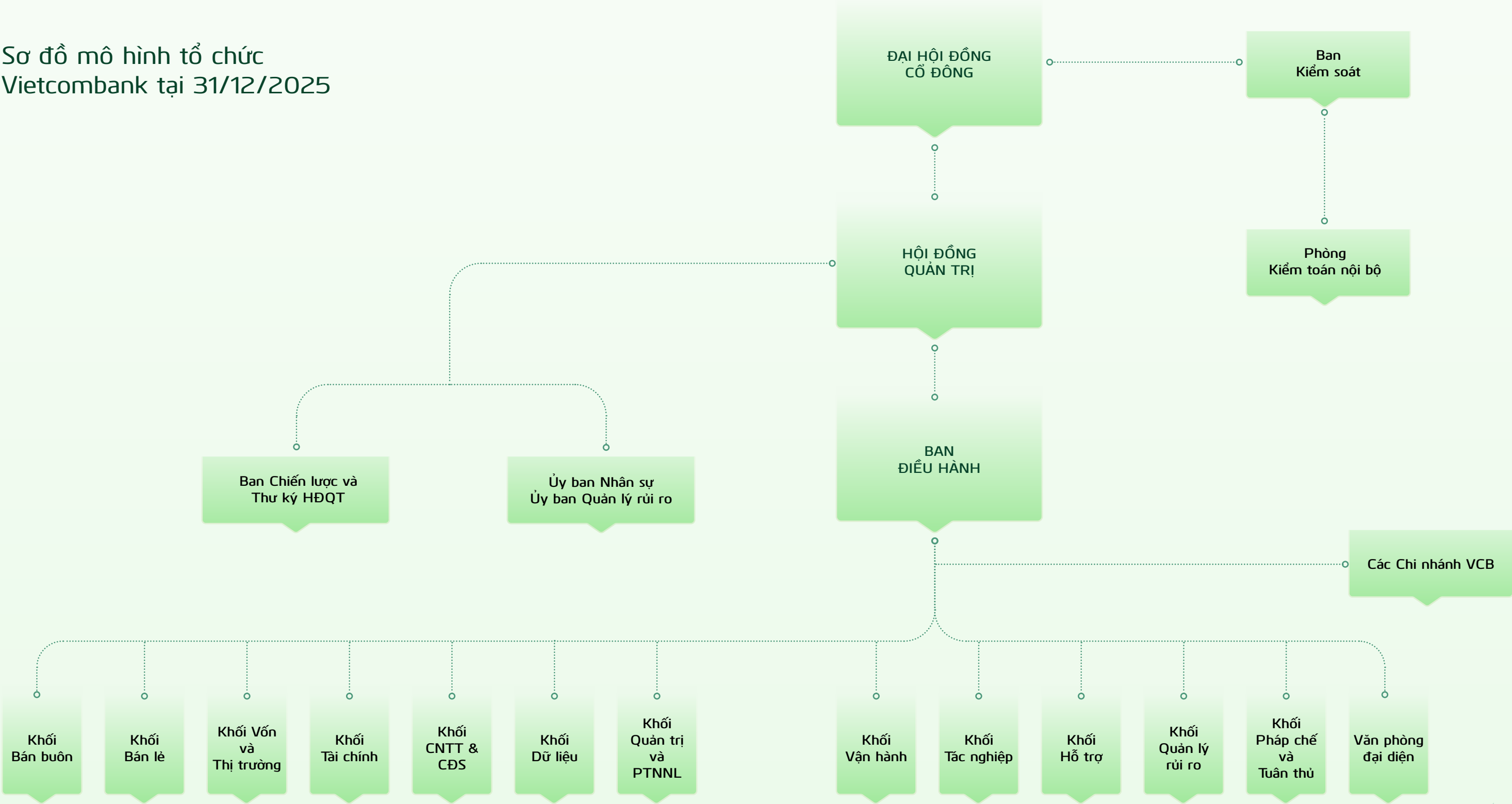
(Đồng Nai, Tây Ninh)
có 9 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 7,03%
- Khu vực 8

(An Giang, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long)
14 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 10,94%



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Sơ đồ mô hình tổ chức Vietcombank tại 31/12/2025



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Nội dung	Đơn vị: tỷ đồng	
	2024 (đã kiểm toán)	2025 (đã kiểm toán)
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tổng tài sản	2.085.874	2.442.279
Vốn chủ sở hữu	196.209	224.559
Cho vay khách hàng/TTS	69,5%	68,5%
Thu nhập thuần từ lãi	55.406	58.771
Thu nhập ngoài lãi thuần	13.172	13.683
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	68.578	72.455
Tổng chi phí hoạt động	-23.027	-25.243
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	45.551	47.212
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-3.315	-3.192
Lợi nhuận trước thuế	42.236	44.020
Thuế TNDN	-8.383	-8.822
Lợi nhuận sau thuế	33.853	35.198
Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng	33.831	35.178
MỘT SỐ CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ		
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ		
NIM	2,86%	2,64%
ROAE	18,74%	16,73%
ROAA	1,72%	1,55%
CHỈ TIÊU AN TOÀN		
Tỷ lệ dư nợ tín dụng (bao gồm TPDN)/huy động vốn TT1	95,64%	99,91%
Tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi theo quy định của NHNN (*)	80,4%	81,8%
Tỷ lệ nợ xấu	0,97%	0,97%
Hệ số an toàn vốn CAR	12,16%	11,56%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng đến năm 2030

Định hướng đến năm 2030, Vietcombank phát triển với định hướng giữ vững vị trí số 1 tại Việt Nam, đứng trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu và đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

giữ vững vị trí
SỐ 1
tại Việt Nam

200
tập đoàn tài chính ngân hàng
lớn nhất thế giới

700
doanh nghiệp niêm yết
lớn nhất toàn cầu

Mục tiêu về phát triển bền vững

Cam kết phát triển bền vững của Vietcombank

Vietcombank xác định phát triển bền vững không chỉ là một xu hướng tất yếu mà còn là trọng tâm trong chiến lược hoạt động, giúp ngân hàng nâng cao năng lực cạnh tranh, quản trị rủi ro hiệu quả và tạo ra giá trị dài hạn cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu ngày càng chịu nhiều áp lực từ biến đổi khí hậu, bất bình đẳng xã hội và các yêu cầu về quản trị doanh nghiệp minh bạch, Vietcombank cam kết tích hợp các yếu tố Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) vào chiến lược phát triển, đảm bảo sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường; đồng hành cùng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong triển khai Đề án Ngân hàng Xanh, hướng đến mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Mục tiêu và giải pháp phát triển bền vững

Xác định rõ tầm quan trọng của các vấn đề như biến đổi khí hậu, an sinh xã hội và quản trị doanh nghiệp song hành cùng sự phát triển của nền kinh tế, Vietcombank đặt tính bền vững là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển dài hạn của Ngân hàng và phấn đấu trở thành ngân hàng dẫn đầu về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG) thông qua 5 trụ cột chính:

Trụ cột 1

Không ngừng nâng cao năng lực tài chính để tạo động lực phát triển ổn định, bền vững và đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cổ đông và đối tác.

Trụ cột 2

Hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro về môi trường, xã hội và quản trị.

Trụ cột 3

Xây dựng cơ chế đối thoại và hợp tác chặt chẽ với khách hàng, nhà đầu tư và các đối tác chiến lược để thúc đẩy thực hành ESG.

Trụ cột 4

Hướng tới việc đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững

Trụ cột 5

Thúc đẩy tín dụng xanh, đầu tư vào năng lượng tái tạo, tài chính toàn diện và các giải pháp ngân hàng số thân thiện với môi trường.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026

Nhận xét chung

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2026 được dự báo tiếp tục nhiều bất định do chịu tác động của chủ nghĩa bảo hộ cùng với chính sách thuế quan của Hoa Kỳ, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột quân sự tại Ukraine, Trung Đông diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, giá năng lượng và lương thực thế giới. Môi trường vĩ mô của Việt Nam trong năm 2026 cơ bản ổn định nhưng chịu sức ép lớn từ bên ngoài. Năm 2026, NHNN tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt và các giải pháp tín dụng phù hợp nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Năm 2026, VCB tập trung vào 06 (sáu) đột phá chính:

Thứ nhất nâng cao năng lực thực thi chiến lược thông qua cụ thể hóa mục tiêu đến từng khối, từng đơn vị, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả và thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá thực chất.

Thứ hai tinh gọn tổ chức và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ công nghệ và phân tích dữ liệu; từng bước tích hợp trí tuệ nhân tạo vào điều hành, quản trị rủi ro và ra quyết định.

Thứ tư đẩy mạnh phát triển khách hàng ở các phân khúc còn dư địa lớn như mid-corporate, SME, hộ kinh doanh và khách hàng cá nhân; chuyển từ cách tiếp cận sản phẩm đơn lẻ sang giải pháp tổng thể theo vòng đời khách hàng.

Thứ năm phát triển các gói sản phẩm tích hợp, thúc đẩy bán chéo, mở rộng thu dịch vụ và các giải pháp tài chính bền vững.

Thứ ba đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiệu quả và bền vững, phát huy sức mạnh hệ sinh thái Vietcombank, tăng cường liên kết giữa các mảng kinh doanh để tối ưu hóa giá trị khách hàng toàn hệ thống.

Thứ sáu hoàn thiện cơ chế, chính sách và chuẩn hóa quản trị theo các chuẩn mực như Basel III và thông lệ quốc tế, tăng cường ứng dụng công nghệ, dữ liệu và tự động hóa trong vận hành.

Song song, trong điều hành năm 2026, VCB xác định các trụ cột ưu tiên: (i) bảo đảm an toàn thanh khoản và điều hành vốn linh hoạt thông qua ALCO; (ii) quản trị danh mục tín dụng theo hướng an toàn – hiệu quả, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các ưu tiên của Chính phủ; (iii) củng cố quản trị rủi ro tổng thể, đặc biệt là rủi ro công nghệ, an ninh mạng và rủi ro mới nổi trong bối cảnh số hóa; (iv) Xây dựng dữ liệu nền tảng và thúc đẩy chuyển đổi số thực chất, ưu tiên hiện đại hoá các hệ thống công nghệ lõi, tích cực ứng dụng phân tích dữ liệu, mô hình dự báo và trí tuệ nhân tạo theo hướng hiệu quả, có trọng tâm, nhằm hỗ trợ ra quyết định, kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả điều hành.

Tổng thể, năm 2026, VCB hướng tới mục tiêu duy trì vị thế ngân hàng dẫn đầu về hiệu quả, an toàn và chất lượng quản trị, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2026



Các giải pháp chủ đạo

Nhằm triển khai thành công kế hoạch kinh doanh năm 2026, các giải pháp chủ đạo được VCB tổ chức thực hiện xuyên suốt gồm có:

- 1

Tăng cường công tác Huy động vốn ngay từ đầu năm, cải thiện cơ cấu danh mục huy động đảm bảo tối ưu chi phí vốn
- 2

Chuyển dịch cơ cấu tín dụng bám sát mục tiêu tăng trưởng có định hướng và quản trị hiệu quả danh mục.
- 3

Phát triển đa dạng các hoạt động dịch vụ, cải thiện vị thế trên thị trường.
- 4

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và chuyển đổi số.
- 5

Tiếp tục chủ trương và nâng cao chất lượng quản trị rủi ro, hướng tới chuẩn mực Basel II nâng cao và Basel III.
- 6

Tiếp tục rà soát mô hình tổ chức và sắp xếp tinh gọn bộ máy nhằm tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- 7

Xây dựng kế hoạch chi phí hoạt động đảm bảo đáp ứng hoạt động kinh doanh và cân đối kế hoạch chi phí toàn hàng; giám sát để kiểm soát hợp lý chi phí toàn hệ thống, chi nhánh theo mục tiêu đề ra và đảm bảo tốc độ tăng chi phí không cao hơn tốc độ tăng thu nhập.
- 8

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, marketing, quan hệ nhà đầu tư nhằm nâng cao uy tín, hình ảnh thương hiệu Vietcombank và thu hút thêm, giữ chân khách hàng. Lan tỏa giá trị nhân văn qua các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN ĐIỀU HÀNH



Các chỉ số tài chính cơ bản	28
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	30
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	32
Đánh giá kết quả hoạt động năm 2025	36
Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026	40
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank	42



**BẢN LĨNH
VƯỢT
THỬ THÁCH**

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

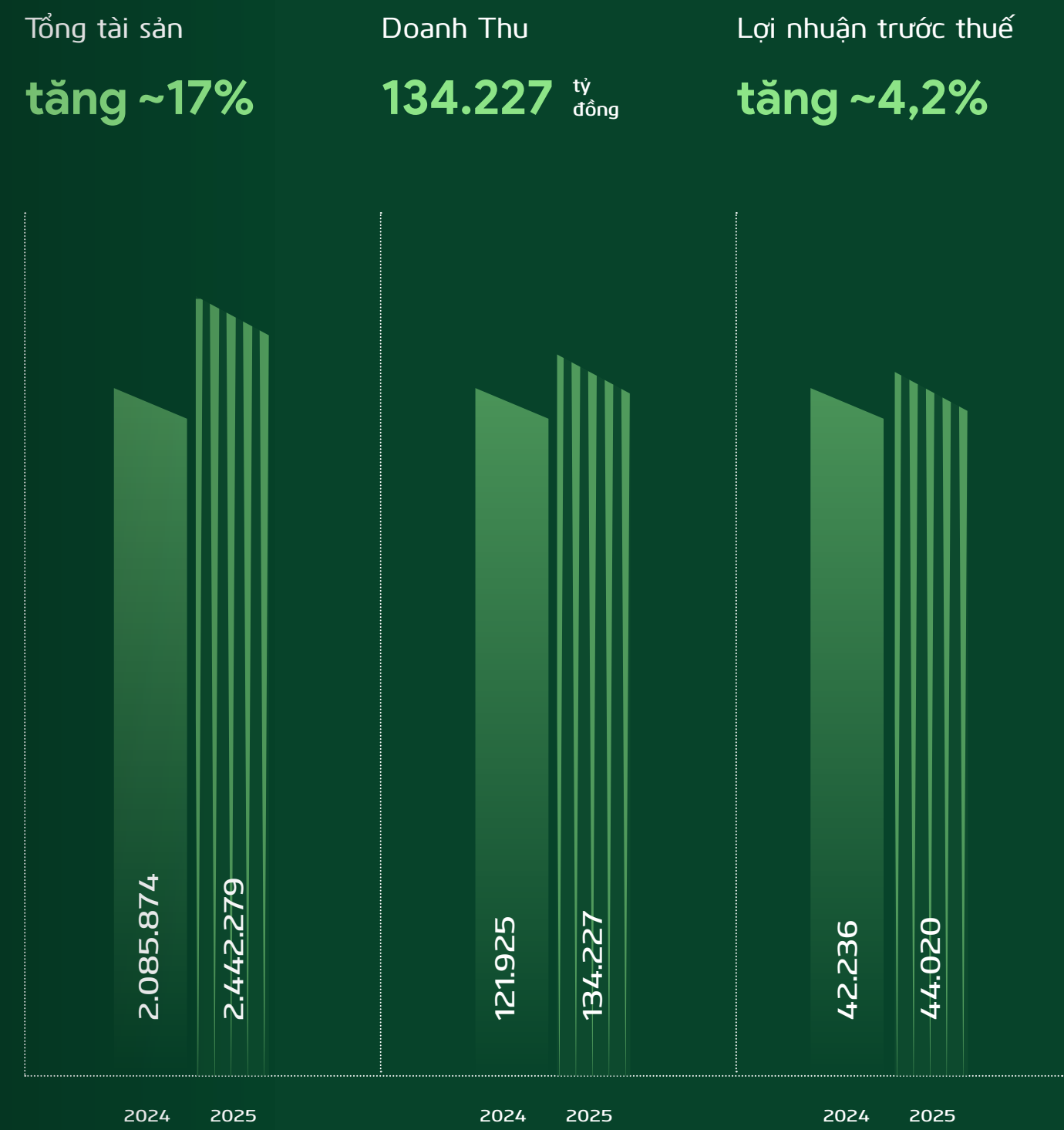
Đơn vị: tỷ đồng

Tình hình tài chính		2024	2025
A	Tình hình tài chính		
1	Tổng tài sản	2.085.874	2.442.279
2	Doanh thu	121.925	134.227
3	Thuế và các khoản phải nộp (số đã nộp trong kỳ)	12.045	12.508
4	Lợi nhuận trước thuế	42.236	44.020
5	Lợi nhuận sau thuế	33.853	35.198
B	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu		
1	Quy mô vốn		
1.1	Vốn điều lệ	55.891	83.557
1.2	Tỷ lệ an toàn vốn	12,16%	11,56%
2	Kết quả hoạt động kinh doanh		
2.1	Doanh số huy động tiền gửi	40.284.323	48.016.210
2.2	Doanh số cho vay	2.987.096	3.523.744
2.3	Doanh số thu nợ	2.811.195	3.301.420
2.4	Nợ xấu	14.143	16.283
2.5	Tỷ lệ tín dụng (bao gồm TPDN)/ tổng huy động vốn thị trường 1 (quy VND)	95,64%	99,91%
2.6	Tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi theo quy định của NHNN ^(*)	80,4%	81,8%
2.7	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ tín dụng thị trường 1	0,97%	0,97%
3	Khả năng thanh toán ^(*)		
3.1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	18,1%	22,2%
3.2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
	- VND	121,2%	75,7%
	- Ngoại tệ quy USD	128,9%	180,4%

Ghi chú:

- Số liệu trình bày theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán

- (*) Các tỷ lệ được tính toán theo quy định của Thông tư 22/2019/TT-NHNN, tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025 và chỉ theo dõi, tính toán cho riêng ngân hàng, không thực hiện tính toán số liệu hợp nhất. Trong đó, các tỷ lệ về khả năng thanh toán năm 2024 được trình bày lại theo số liệu sau kiểm toán



Đơn vị: Tỷ đồng

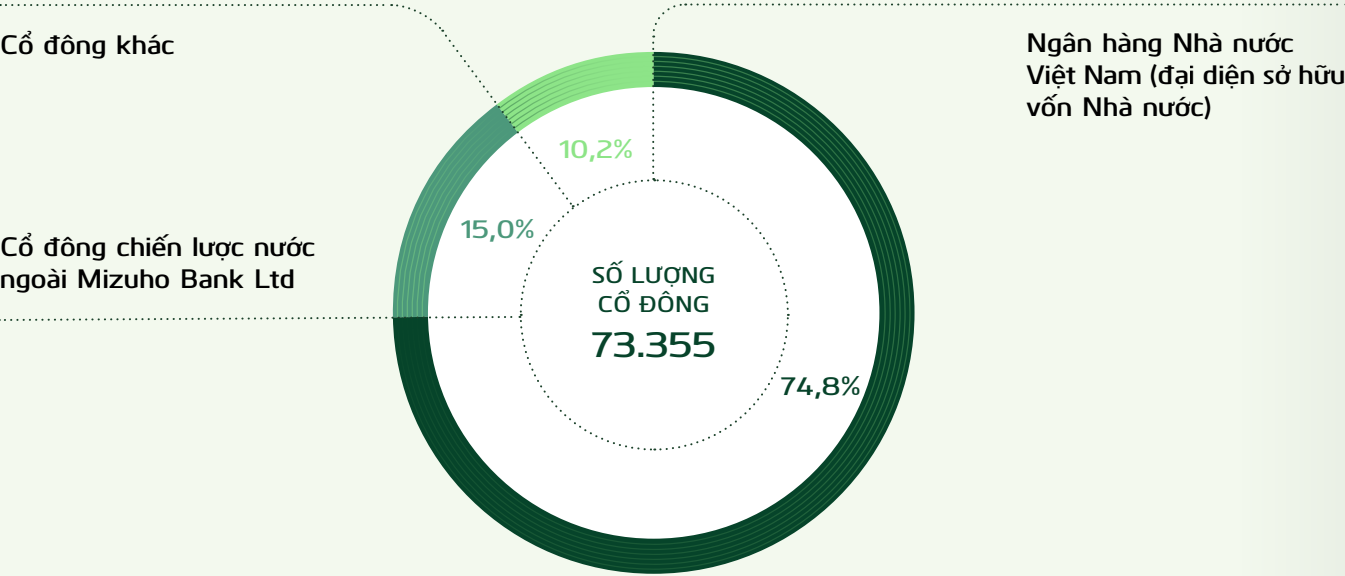
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
8.355.675.094	Cổ phần phổ thông	851.969.981	7.503.705.113

Cơ cấu cổ đông

TT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	6.250.338.579	74,8%	1
II	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd	1.253.366.534	15,0%	1
III	Cổ đông khác	851.969.981	10,2%	73.353
1	Cổ đông là cá nhân trong nước	242.063.444	2,9%	71.279
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	96.969.967	1,1%	218
3	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	5.538.550	0,1%	1.622
4	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	507.398.020	6,1%	234
	Tổng	8.355.675.094	100,00%	73.355



Danh sách cổ đông có số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

TT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	6.250.338.579	6.250.338.579	Theo Quy định của Nhà nước
2	Cổ đông nội bộ	108.414	47.088	Theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Các TCTD số 32/2024/QH15: “Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tín dụng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ”
2.1	Hội đồng Quản trị	34.913	34.913	
2.2	Ban Điều hành	61.326	0	
2.3	Ban Kiểm soát	12.175	12.175	
3	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd.	1.253.366.534	1.253.366.534	Theo cam kết giữa 2 bên và theo quy định
	Tổng	7.503.813.527	7.503.752.201	

Danh sách cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	47-49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.250.338.579	74,8%
2	MIZUHO BANK. LTD	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	1.253.366.534	15,0%

(Nguồn: Danh sách cổ đông VCB chốt tại ngày 31/12/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán – VSDC cung cấp)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư/thoái vốn thực hiện trong năm 2025

Trong năm 2025, Vietcombank đã thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.

Đơn vị: tỷ đồng				
Stt	Tên đơn vị	Vốn đầu tư 31/12/2025	Vốn đầu tư 31/12/2024	Tăng vốn
1	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	308,94	248,77	60,17

Công ty con, liên doanh – liên kết

Thông tin chung công ty con

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2025	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	VCBS	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất 03/GPĐC-UBCK ngày 16/09/2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	Chứng khoán	1.734,82	100%
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank	VCBL	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31/10/2017 do Ngân hàng Nhà nước cấp	Cho thuê tài chính	500,00	100%
Công ty TNHH MTV Kiểu hối Vietcombank	VCBR	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 ngày 20/09/2017 và sửa đổi lần gần nhất ngày 15/09/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp	Chi trả Kiểu hối	30,00	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	VCB Lào	Giấy phép hoạt động số 88/BOL ngày 25/05/2018 do Ngân hàng Trung ương Lào cấp	Ngân hàng	1.820,40	100%
Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông	VFC	Giấp phép hoạt động số 58327 ngày 10/02/1978 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp	Dịch vụ Tài chính	235,22	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	VCBM	Giấy Đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 ngày 15/06/2009 do chính quyền bang Nevada, Hoa kỳ cấp	Chuyển tiền kiểu hối	204,98	87,5%
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	VCBT	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và sửa đổi lần gần đây nhất ngày 01/07/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp	Cho thuê văn phòng	70,00	70%

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty con

VCBL Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank

Doanh thu năm 2025
~637 tỷ đồng

VCBL là Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Năm 2025, Công ty tiếp tục hoạt động ổn định và hiệu quả. Dư nợ cho thuê tài chính đạt ~ 8.345 tỷ đồng, tăng trưởng ~18% so với năm 2024, doanh thu đạt ~637 tỷ đồng, tăng trưởng ~15% so với năm trước.

VFC Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông

Lợi nhuận trước thuế năm 2025
2,87 triệu HKD

VFC là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh lực tài chính tại thị trường Hong Kong. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2025. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 2,87 triệu HKD.

VCB Lào Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào

Lợi nhuận trước thuế năm 2025
40,01 tỷ LAK

VCB Lào là ngân hàng con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại thị trường Lào. Mặc dù thị trường có nhiều biến động trong năm 2025 nhưng VCB Lào vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 40,01 tỷ LAK.

VCBT Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198

Lợi nhuận trước thuế năm 2025
75,72 tỷ đồng

VCBS Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank

Lợi nhuận trước thuế năm 2025
740,52 tỷ đồng

VCBS là công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Mặc dù thị trường chứng khoán năm 2025 có nhiều khó khăn với sự cạnh tranh khốc liệt của các công ty chứng khoán khác nhưng Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 740,52 tỷ đồng.

VCBR Công ty TNHH MTV Kiểu hối Vietcombank

Lợi nhuận trước thuế năm 2025
41,08 tỷ đồng

VCBR là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực nhận kiểu hối từ đối tác nước ngoài và thực hiện chi, trả cho người thụ hưởng tại Việt Nam. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2025. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 41,08 tỷ đồng.

VCBM Công ty Chuyển tiền Vietcombank

Lợi nhuận trước thuế năm 2025
673.564 USD

VCBM là công ty con do Vietcombank nắm giữ 87,5% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền kiểu hối tại Mỹ và chuyển về Việt Nam thông qua các đối tác chi trả trong nước. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2025. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 673.564 USD.

VCBT là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore với tỷ lệ vốn góp là 70:30, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Vietcombank Tower, địa chỉ số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2025 với tỷ lệ cho thuê đạt 100%. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 75,72 tỷ đồng.

Thông tin chung công ty liên doanh – liên kết

Đơn vị: tỷ đồng

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2025	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank Bonday Benthanh	VBB	Số 2458/GP ngày 07/02/2005 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 9803297175 ngày 03/12/2018 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	410,36	52%
Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VCBF	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 02/12/2005 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Quản lý quỹ đầu tư	135,15	51%
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	VCBB	Số 283/GP ngày 05/12/1991 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 283/GPĐC4 ngày 04/03/2002 do Bộ KH&ĐT cấp	Cho thuê văn phòng	11,11	16%

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty liên doanh – liên kết

VBB Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank–Bonday–Benthanh

Lợi nhuận trước thuế năm 2025

320,36 tỷ đồng

VBB là công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty CP DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%; 18% và 30%. VBB hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Vietcombank, địa chỉ số 5 Công trường Mê Linh, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2025 với tỷ lệ cho thuê đạt 94,1%. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 320,36 tỷ đồng.

VCBB Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday

Lợi nhuận trước thuế năm 2025

53,08 tỷ đồng

VCBF Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank

Lợi nhuận trước thuế năm 2025

57,4 tỷ đồng

VCBF là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2025. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 57,4 tỷ đồng.

VCBB là Công ty Liên doanh giữa Vietcombank, Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn, và đối tác Bonday Investments Ltd., Hồng Kông. Công ty hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Harbour View địa chỉ số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2025 với tỷ lệ cho thuê đạt trên 90%. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 53,08 tỷ đồng.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA VIETCOMBANK



Kết quả kinh doanh năm 2025

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động phức tạp và khó lường: chính sách thuế quan đối ứng của Hoa Kỳ tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu; xung đột địa chính trị kéo dài; các rủi ro môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN), quán triệt phương châm hành động “**Đổi mới, hiệu quả, bền vững**” và quan điểm “**Trách nhiệm – Kỳ cương – Kết nối – Sáng tạo**” trong chỉ đạo điều hành, toàn hệ thống Vietcombank đã nỗ lực quyết tâm triển khai thành công “nhiệm vụ kép” là hoàn thành tất các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh do NHNN và ĐHĐCĐ giao; tiếp tục giữ vai trò là “đầu tàu” trong thực thi các giải pháp, chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp và người dân;

đồng thời thực hiện hiệu quả Phương án nhận chuyển giao bắt buộc Ngân hàng Xây dựng (nay đã đổi tên thành VCBNeo). Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh của hệ thống Vietcombank tiếp tục tăng trưởng cao về quy mô, chuyển dịch đúng định hướng, chất lượng được kiểm soát và duy trì hiệu quả kinh doanh bền vững:

Tổng tài sản của Vietcombank đạt hơn
2,44 triệu tỷ đồng
tăng 17% so với cuối năm 2024.

Huy động vốn thị trường I đạt
~1,7 triệu tỷ đồng
tăng 10,4% so với cuối năm 2024.

Tổng dư nợ cấp tín dụng đối với nền kinh tế đạt
~1,7 triệu tỷ đồng
tăng 15%⁽¹⁾ so với cuối năm 2024.

Tỷ lệ nợ xấu ở mức
0,97%

Lợi nhuận trước thuế với quy mô đạt trên
44 nghìn tỷ đồng
tăng trưởng 4,2% so với năm 2024

Các chỉ số hiệu quả sinh lời ROA, ROE của Vietcombank tiếp tục ở mức cao, lần lượt đạt
1,55%; 16,73%

Đến cuối năm 2025, Vietcombank đã đạt được kết quả tích cực trong việc triển khai các sáng kiến, chiến lược, định hướng hoạt động Vietcombank đến năm 2025, tầm nhìn 2030, Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025... trong đó hoàn thành ở tất cả các chỉ tiêu quan trọng về an toàn, xếp hạng tín nhiệm, môi trường làm việc, chuyển đổi số và ESG; đặc biệt một số chỉ tiêu đo lường mục tiêu “**Dẫn đầu về chuyển đổi số**” đã vượt xa kế hoạch năm 2025 và vượt kế hoạch năm 2030 (tỷ lệ giao dịch khách hàng qua kênh số, tỷ lệ giao dịch STP).

(1) Dư nợ không bao gồm nợ đã bán và nhận ủy thác VCBNeo.



Kết quả công tác quản trị điều hành năm 2025

Để thực hiện thành công phương châm hành động “**Đổi mới, hiệu quả, bền vững**”, Ban Điều hành đã chỉ đạo xuyên suốt “**Trách nhiệm – Kỷ cương – Kết nối – Sáng tạo**”. Một số điểm nổi bật trong công tác quản trị điều hành năm 2025 của Vietcombank:

- Triển khai các giải pháp chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh, gia tăng nguồn thu dịch vụ và tiền gửi không kỳ hạn thông qua phát triển sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số; tăng trưởng tín dụng đúng định hướng, hạn chế phân bổ vốn vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ; điều hành nguồn vốn linh hoạt, kịp thời, góp phần ổn định mặt bằng lãi suất, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an toàn hệ thống.
- Quản trị, giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu an toàn hoạt động ngân hàng, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tại 31/12/2025 đạt 11,56%, cao hơn mức quy định của NHNN và vượt ngưỡng khẩu vị rủi ro của Vietcombank, đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết để chính thức áp dụng việc tính vốn theo phương pháp tiêu chuẩn (Standardized Approach – SA) từ 01/03/2026; tiếp tục khẳng định năng lực quản trị rủi ro khi là ngân hàng duy nhất của Việt Nam nhận giải thưởng “Sáng kiến Quản lý rủi ro của năm” do Tạp chí Asian Banking and Finance trao tặng. Vietcombank luôn được S&P, Moody’s và Fitch xếp hạng tín nhiệm cao nhất Việt Nam, trong đó S&P đã nâng xếp hạng nhà phát hành dài

hạn lên BB+, triển vọng Ổn định – ngang mức tín nhiệm quốc gia – khẳng định nền tảng tài chính vững chắc, chất lượng tài sản cao và mức độ minh bạch hàng đầu hệ thống.

- Tiên phong phối hợp với C06 – Bộ Công an triển khai xác thực điện tử qua VNeID và căn cước công dân gắn chip trên đa kênh; hoàn thiện xác thực sinh trắc học cho hơn 14,7 triệu khách hàng cá nhân và đối chiếu thông tin sinh trắc học cho hơn 242 nghìn hồ sơ khách hàng tổ chức.
- Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái số: triển khai ký số trực tiếp trên Digibank; tiên phong triển khai giải pháp giải ngân trực tuyến VCB Online Lending với hơn 6.000 khách hàng đã giải ngân online và tổng số món vay được thực hiện giải ngân online đạt ~ 36.500 món trong năm 2025; triển khai giải pháp số hóa tại gần 600 bệnh viện và là một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai VietQRGlobal thanh toán song phương Việt – Trung; hoàn thành 05 mục tiêu chuyển đổi số ngành ngân hàng theo Quyết định 810/QĐ-NHNN; khẳng định vị thế tiên phong trong chuyển đổi số với 05 giải pháp đạt giải thưởng Sao Khuê 2025 gồm: VCB Digibank, VCB iCare, VCB Online Lending,

- Hoàn thiện thủ tục kiện toàn, bổ sung nhân sự lãnh đạo cấp cao: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Vietcombank, các Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Kiểm soát.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết. Tại giải thưởng HR Asia Awards, Vietcombank xuất sắc nhận được cả 05/05 hạng mục trao giải của Ban Tổ chức, gồm 01 giải thưởng chính “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á”. Năm 2025 cũng đánh dấu cột mốc 10 năm liên tiếp Vietcombank được vinh danh “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam” theo Bảng xếp hạng của Công ty Anphabe.
- Tập trung triển khai đồng loạt các giải pháp hỗ trợ toàn diện đối với mọi mặt hoạt động của VCBNeo, vượt kế hoạch được phê duyệt tại phương án chuyển giao.
- Tích cực thúc đẩy tài chính xanh, triển khai các chương trình tín dụng xanh và dự án hiệu quả năng lượng; dư nợ tín dụng xanh năm 2025 đạt gần 43 nghìn tỷ đồng, đồng thời phát hành thành công trái phiếu bền vững quy mô 2 nghìn tỷ đồng để tài trợ các dự án bảo vệ môi trường.
- Năm 2025, Vietcombank tiếp tục khẳng định vai trò ngân hàng chủ lực trong thu xếp vốn cho các dự án trọng điểm quốc gia, tiêu biểu là hợp đồng tín dụng hơn 1 tỷ USD cho chuỗi dự án khí – điện Lô B – Ô Môn, hướng đến đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển hạ tầng điện dài hạn.
- Vietcombank đứng đầu ngành ngân hàng và là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho NSNN với mức nộp NSNN năm 2025 trên 15,3 nghìn tỷ đồng.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026

Quản trịet theo phương châm hành động: “Đột phá – Phát triển – Hiệu quả – Bền vững”, quan điểm chỉ đạo, điều hành “Sáng tạo – Quyết liệt – Trách nhiệm – Kỷ cương”, triển khai thành công các mục tiêu kinh doanh năm 2026.

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính

Chi tiêu	Kế hoạch 2026
Tổng tài sản	Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng
Huy động vốn TT1	Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng
Tín dụng	Tăng ~10% và không vượt quá hạn mức được NHNN giao (13%)
Tỉ lệ nợ xấu	< 1,5%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tăng ~5%

Chỉ tiêu chính thức sẽ do Đại hội đồng cổ đông và cơ quan thẩm quyền phê duyệt



Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

Bám sát các định hướng chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, toàn hệ thống Vietcombank quyết tâm thực hiện định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh doanh gắn với các trọng tâm lớn sau:

Về chỉ đạo hoạt động kinh doanh

- Huy động vốn:** Triển khai chính sách huy động linh hoạt, bám sát thị trường; bảo đảm an toàn thanh khoản, đa dạng hóa nguồn vốn nhằm sẵn sàng cho tăng trưởng tín dụng và tối ưu chi phí vốn tổng thể; đẩy mạnh huy động vốn với chi phí tối ưu, và cải thiện các dịch vụ thị trường vốn, đặc biệt là sản phẩm dịch vụ trên kênh số.
- Tín dụng:** Chuyển dịch cơ cấu tín dụng và quản trị danh mục theo định hướng hiệu quả, bền vững, kiểm soát rủi ro; tăng trưởng có chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên và sản xuất kinh doanh.
- Dịch vụ:** Phát triển đa dạng các mảng thu dịch vụ, phần đầu cải thiện tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập; đẩy mạnh bán chéo sản phẩm; coi kết nối và mở rộng hệ sinh thái của VCB với các hệ sinh thái đối tác là nhiệm vụ trọng tâm. Tăng thu dịch vụ nhờ chuyển đổi số toàn trình và khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác trong hệ sinh thái.

Về chỉ đạo quản trị nội bộ

- Xây dựng dữ liệu nền tảng và thúc đẩy chuyển đổi số thực chất, coi dữ liệu là tài sản chiến lược, công nghệ lõi là hạ tầng thiết yếu và chuyển đổi số là công cụ trực tiếp phục vụ tăng trưởng kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro và đảm bảo an toàn hệ thống. Đẩy mạnh tổ chức triển khai công tác tự rà soát để đảm bảo an toàn và phát hiện sớm các rủi ro có thể xảy ra.
- Tiếp tục triển khai tinh gọn tổ chức, sắp xếp mạng lưới, cơ cấu nhân sự nhằm tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao năng suất, hiệu quả.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VCB



Tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị

HĐQT có 01 Thành viên độc lập HĐQT có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kế trước đó;

Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;

Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kế trước đó.

Hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông, Thành viên độc lập HĐQT có báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động phức tạp và khó lường như chính sách thuế quan đối ứng của Hoa Kỳ tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu; xung đột địa chính trị kéo dài; các rủi ro môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, chủ động, linh hoạt của Ban lãnh đạo cùng định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững, VCB đã hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao, giữ vững vị thế của một Ngân hàng chủ lực và vai trò dẫn dắt nền kinh tế, đảm bảo mục tiêu ổn định, an toàn của thị trường tiền tệ và ngành ngân hàng.

Trong năm 2025, VCB tiếp tục đẩy mạnh phương châm hành động “Đổi mới, Hiệu quả, Bền vững” và quan điểm chỉ đạo, điều hành: “Trách nhiệm – Kỳ cương – Kết nối – Sáng tạo”. Đến 31/12/2025, các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cơ bản hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ và NHNN giao, cụ thể như sau.

- Tổng tài sản đạt trên 2,4 triệu tỷ đồng, tăng 17% so với cuối năm 2024.
- Huy động vốn tăng trưởng phù hợp với sử dụng vốn, trong đó huy động từ mảng bán lẻ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Tổng huy động vốn thị trường I đạt ~ 1,7 triệu tỷ đồng, tăng 10,4% so với cuối năm 2024, hoàn thành 100% kế hoạch. Trong đó, huy động vốn không kỳ hạn tăng trưởng tốt, đạt trên 13,5%.
- Tổng dư nợ tín dụng đạt ~1,7 triệu tỷ đồng, tăng 15%⁽¹⁾ so với cuối năm 2024. Tăng trưởng tín dụng được kiểm soát trong hạn mức NHNN giao, cơ cấu tín dụng chuyển dịch theo hướng an toàn, hiệu quả. Tín dụng từ bán buôn và bán lẻ đều đạt kết quả tăng trưởng tốt, trong đó, tín dụng bán lẻ chiếm ~51% tổng dư nợ tín dụng.
- Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ. Tỷ lệ nợ xấu dưới 1%, thấp hơn đáng kể so với kế hoạch được giao, tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu ở mức tốt nhất trong các TCTD quy mô lớn tại Việt Nam.
- Tính đến hết năm 2025, Vietcombank tiếp tục là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho ngân sách Nhà nước, đạt trên 15.000 tỷ đồng.
- LNTT với quy mô hợp nhất đạt trên 44 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 4,2% so với năm 2024, là ngân hàng có quy mô lợi nhuận đứng đầu thị trường. Chỉ số chi phí trên thu nhập (CIR) được kiểm soát ổn định, duy trì ở mức thấp so với các TCTD lớn.
- Các tỷ lệ an toàn của VCB luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và đáp ứng tiêu chuẩn của Basel II. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tại 31/12/2025 đạt 11,56%, cao hơn mức quy định của NHNN (8%), và trên ngưỡng khẩu vị rủi ro (9%) của Vietcombank.
- Với những kết quả đã đạt được, VCB duy trì vị thế là NHTM dẫn đầu về chất lượng, hiệu quả hoạt động; tiếp tục đứng đầu ngành ngân hàng và là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho NSNN. Ngân hàng tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu trên thị trường trong nước và quốc tế: là doanh nghiệp niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất thị trường và nằm trong nhóm 100 ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất toàn cầu. VCB còn vinh dự là doanh nghiệp có thương hiệu giá trị nhất Việt Nam theo Forbes cùng nhiều giải thưởng danh giá khác trong công tác quản trị rủi ro và phát triển nguồn nhân lực.

(1) Dư nợ không bao gồm nợ đã bán và nhận ủy thác VCBNeo.

Công tác chỉ đạo, quản trị, điều hành

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã định hướng Ban Điều hành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản trị điều hành, nhất quán phương châm hành động “Đổi mới, Hiệu quả, Bền vững” và quan điểm chỉ đạo, điều hành “Trách nhiệm – Kỷ cương – Kết nối – Sáng tạo”



Tập trung triển khai 04 “trọng tâm”, 06 “đột phá” kinh doanh trong năm 2025, cụ thể như sau:

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh trong 4 trụ cột trọng tâm (1) Chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng hiệu quả, bền vững, đảm bảo chất lượng; (2) Cải thiện tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập hoạt động kinh doanh; (3) Gia tăng hiệu quả công tác quản lý vốn; (4) Tiếp tục tập trung tăng cường công tác quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động.
- Công tác huy động vốn: Điều hành công tác huy động vốn linh hoạt, phù hợp với tình hình sử dụng vốn và diễn biến của thị trường.
- Công tác tín dụng: Trong năm 2025, VCB đã thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả trên cơ sở đảm bảo thanh khoản và các chỉ số an toàn, tăng trưởng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên, là động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ. Tính đến 31/12/2025, dư nợ tín dụng các lĩnh vực ưu tiên của VCB tăng ~12,3% so với cuối năm 2024, chiếm 32% tổng quy mô tín dụng của toàn ngân hàng.

- Tiên phong giảm lãi suất để hỗ trợ khách hàng theo chủ trương của Chính phủ và NHNN. Trong năm 2025, VCB đã triển khai tới 28 chương trình/ chính sách lãi suất cho vay ưu đãi cho cả khoản vay ngắn hạn và trung dài hạn với mức lãi suất thấp hơn từ 0,5% tới 2% so với lãi suất bình quân để hỗ trợ khách hàng; đồng thời duy trì lãi suất cho vay với mức thấp để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Bên cạnh đó, VCB triển khai chính sách giảm lãi suất hỗ trợ khách hàng chịu thiệt hại bởi bão lũ năm 2025 với mức giảm lên tới 2% lãi suất cho vay khách hàng đang áp dụng.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng dư nợ tín dụng, dư nợ cơ cấu, đảm bảo kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5%.
- Về hoạt động công nghệ thông tin (CNTT), VCB tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cấp kiến trúc và hạ tầng CNTT, đầu tư mở rộng khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn, đảm bảo an toàn hệ thống CNTT; đồng thời, hiện đại hóa hệ thống thanh toán, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch hành động chuyển đổi và đạt được những kết quả tích cực.

- Thực hiện việc kiện toàn nhân sự cấp cao, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo xuyên suốt của Ban lãnh đạo VCB. Trong năm 2025, ngân hàng đã thành lập Khối Dữ liệu nhằm quy hoạch, khai thác hiệu quả và chuyển hóa dữ liệu thành giá trị kinh doanh thực chất, hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng số một bền vững tại Việt Nam và vươn tầm quốc tế;
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường tháng 3/2025 và ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Về tăng cường năng lực tài chính, trong năm 2025, VCB đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận để lại, nâng vốn điều lệ của ngân hàng lên mức 83,6 nghìn tỷ – cao nhất trong hệ thống.
- VCB luôn thể hiện vai trò tiên phong trong việc thực hiện các chủ trương, định hướng lớn của Chính phủ, NHNN. Đặc biệt, trong năm 2025, VCB đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu kép: vừa hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh do NHNN và ĐHĐCĐ giao, đồng thời vừa thực hiện hiệu quả Phương án nhận chuyển giao bắt buộc Ngân hàng Xây dựng (nay là VCBNeo).

Môi trường và xã hội

VCB tiếp tục chú trọng xây dựng chiến lược toàn diện về phát triển bền vững và thực hành ESG, khẳng định vị thế của một tổ chức tài chính xanh bền vững.

- Trong tháng 12/2025, VCB đã phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu bền vững. Nguồn vốn huy động từ trái phiếu sẽ sử dụng để tài trợ dự án theo tiêu chí tại Khung Trái phiếu bền vững, được xây dựng trên cơ sở các tiêu chí của danh mục phân loại xanh theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/07/2025 và tự nguyện tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như Hướng dẫn Trái phiếu bền vững năm 2021 của Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA), với sự hỗ trợ tích cực từ Viện Tăng trưởng Xanh Toàn cầu (GGGI).
- Đối với lĩnh vực tín dụng xanh: VCB tiên phong trong việc ưu tiên định hướng tín dụng cho các ngành phát triển bền vững. Tính tới hết 31/12/2025, dư nợ tín dụng xanh tại VCB đạt 43 nghìn tỷ đồng (~3% dư nợ tín dụng).
- Năm 2025, VCB tiếp tục được vinh danh trong nhóm 20 cổ phiếu thuộc danh mục chỉ số phát triển bền vững VNSI cao nhất thị trường, khẳng định vị thế dẫn đầu của ngân hàng với những bước tiến quan trọng trong tài chính bền vững, quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội. Ngay từ đầu năm, VCB đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm cải thiện thực hành theo Bộ chỉ số phát triển bền vững VNSI, đồng thời

xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển sản phẩm, dịch vụ tài chính bền vững và hoàn thiện cấu phần ESG trong khung quản lý rủi ro của Ngân hàng. Trong năm 2025, Ngân hàng cũng đã phát hành Báo cáo phát triển bền vững độc lập – một bước tiến quan trọng nhằm nâng cao tính minh bạch thông tin trong thực hành ESG.

- Bên cạnh hoạt động kinh doanh, VCB cũng chú trọng các chương trình an sinh xã hội, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, thể hiện rõ trách nhiệm xã hội của một DNNN lớn. Năm 2025, Vietcombank cam kết dành ~651,712 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành

Trong bối cảnh một năm tài chính vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, HĐQT và Ban Điều hành đã định hướng, chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt, nhất quán xuyên suốt để VCB hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 với kết quả tăng trưởng bền vững, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Ngân hàng. Ban Điều hành đã triển khai hoạt động kinh doanh của VCB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược, đảm bảo thu nhập cho nhân viên và hoạt động kinh doanh có trách nhiệm cao với cộng đồng và các bên liên quan.

Ngay từ cuối năm 2024, HĐQT đã phê duyệt chủ trương, định hướng và các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025. Trong năm, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo Ban điều hành về hoạt động kinh doanh của VCB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược; các giải pháp đều được triển khai tích cực, đồng bộ, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình và mục tiêu mà ĐHĐCĐ giao, các chỉ tiêu đều hoàn thành theo kế hoạch, Ban Điều hành đã tuân thủ các quy định của Luật các TCTD,

Điều lệ VCB và các Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành, chỉ đạo.

Ngoài ra, việc giám sát của HĐQT đối với hoạt động của BDH còn được thể hiện thông qua việc xem xét báo cáo hàng tháng do BKS lập.

Bên cạnh việc định hướng, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ kinh doanh, ngay từ đầu năm 2025, HĐQT đã phê duyệt các kế hoạch cụ thể đến từng mảng hoạt động tạo điều kiện cho BDH tổ chức triển khai thống nhất đến các đơn vị trong hệ thống. Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng gặp nhiều khó khăn, với chính sách chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt và định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững, hoạt động kinh doanh của VCB tiếp tục đạt được các kết quả khả quan.

Các Thành viên HĐQT, Ban Điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.



Phương châm hoạt động năm 2026



Bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ năm 2026 và NHNN về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành ngân hàng, kết nối với mục tiêu chiến lược phát triển VCB đến năm 2025, tầm nhìn 2030; kiên định phương châm hành động: “Đột phá – Phát triển – Hiệu quả – Bền vững” và quan điểm chỉ đạo, điều hành: “Sáng tạo – Quyết liệt – Trách nhiệm – Kỷ cương”.

Theo đó, trong năm 2026, VCB sẽ tiếp tục thực hiện 6 đột phá:

- Tổ chức rà soát toàn diện và triển khai quyết liệt Định hướng Chiến lược kinh doanh đến năm 2030. Thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá để bảo đảm hiệu quả thực thi.
- Kiên toàn mạng lưới và tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu hoạt động theo hướng hiệu quả tổng thể, bền vững.

- Đẩy mạnh phát triển khách hàng theo hướng đa dạng hóa; tập trung khai thác hiệu quả các phân khúc còn nhiều dư địa tăng trưởng; đổi mới cách tiếp cận khách hàng; nâng cao chất lượng quan hệ, mức độ gắn bó và hiệu quả tổng thể.
- Quyết liệt đổi mới tư duy phát triển sản phẩm và tổ chức bán hàng; đẩy mạnh xây dựng gói sản phẩm, giải pháp phù hợp với từng phân khúc/từng tệp khách hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách nội bộ theo hướng minh bạch, linh hoạt và hiệu quả, tạo điều kiện cho việc ra quyết định kịp thời.
- Đẩy mạnh phát triển khách hàng theo hướng đa dạng hóa; tập trung khai thác hiệu quả các phân khúc còn nhiều dư địa tăng trưởng; đổi mới cách tiếp cận khách hàng; nâng cao chất lượng quan hệ, mức độ gắn bó và hiệu quả tổng thể.
- Quyết liệt đổi mới tư duy phát triển sản phẩm và tổ chức bán hàng; đẩy mạnh xây dựng gói sản phẩm, giải pháp phù hợp với từng phân khúc/từng tệp khách hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách nội bộ theo hướng minh bạch, linh hoạt và hiệu quả, tạo điều kiện cho việc ra quyết định kịp thời.
- Cải thiện hiệu quả điều hành của ALCO thông qua triển khai các chính sách huy động vốn hiệu quả và sử dụng vốn linh hoạt, kịp thời, bám sát khách hàng.
- Tăng cường các giải pháp quản trị danh mục tín dụng theo hướng an toàn, hiệu quả; tăng trưởng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ và NHNN.
- Phấn đấu cải thiện tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập; đẩy mạnh kết nối và mở rộng hệ sinh thái.
- Xây dựng dữ liệu nền tảng và thúc đẩy chuyển đổi số thực chất theo hướng hiệu quả, có trọng tâm, nhằm hỗ trợ ra quyết định, kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả điều hành.
- Tăng cường quản trị rủi ro và an toàn hệ thống.
- Tiếp tục triển khai tinh gọn bộ máy theo đúng trọng tâm chiến lược; nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

NỘI LỰC
CHUYỂN
DỊCH
XANH

TỔ CHỨC &
NHÂN SỰ

3

Tổ chức & Nhân sự	50
Hội đồng quản trị	52
Ban Điều hành	54
Giám đốc khối	56
Ban Kiểm soát	58
Kế toán trưởng	59



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Nguồn nhân lực

Tổng số lao động

23.457 người
Số lượng cán bộ nhân viên
đến ngày 31/12/2025

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực tại Việt Nam, Vietcombank đã và đang đổi mới toàn diện công tác quản trị và phát triển nguồn nhân lực, luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ tinh về số lượng, mạnh về chất lượng; tích cực triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh, tạo sức mạnh từ nội lực, góp phần đưa Vietcombank vươn lên mạnh mẽ, duy trì vị thế ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam, từng bước nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới.

- Mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị tại Trụ sở chính và Chi nhánh tiếp tục được rà soát, kiện toàn, chuẩn hóa theo Khối chức năng, tăng cường chuyên môn hóa, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với chiến lược phát triển và định hướng hoạt động kinh doanh của Vietcombank trong từng thời kỳ.
- Mạng lưới hoạt động trong nước được mở rộng theo định hướng phát triển hoạt động bán lẻ thông qua việc thành lập mới các chi nhánh, phòng giao dịch nhằm nâng cao vị thế, sức cạnh tranh của Vietcombank trên các địa bàn.

- Vietcombank thực hiện chính sách nhân sự minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo tuyển dụng và quản lý nhân sự theo quy trình chặt chẽ. Hệ thống văn bản quy định nội bộ về tổ chức và nhân sự được thường xuyên rà soát, hoàn thiện trong các khâu từ tuyển dụng, giao kết hợp đồng lao động tới đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, đánh giá hiệu quả công việc, khen thưởng, kỷ luật... góp phần tối ưu hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời, chính sách tiền lương và đãi ngộ được cập nhật thường xuyên nhằm bảo đảm công bằng nội bộ, tuân thủ quy định pháp luật và đảm bảo cạnh tranh trên thị trường. Thu nhập được phân phối theo vị trí, tính chất công việc, trách nhiệm và kết quả hoàn thành nhiệm vụ, qua đó tạo động lực nâng cao hiệu quả công việc và thu hút, giữ chân đội ngũ nhân sự có năng lực, trình độ và gắn bó lâu dài với Vietcombank.
- Công tác tuyển dụng của Vietcombank thời gian qua được thị trường đánh giá cao và đã thu hút được một lượng nhân sự lớn có chất lượng, đáp ứng yêu cầu công việc và hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- Chất lượng nhân sự được kiểm soát từ đầu vào với chính sách tuyển dụng nghiêm túc, công bằng và chuyên nghiệp. Cán bộ nhân viên được bố trí công việc phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.

Thay đổi về nhân sự trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát.

Thành phần Ban lãnh đạo có thay đổi như sau:

Giảm	
Ông Shojiro Mizoguchi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 26/4/2025;
Ông Trịnh Ngọc An	Thành viên Ban Kiểm soát theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 26/4/2025;
Tăng	
Ông Lê Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành VCB được bầu, bổ nhiệm Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc VCB kể từ ngày 07/03/2025;
Bầu bổ sung bà Hoàng Thanh Nhân	giữ chức vụ Thành viên HĐQT VCB nhiệm kỳ 2023–2028 kể từ 26/4/2025;
Bầu bổ sung ông Kohei Matsuoka	giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Vietcombank kể từ 26/4/2025;
Bầu bổ sung ông Trần Sỹ Mạnh	giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát VCB nhiệm kỳ 2023–2028 kể từ 26/4/2025;



Hội đồng
quản trị



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: NGUYỄN THANH TÙNG

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Tổng hợp Paris Dauphine
Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



Thành viên Hội đồng quản trị – Tổng Giám đốc
Ông: LÊ QUANG VINH

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính – Đại học New South Wales, Australia
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân



Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: ĐỖ VIỆT HÙNG

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Chulalongkorn (Thái Lan)
Cử nhân kinh tế – Đại học Hàng hải



Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ kinh tế – Cao học Việt Nam – Hà Lan
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân



Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: HỒNG QUANG

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Ngoại thương Hà Nội
liên kết với Đại học Meiho (Đài Loan)
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội



Thành viên Hội đồng quản trị
Bà: NGUYỄN THỊ KIM OANH

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính – Đại học New South Wales, Australia
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân



Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: NGUYỄN TUẤN ANH

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Luật – Đại học Luật TP. HCM
Cử nhân Tín dụng – Trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học
ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng)



Thành viên Hội đồng quản trị
Bà: HOÀNG THANH NHÀN

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng – Học viện Tài chính
Cử nhân Kinh tế – Học viện Ngân hàng
Cử nhân Ngữ văn – Đại học Tổng hợp Hà Nội



Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: KOHEI MATSUOKA

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Lãnh đạo và chiến lược – Trường Kinh doanh London (Anh quốc)
Cử nhân Luật tại Đại học Hitotsubashi (Nhật Bản)



Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
Ông: VŨ VIỆT NGOẠN

Trình độ chuyên môn:
Tiến sĩ Tài chính Đại học Lassale (Hoa Kỳ)
Thạc sĩ Tài chính ngân hàng Học viện Finafrica (Italia)
Cử nhân Kinh tế tại Đại học Ngoại thương

Ban điều hành



Thành viên Hội đồng quản trị – Tổng Giám đốc
Ông: LÊ QUANG VINH

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Tài chính – Đại học New South Wales, Australia
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân



Phó Tổng Giám đốc
Bà: PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Kinh tế – Học viện Ngân hàng – CPA Australia
Cử nhân Kinh tế – Học viện Ngân hàng



Phó Tổng Giám đốc
Ông: ĐẶNG HOÀI ĐỨC

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế – Trung tâm đào tạo & Nghiên cứu khoa học Ngân hàng (nay là Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh)



Phó Tổng Giám đốc
Ông: NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế liên kết giữa Trường Đại học Kinh tế quốc dân và Viện Khoa học xã hội Hà Lan
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân



Phó Tổng Giám đốc
Ông: HỒ VĂN TUẤN

Trình độ chuyên môn:
Tiến sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân
Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân



Phó Tổng Giám đốc
Ông: LÊ HOÀNG TÙNG

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế – Học viện Tài chính
Cử nhân Kinh tế – Học viện Tài chính



Phó Tổng Giám đốc
Ông: NGUYỄN VĂN TUÂN

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế, Đại học tự do Bruxelles
Cử nhân Ngoại ngữ – Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

Giám đốc Khối



Giám đốc Khối Nhân sự
Ông: HỒNG QUANG

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Ngoại thương Hà Nội liên kết với Đại học Meiho (Đài Loan)
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân
Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội



Giám đốc Khối Bán lẻ
Bà: ĐOÀN HỒNG NHUNG

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quan hệ Kinh tế Quốc tế Đại học Tổng hợp Konstanz – CHLB Đức
Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương



Giám đốc Khối Pháp chế và tuân thủ
Bà: NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Luật – Đại học Luật Hà Nội
Cử nhân Luật – Đại học Tổng hợp Hà Nội
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân



Phó Giám đốc Khối phụ trách Khối Vốn và thị trường
Ông: VŨ QUANG ĐÔNG

Trình độ chuyên môn:
Tiến sỹ Kinh tế – Đại học Georgetown (Hoa Kỳ)
Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Georgetown (Hoa Kỳ)
Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân;
Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương

Ban
Kiểm soát



Trưởng Ban kiểm soát
Bà: ĐINH THỊ THÁI

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân
Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



Thành viên Ban kiểm soát
Bà: ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Ngoại thương
Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



Thành viên Ban kiểm soát
Bà: TRẦN MỸ HẠNH

Trình độ chuyên môn:
Chứng chỉ sau đại học về Kinh tế học ứng dụng và
Chính sách công (chương trình học bổng Fulbright)
Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán – Học viên Tài chính

Kế toán trưởng



Thành viên Ban kiểm soát
Bà: TRƯƠNG THỊ DIỆU QUẾ

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Ngoại thương
Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương



Thành viên Ban kiểm soát
Ông: TRẦN SỸ MẠNH

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế học kinh doanh và Phương pháp định lượng –
Đại học Carlos III de Madrid
Thạc sỹ Kinh tế phát triển – Đại học Kinh tế Quốc dân
Cử nhân Thương mại – Đại học Kinh tế Quốc dân



Kế toán trưởng
Bà: LA THỊ HỒNG MINH

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
Cử nhân Kinh tế – Học viện Ngân hàng

DẪN ĐẦU
VỀ QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ
DOANH NGHIỆP

4

Quản trị công ty

62

Quản trị rủi ro

84



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Trong những năm qua, công tác quản trị công ty của VCB luôn được chú trọng và triển khai một cách nghiêm túc dưới sự định hướng và giám sát của HĐQT. VCB đã tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo pháp luật Việt Nam, đồng thời từng bước tiếp cận và áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới và trong khu vực. Thông qua đó, hệ thống quản trị được củng cố ngày càng minh bạch, hiệu quả và phù hợp với xu hướng phát triển hiện đại. Bên cạnh việc hoàn thiện cơ chế quản trị, VCB cũng chú trọng nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn thể cán bộ nhân viên đối với công tác quản trị, góp phần xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, bền vững và hướng tới nâng cao giá trị bền vững cho VCB.

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị					
STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	22.324	0,000267	Được HĐQT giao phụ trách Ban điều hành VCB kể từ ngày 30/08/2021. Được ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 bầu là TV HĐQT VCB nhiệm kỳ 2018 – 2023 kể từ ngày 30/01/2023. Cùng ngày HĐQT VCB thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tùng giữ chức vụ Tổng Giám đốc VCB. Được ĐHĐCĐ bầu là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 21/04/2023. Được bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT VCB kể từ ngày 26/07/2024.
2	Ông Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	0	0	Được ĐHĐCĐ bầu là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 07/03/2025. Cùng ngày HĐQT VCB thống nhất bổ nhiệm ông Lê Quang Vinh giữ chức vụ Tổng Giám đốc VCB.
3	Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên HĐQT	0	0	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/04/2019. Được ĐHĐCĐ bầu là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 21/04/2023. Được phân công phụ trách hoạt động của HĐQT VCB kể từ ngày 01/01/2024. Không còn đảm nhiệm chức vụ Thành viên phụ trách hoạt động của HĐQT VCB kể từ ngày 26/07/2024. Thành viên không điều hành.
4	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	5.112	0,000061	Được ĐHĐCĐ bất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014. Được ĐHĐCĐ bầu là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 21/04/2023. Thành viên không điều hành.
5	Ông Hồng Quang	Thành viên HĐQT – Giám đốc Khối Nhân sự	2	0	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 27/04/2018. Được ĐHĐCĐ bầu là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 21/04/2023.
6	Ông Vũ Viết Ngoạn	Thành viên độc lập HĐQT	0	0	Được ĐHĐCĐ bầu là TV độc lập HĐQT kể từ ngày 21/4/2023. Thành viên độc lập
7	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	7.475	0,00009	Được ĐHĐCĐ bất thường tháng 11 năm 2023 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 24/11/2023. Thành viên không điều hành.
8	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	0	0	Được ĐHĐCĐ bất thường tháng 8 năm 2024 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 19/08/2024. Thành viên không điều hành.

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
9	Bà Hoàng Thanh Nhân	Thành viên HĐQT	0	0	- Được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/04/2025. - Thành viên không điều hành.
10	Ông Kohei Matsuoka	Thành viên HĐQT	0	0	- Được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/04/2025. - Thành viên không điều hành.
11	Ông Shojiro Mizoguchi	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc			- Được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT kể từ ngày 23/04/2021. - Được ĐHĐCĐ bầu là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 21/04/2023. - Được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 26/04/2025. Cùng ngày HĐQT VCB thống nhất miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc VCB của ông Shojiro Mizoguchi.
12	Ông Nguyễn Mỹ Hào	Thành viên HĐQT			- Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017. - Được ĐHĐCĐ bầu là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 21/04/2023. - Thành viên không điều hành. - Có đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT kể từ ngày 01/11/2024 để nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí. - Được ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 07/03/2025.

b. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

VCB có 02 Ủy ban thuộc HĐQT là: Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Việc thành lập các Ủy ban đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN và pháp luật. Các Ủy ban hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban do HĐQT ban hành.

Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR) là bộ phận tham mưu cho HĐQT trong việc tổ chức và giám sát công tác quản lý rủi ro của VCB. Trong năm 2025, UBQLRR đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để đánh giá trạng thái rủi ro tổng thể của ngân hàng, cũng như thảo luận các vấn đề/rủi ro cần chú ý. Một số công tác nổi bật của UBQLRR trong năm qua bao gồm: Thành lập và định hướng hoạt động Nhóm nghiên cứu về rủi ro AI thuộc UBQLRR; báo cáo rà soát tín dụng bất động sản – rủi ro tiềm ẩn

và giải pháp; tăng cường quản lý và kiểm soát rủi ro thanh khoản... Đồng thời, Ủy ban thường xuyên tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm với UBQLRR các NHTM tại Việt Nam, cũng như tham khảo thông lệ và kinh nghiệm từ các đối tác trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, UBQLRR đã kịp thời tham mưu, đề xuất với HĐQT các chính sách, chiến lược, biện pháp quản lý rủi ro phù hợp.

Ủy ban Nhân sự

Ủy ban nhân sự (UBNS) có vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác của VCB. Sau khi các văn bản quy chế về quản lý cán bộ được ban hành đồng bộ, UBNS đã tích cực, chủ động trong công tác tham mưu, đánh giá, đề xuất việc quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, quản lý cán bộ thuộc phân cấp thẩm quyền, kiện toàn mô hình tổ chức theo các Khối và phát triển mạng lưới, nhân sự phù hợp với chiến lược phát triển và mục tiêu kinh doanh của VCB.

Trong năm 2025, UBNS đã chủ động trong việc tham mưu đánh giá, đề xuất quy hoạch, bổ nhiệm, quản lý cán bộ thuộc phân cấp thẩm quyền, đảm bảo công khai, minh bạch, đủ tiêu chuẩn, điều kiện và đúng quy trình; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và định hướng sắp xếp, cơ cấu lại lao động; kiện toàn hệ thống các văn bản, chính sách trong công tác quản lý cán bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HĐQT VCB đã tổ chức 54 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản 127 nội dung để định hướng, chỉ đạo hoạt động của VCB trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số phiên họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Số nội dung lấy ý kiến bằng văn bản	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	30/01/2023	54/54	100,0%	127/127	100,0%	Tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản kể từ khi được bổ nhiệm ngày 07/03/2025.
2	Ông Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	07/03/2025	46/54	85,2%	99/127	78,0%	
3	Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên HĐQT	26/04/2019	54/54	100,0%	127/127	100,0%	
4	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	26/12/2014	54/54	100,0%	127/127	100,0%	
5	Ông Hồng Quang	Thành viên HĐQT – Giám đốc Khối Nhân sự	27/04/2018	54/54	100,0%	127/127	100,0%	
6	Ông Vũ Viết Ngoạn	Thành viên độc lập HĐQT	21/04/2023	11/54	20,4%	0/127	0,0%	Tham gia đầy đủ các phiên họp thường kỳ tháng và các phiên họp bất thường khác theo quy định.
7	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	24/11/2023	54/54	100,0%	127/127	100,0%	Tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản kể từ khi được bổ nhiệm ngày 26/04/2025.
8	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	19/08/2024	54/54	100,0%	127/127	100,0%	
9	Bà Hoàng Thanh Nhân	Thành viên HĐQT	26/04/2025	37/54	68,5%	74/127	58,3%	
10	Ông Kohei Matsuoka	Thành viên HĐQT	26/04/2025	37/54	68,5%	74/127	58,3%	Tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản kể từ khi được bổ nhiệm ngày 26/04/2025.
11	Ông Shojiro Mizoguchi	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	23/04/2021 Miễn nhiệm: 26/04/2025	17/54	31,5%	53/127	41,7%	Tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản cho tới khi miễn nhiệm ngày 26/04/2025.
12	Ông Nguyễn Mỹ Hào	Thành viên HĐQT	28/04/2017 Miễn nhiệm: 07/03/2025	0/54	0%	0/127	0%	Có đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 01/11/2024 để nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí và không tham gia các phiên họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản kể từ thời điểm 01/11/2024.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BDH được thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của ngân hàng. Định kỳ hàng tháng, HĐQT tổ chức họp phiên thường kỳ đánh giá, theo dõi tình hình thực hiện chiến lược, tiến độ thực hiện các mục tiêu tại chiến lược đã đề ra, các TVHĐQT theo phân công xem xét, giám sát và theo dõi đối với việc thực hiện chiến lược của VCB thông qua đánh giá hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình kinh tế vĩ mô và diễn biến thị trường, từ đó, quyết nghị những chủ trương, định hướng chỉ đạo kịp thời, sát thực tiễn. Tại phiên họp này, TGD/Phó TGD báo cáo về mọi mặt hoạt động của ngân hàng; báo cáo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; báo cáo một số chuyên đề theo yêu cầu của HĐQT. HĐQT phân công, giao nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT và TGD chỉ đạo triển khai các công việc cụ thể; hàng tuần HĐQT duy trì họp HĐQT để giải quyết, xử lý kịp thời các công việc, hồ sơ và các vấn đề phát sinh từ hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền, chức năng của HĐQT. Ngoài ra, việc giám sát của HĐQT đối với hoạt động của BDH còn được thể hiện thông qua việc xem xét báo cáo hàng tháng do BKS lập.

HĐQT VCB giữ vai trò định hướng và dẫn dắt xuyên suốt trong quá trình xây dựng, rà soát và hoàn thiện chiến lược phát triển của Ngân hàng. Năm 2025, trên cơ sở bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước và NHNN, HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo

việc rà soát chiến lược VCB tầm nhìn 2030, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu tăng trưởng, an toàn hệ thống và phát triển bền vững. Trong quá trình đó, HĐQT cũng đã xây dựng và hoàn thiện quy trình xem xét, giám sát và theo dõi việc thực hiện chiến lược một cách bài bản, chặt chẽ và xuyên suốt, theo hướng rõ trách nhiệm, phân định vai trò giữa HĐQT, BDH và các đơn vị có liên quan; đồng thời gắn việc thực hiện chiến lược với hệ thống chỉ tiêu, kế hoạch trung hạn và đánh giá hiệu quả hoạt động. Thông qua việc thường xuyên rà soát, đánh giá và điều chỉnh chiến lược phù hợp với bối cảnh thị trường, HĐQT kịp thời nhận diện các cơ hội, thách thức và rủi ro mới, từ đó đưa ra các quyết sách mang tính định hướng, tạo nền tảng cho hoạt động điều hành linh hoạt và hiệu quả.

HĐQT cũng đã định hướng, giám sát, chỉ đạo BDH các mặt hoạt động kinh doanh của VCB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược. Các giải pháp đều được triển khai tích cực, đồng bộ, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình và mục tiêu đề ra, các chỉ tiêu về cơ bản đều hoàn thành theo kế hoạch. Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng gặp nhiều khó khăn, với chính sách chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt và định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững, hoạt động kinh doanh của VCB tiếp tục đạt được các kết quả khả quan.



d. Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Ông Vũ Viết Ngoạn được ĐHĐCĐ bầu là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 21/04/2023. Năm 2025, thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ 11 phiên họp thường kỳ toàn thể được yêu cầu theo đúng quy định, góp phần quan trọng trong công tác giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát việc quản trị điều hành tại Ngân hàng, hoàn thành các nhiệm vụ được HĐQT phân công.

e. Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2025, HĐQT, BDH và Trưởng/Giám đốc các Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ Sở chính và Ban Giám đốc các Chi nhánh đã tham dự các buổi hội nghị, hội thảo qua hình thức trực tuyến/trực tiếp do Chính phủ, NHNN, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Đảng ủy Chính phủ, các đơn vị tư vấn quốc tế/trong nước và các tổ chức khác tổ chức để trao đổi kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm về quản trị ngân hàng, triển khai các dự án nâng cao năng lực hoạt động, quản trị rủi ro, chuyển đổi số.

Đặc biệt, nhằm bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị mới nhanh chóng nắm bắt đầy đủ vai trò, trách nhiệm và bối cảnh hoạt động của Ngân hàng, VCB đã tổ chức các chương trình định hướng bài bản và toàn diện ngay sau khi TV HĐQT Kohei Matsuoka và TV HĐQT Hoàng Thanh Nhân được bổ nhiệm. Chương trình tập trung cung cấp thông tin về chiến lược phát triển, mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của HĐQT, cũng như các chính sách quản trị rủi ro, tuân thủ và kiểm soát nội bộ. Bên cạnh đó, thông qua buổi làm

việc với từng Khối, các thành viên mới được cập nhật về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, các dự án trọng điểm và những vấn đề chiến lược đang được triển khai. Thông qua đó, các thành viên HĐQT mới có điều kiện nhanh chóng hòa nhập, nâng cao hiệu quả tham gia quản trị và đóng góp tích cực vào quá trình ra quyết định, bảo đảm hoạt động của VCB an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT thường xuyên tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn một cách thường xuyên và liên tục, nhằm nâng cao năng lực quản trị, cập nhật kiến thức pháp lý, tài chính – ngân hàng, quản trị rủi ro, chuyển đổi số và các thông lệ quản trị doanh nghiệp tiên tiến. Các nội dung đào tạo được lựa chọn phù hợp với định hướng chiến lược của Ngân hàng và nhu cầu nâng cao năng lực cá nhân của từng thành viên HĐQT.

Một số các chương trình, hội thảo, tọa đàm về quản trị công ty mà VCB đã tổ chức/ tham dự trong năm 2025:

STT	Tên chương trình/hội thảo/tọa đàm	Đơn vị tổ chức	Thời gian
1	Hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.	Ban bí thư Trung ương Đảng	Tháng 1
2	Hội nghị “Phát triển Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam”.	UBND TP Đà Nẵng	Tháng 1
3	Tọa đàm “Một số lĩnh vực triển vọng đối với kinh tế Việt Nam và cơ hội cho VCB”.	VCB	Tháng 2
4	Tọa đàm “Báo cáo Kinh tế vĩ mô 2024 – Triển vọng 2025”.	VCB	Tháng 2
5	Họp Hội đồng tư vấn thẩm định đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết Quốc hội về thành lập và hoạt động của Trung tâm tài chính Việt Nam tại Việt Nam.	Bộ Tư Pháp	Tháng 2
6	Hội nghị quán triệt, triển khai các nghị quyết, kết luận của Trung ương Đảng hướng tới mục tiêu “Tăng trưởng đột phá trong kỷ nguyên vươn mình”.	VCB	Tháng 3
7	Hội nghị Huy động vốn và thu hút đầu tư nước ngoài trong kỷ nguyên mới: Cơ hội và thách thức.	Bộ Tài chính	Tháng 3
8	Hội thảo “Triển vọng kinh tế và cơ hội đầu tư ở Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình”.	VCB & Mizuho Singapore	Tháng 4
9	Hội thảo: Quản trị rủi ro & xử lý tranh chấp trong lĩnh vực năng lượng.	Bộ Tư pháp	Tháng 4
10	Cuộc họp về Xây dựng trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.	Chính phủ	Tháng 4

STT	Tên chương trình/hội thảo/tọa đàm	Đơn vị tổ chức	Thời gian
11	Hội thảo: “Chính sách Thương mại Trump 2.0: Tác động và đánh giá lại triển vọng thị trường Việt Nam 2025”.	Hội Nghiên cứu Thị trường Liên ngân hàng (VIRA)	Tháng 5
12	Tọa đàm Chính sách thuế quan đối ứng của Hoa Kỳ tác động và điều chỉnh chiến lược cho Việt Nam.	Đại học Kinh tế quốc dân	Tháng 5
13	Hội thảo “Đổi mới để phát triển, Sáng tạo để dẫn đầu” của Tiến sĩ Alexander Osterwalder, chuyên gia đổi mới sáng tạo hàng đầu thế giới, đồng tác giả của mô hình Business Model Canvas, quy tụ các lãnh đạo của hơn 20 doanh nghiệp chiến lược đồng hành cùng VCB.	VCB	Tháng 5
14	Hội thảo Tích hợp trí tuệ nhân tạo với trí tuệ con người.	Trường Đại học kinh tế Đại học Quốc gia Hà Nội	Tháng 6
15	Chương trình chuyên sâu về Thư ký quản trị công ty.	Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam	Tháng 6
16	Diễn đàn Tài chính Việt Nam năm 2025.	UBND TP Đà Nẵng	Tháng 8
17	Khóa đào tạo “Leading Digital and AI Transformation” dành cho TV HĐQT	International Institute for Management Development – Lausanne – Thụy Sĩ	Tháng 9
18	Chương trình chuyên sâu về Thư ký quản trị công ty.	Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam	Tháng 9
19	Khóa đào tạo “Leading Digital Transformation: Rebuilding Organizations for the Era of AI” dành cho TV HĐQT.	Tổ chức tại Hoa Kỳ	Tháng 10
20	Tọa đàm: Triển vọng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2025–2026.	ADB	Tháng 10
21	Chương trình đào tạo “Chứng nhận Thành viên HĐQT”.	Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam	Tháng 10
22	Khóa đào tạo “Leading the AI-Driven Organization” dành cho TV HĐQT	Tổ chức tại Hoa Kỳ	Tháng 11
23	Diễn đàn Kinh tế Tài chính Việt Nam 2025.	Bộ Tài chính	Tháng 11
24	Diễn đàn Doanh nghiệp Nhà nước nâng cao năng lực cạnh tranh và vai trò dẫn dắt.	Báo điện tử Tiếng nói Việt Nam VOV	Tháng 11
25	Hội thảo: ESG tracker đối với các tổ chức tài chính.	Hiệp hội Ngân hàng và PWC	Tháng 11
26	Hội thảo quốc tế: Phát triển bền vững và Quản trị kinh doanh: Cơ hội và thách thức các thị trường cận biên toàn cầu.	Học viện Tài chính và các đơn vị tài trợ quốc tế	Tháng 11
27	Hội nghị về mô hình tổ chức Thị trường Tài chính quốc tế tại Việt Nam.	Bộ Tài chính	Tháng 11
28	Hội thảo về triển vọng kinh tế vĩ mô và quản trị nguồn vốn.	Ngân hàng ANZ	Tháng 11
29	Tọa đàm về Công tác Quản lý tài chính đối với các Ngân hàng thương mại Nhà nước.	VCB	Tháng 11
30	Chương trình đào tạo “Nâng cao chất lượng tuân thủ phòng chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố và tuân thủ cấm vận”.	Tổ chức tại Hoa Kỳ	Tháng 11
31	Diễn đàn Kinh tế Việt Nam lần 4–2025: Ổn định vĩ mô, thực thi cải cách – Nền tảng cho tăng trưởng 2026.	Báo Người Lao động	Tháng 12
32	Diễn đàn “Thị trường tín dụng và những vấn đề kinh tế vĩ mô”.	Viện Chiến lược Thương hiệu và Cạnh tranh	Tháng 12
33	Tọa đàm “Tăng tốc phát triển hệ sinh thái ngân hàng số”.	VCB và Ủy ban chính sách thuộc Hiệp hội ngân hàng Việt Nam	Tháng 12
34	Diễn đàn Kinh tế Việt Nam 2025, triển vọng 2026.	Ban Chính sách chiến lược Trung ương	Tháng 12

Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Tại Nghị quyết số 18/TN2025/NQ–ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025, ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã thống nhất miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 đối với ông Trịnh Ngọc An theo nguyện vọng cá nhân và bầu bổ sung 01 thành viên BKS mới là ông Trần Sỹ Mạnh. Như vậy, nhân sự BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 tại thời điểm 31/12/2025 gồm có 05 thành viên.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV BKS	Ngày không còn là TV BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Bà Đinh Thị Thái	Trưởng BKS	19/08/2024		12/12	100%	Tham dự đầy đủ
2	Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	26/04/2008 21/04/2023 ¹		12/12	100%	Tham dự đầy đủ
3	Bà Trần Mỹ Hạnh	Thành viên BKS	29/04/2022 21/04/2023 ²		12/12	100%	Tham dự đầy đủ
4	Bà Trương Thị Diệu Quế	Thành viên BKS	19/08/2024		12/12	100%	Tham dự đầy đủ
5	Ông Trịnh Ngọc An	Thành viên BKS	19/08/2024	26/04/2025	04/12	33,3%	Tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp của BKS cho tới khi miễn nhiệm TV BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 ngày 26/04/2025
6	Ông Trần Sỹ Mạnh	Thành viên BKS	26/04/2025		08/12	66,7%	Tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp của BKS kể từ khi được bổ nhiệm TV BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 ngày 26/04/2025

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BDH và Cổ đông:

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, BDH trong việc thực hiện các chiến lược, định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2025 của VCB được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng. Trong năm 2025, VCB đã bám sát các chính sách, chỉ đạo của NHNN trong việc thực thi chính sách tiền tệ, đề ra các giải pháp thích hợp và tập trung thực hiện các biện pháp nhằm thúc đẩy kinh doanh, tập trung giải quyết, tháo

gỡ các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị trong toàn hệ thống để đảm bảo phát triển kinh doanh đạt mục tiêu đề ra. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của VCB đang đi đúng định hướng của ĐHĐCĐ với phương châm “Đổi mới – Hiệu quả – Bền vững” và quan điểm chỉ đạo, điều hành: “Trách nhiệm – Kỷ cương – Kết nối – Sáng tạo”, hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và BDH đã tuân thủ các quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng và Điều lệ VCB.

1: Ngày bắt đầu là thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028.
2: Ngày bắt đầu là thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028.



b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Công tác giám sát của BKS được thực hiện thông qua giám sát việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ VCB đối với HĐQT, BĐH trong việc quản trị điều hành; giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT nhằm thực hiện các định hướng của ĐHĐCĐ; thẩm định Báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính; theo dõi việc ban hành, cập nhật, sửa đổi các văn bản quy định của VCB nhằm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;...

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác:

Thực hiện Quy chế quản trị nội bộ VCB, BKS thường xuyên tham dự và đóng góp ý kiến độc lập tại các phiên họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của BĐH. BKS được cung cấp các báo cáo, thông tin, tài liệu và tham gia ý kiến tại các cuộc họp về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ngân hàng phục vụ cho việc kiểm toán, giám sát của BKS. BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BĐH trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ, phối hợp trong hoạt động giám sát, kiểm toán của ngân hàng. Trên cơ sở kết quả giám sát và kiểm toán nội bộ, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT,

Tuân thủ theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, BKS đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và cập nhật thông tin định kỳ, đảm bảo các thông tin được cập nhật đầy đủ, kịp thời theo quy định.

BĐH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn hoạt động của VCB. Ngoài ra, BKS thường xuyên tham gia ý kiến, kiến nghị, đề xuất với HĐQT, BĐH trong việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy định, chính sách, quy định nội bộ của VCB; tham gia ý kiến tư vấn về các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của VCB. Các kiến nghị của BKS được HĐQT, BĐH ghi nhận và chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Hoạt động kiểm toán, thẩm định báo cáo tài chính và các hoạt động khác của BKS:

Trong năm 2025, BKS đã chỉ đạo các bộ phận trực thuộc triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ VCB: (i) thực hiện công tác thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024, Báo cáo tài chính bán niên 2025; (ii) theo dõi tình hình quản lý giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn của VCB; (iii) theo dõi, giám sát từ xa các chi nhánh, công ty con của VCB; (iv) triển khai 29 cuộc kiểm toán tại các Phòng/Ban/Trung tâm Trụ sở chính VCB, các chi nhánh, công ty con trong nhiều lĩnh vực, như: kiểm toán mang tính hệ thống về các hoạt động tín dụng; ICAAP; vay/gửi và mua bán giấy tờ có giá; Công tác đấu thầu, mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ; Công tác đầu tư xây dựng công trình trụ sở; Công tác phải thu phải trả còn treo trễ lâu ngày; hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; công tác quản lý, đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống thông tin; Hoạt động quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất; Công tác triển khai hệ thống báo cáo theo quy định; Hoạt động Phòng chống

rửa tiền tại VCB và VCBR; Hoạt động quản lý rủi ro mô hình; Công tác đầu tư mua sắm, xây dựng và quản lý sử dụng tài sản nhà đất; Kiểm toán SWIFT; kiểm toán hoạt động của các công ty con/chi nhánh/văn phòng đại diện; (v) thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và theo quy định quản trị nội bộ của VCB.

BKS đã chủ động, tăng cường theo dõi, đôn đốc các Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính và các chi nhánh trong quá trình thực hiện kiến nghị của BKS, Kiểm toán nội bộ và kiến nghị theo kết luận của các đơn vị thanh tra, kiểm tra bên ngoài.

Các thành viên/cán bộ BKS đã tích cực, chủ động tham gia các dự án nâng cao năng lực quản trị và các dự án khác của ngân hàng; nghiên cứu, đề xuất, triển khai các sáng kiến khoa học; tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức quản trị, điều hành; xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ giám sát, kiểm toán, tăng cường trao đổi kinh nghiệm và phương pháp kiểm toán cho cán bộ mới.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của người nội bộ

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Thù lao bình quân của từng thành viên HĐQT, tiền lương của Ban Điều hành, Kế toán trưởng trong năm 2025 theo giới tính cụ thể như sau:

	Trung bình thu nhập năm 2025 (Triệu VND)	Số lượng thành viên tại thời điểm 31/12/2025
Hội đồng quản trị (*)	2.026	10
Nam	2.062	8
Nữ	1.897	2
Ban Điều hành, Kế toán trưởng (**)	2.143	10
Nam	2.232	6
Nữ	2.009	4

(*) Lưu ý:
(1) Không bao gồm TV độc lập HĐQT Vũ Viết Ngoạn.
(2) Không bao gồm TV HĐQT Nguyễn Mỹ Hào do nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/11/2024 và được ĐHĐCĐ bất thường tháng 03/2025 miễn nhiệm ngày 07/03/2025.
(3) Không bao gồm TV HĐQT – Tổng Giám đốc Lê Quang Vinh do nhận lương, thưởng của Ban Điều hành.
(4) TV HĐQT Kohei Matsuoka và TV HĐQT Hoàng Thanh Nhân ghi nhận thu nhập kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 bổ nhiệm ngày 26/04/2025.
(5) TV HĐQT Shojiro Mizoguchi ghi nhận thu nhập tới thời điểm được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 miễn nhiệm ngày 26/04/2025.

(**) Lưu ý:
(1) Từ ngày 07/03/2025, ông Lê Quang Vinh được ĐHĐCĐ bầu vào chức danh TV HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng. Lương, thưởng của ông Lê Quang Vinh trong thời gian đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành và Tổng Giám đốc được ghi nhận tại mục Lương, thưởng Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng.
(2) Ông Nguyễn Văn Tuấn ghi nhận thu nhập kể từ thời điểm được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc ngày 16/01/2025.

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Trong năm 2025, VCB có phát sinh 06 giao dịch mua, bán cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan, cụ thể như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đỗ Thị Kim Dung	Chị gái của người nội bộ Đỗ Việt Hùng (TV HĐQT)	1.000	0,000017%	2.000	0,000024%	Mua, bán cổ phiếu (giao dịch trong tháng 1,2,4,8/2025)
2	Phùng Nguyễn Hải Yến	Người nội bộ (PTGD)	4.943	0,000088%	42.339	0,000051%	Mua cổ phiếu (giao dịch trong các tháng 2,4,5/2025 và VCB đã thực hiện CBTT)
3	Nguyễn Thị Tú Anh	Chị gái của người nội bộ Nguyễn Trung Nam* (Người phụ trách quản trị ngân hàng kiêm Thư ký Ngân hàng)	0	0%	990	0,000012%	Mua, bán cổ phiếu (giao dịch trong tháng 3,4/2025)
4	Ngân hàng thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số (VCBNeo)	Người nội bộ Nguyễn Mạnh Hùng (TV HĐQT) là Chủ tịch HĐQT tại VCBNeo	39.303	0,000703%	0	0%	Bán cổ phiếu (giao dịch trong tháng 8/2025 và VCB đã thực hiện CBTT)
5	Nguyễn Thị Kim	Chị dâu của người nội bộ Vũ Viết Ngoạn (TV HĐQT)	0	0%	200	0,000002%	Mua cổ phiếu (giao dịch trong tháng 11/2025)
6	Lê Việt Anh	Người nội bộ (Người phụ trách quản trị ngân hàng kiêm Thư ký Ngân hàng)	9.823	0,000176%	10.664	0,000128%	Mua, bán cổ phiếu (giao dịch trong tháng 7-12/2025)

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan

Trong năm 2025, VCB có phát sinh các giao dịch giữa Ngân hàng và người nội bộ và người có liên quan, cụ thể như sau:

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với ngân hàng	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với ngân hàng	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank Tower 198 (VCBT)	- Công ty con - PTGD Phùng Nguyễn Hải Yến là Chủ tịch Công ty VCBT	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và sửa đổi lần gần nhất theo giấy phép ngày 01/07/2025 do Sở tài chính TP. Hà Nội cấp	Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	17/09/2025 17/10/2025 12/11/2025 08/12/2025	Nghị quyết số 283/NQ –VCB–HĐQT ngày 21/09/2016	Tiếp tục thuê văn phòng và thuê kho cho Trụ Sở chính VCB tại tòa nhà VCB Tower (từ 01/09/2025 đến 31/12/2025). Số lượng: 04 giao dịch Tổng giá trị giao dịch: 44.116.528.956 đồng
2	Công ty liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Benthanh (VBB)	- Công ty liên doanh - PTGD Phùng Nguyễn Hải Yến là Chủ tịch Công ty VBB	Số 2458/GP ngày 07/02/2005 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 0303742875 ngày 29/12/2025 do Sở Tài chính TP.HCM cấp.	Lầu 22, Vietcombank Tower, Số 05, Công trường Mê Linh, Phường Sài gòn, TP HCM	02/01/2025 25/03/2025 27/06/2025 21/10/2025 29/12/2025	Nghị quyết số 118/ NQ–VCB. HĐQT ngày 22/04/2015	Thuê trụ sở của Hội sở chính tại tòa nhà Vietcombank Tower Số lượng: 05 Tổng giá trị giao dịch: 59.647.623.253 đồng
3	Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông (VFC)	- Công ty con - PTGD Phùng Nguyễn Hải Yến là Chủ tịch Công ty VFC	Đăng ký kinh doanh số 58327 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 10/02/1978	Tầng 16, tòa nhà Golden Star, 20–24 Lockhart Road, Hongkong	Giao dịch nhiều lần trong giai đoạn từ 17/03/2025 đến 12/08/2025	Nghị quyết số 168/ NQ–VCB–HĐQT ngày 17/03/2025	Phê duyệt giới hạn tín dụng đối với VFC
4	Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông (VFC)	- Công ty con - PTGD Phùng Nguyễn Hải Yến là Chủ tịch Công ty VFC	Đăng ký kinh doanh số 58327 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 10/02/1978	Tầng 16, tòa nhà Golden Star, 20–24 Lockhart Road, Hongkong	Giao dịch nhiều lần trong giai đoạn từ 12/08/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết số 503/ NQ–VCB–HĐQT ngày 12/08/2025	Phê duyệt điều chỉnh giới hạn tín dụng đối với VFC
5	Ngân hàng Mizuho Bank Ltd	Cổ đông lớn	CA 5593	1–5–5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo 100–8176, Japan	Giao dịch nhiều lần trong giai đoạn từ 18/03/2025 đến 08/07/2025	Nghị quyết số 163/ NQ–VCB–HĐQT ngày 17/03/2025	Phê duyệt điều chỉnh giới hạn tín dụng đối với Mizuho Bank
6	Ngân hàng Mizuho Bank Ltd	Cổ đông lớn	CA 5593	1–5–5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo 100–8176, Japan	Giao dịch nhiều lần trong giai đoạn từ 09/07/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết số 434/ NQ–VCB–HĐQT ngày 08/07/2025	Phê duyệt giới hạn tín dụng đối với Mizuho Bank
7	Ngân hàng thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số (VCB Neo)	- Công ty con. - Ngân hàng do VCB sở hữu 100% vốn điều lệ theo phương án chuyển giao bắt buộc (CGBB) - TV HĐQT Nguyễn Mạnh Hùng là Chủ tịch Hội đồng thành viên của VCB Neo.	Giấy phép thành lập số 0047/ GP–NHNN do NHNN cấp ngày 29/12/1993	Số 10 Thiển Quang, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Giao dịch nhiều lần trong giai đoạn từ 10/03/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết 125/NQ–VCB– HĐQT ngày 26/02/2025	Phê duyệt chủ trương thực hiện mua bán nợ với VCB Neo
8	Ngân hàng thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số (VCB Neo)	- Công ty con. - Ngân hàng do VCB sở hữu 100% vốn điều lệ theo phương án CGBB. - TV HĐQT Nguyễn Mạnh Hùng là Chủ tịch Hội đồng thành viên của VCB Neo.	Giấy phép thành lập số 0047/ GP–NHNN do NHNN cấp ngày 29/12/1993	Số 10 Thiển Quang, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Giao dịch nhiều lần trong giai đoạn từ 20/03/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết 129/NQ–VCB– HĐQT ngày 26/02/2025	Phê duyệt chủ trương thực hiện giao dịch ủy thác và cấp tín dụng hợp vốn cùng VCB Neo
9	Ngân hàng thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số (VCB Neo)	- Công ty con. - Ngân hàng do VCB sở hữu 100% vốn điều lệ theo phương án CGBB. - TV HĐQT Nguyễn Mạnh Hùng là Chủ tịch Hội đồng thành viên của VCB Neo.	Giấy phép thành lập số 0047/ GP–NHNN do NHNN cấp ngày 29/12/1993	Số 10 Thiển Quang, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Giao dịch nhiều lần trong giai đoạn từ 25/04/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết 155/NQ–VCB– HĐQT ngày 14/03/2025	Phê duyệt giới hạn tín dụng đối với VCB Neo
10	Ngân hàng thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số (VCB Neo)	- Công ty con. - Ngân hàng do VCB sở hữu 100% vốn điều lệ theo phương án CGBB. - TV HĐQT Nguyễn Mạnh Hùng là Chủ tịch Hội đồng thành viên của VCB Neo.	Giấy phép thành lập số 0047/ GP–NHNN do NHNN cấp ngày 29/12/1993	Số 10 Thiển Quang, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Giao dịch nhiều lần trong giai đoạn từ tháng 22/09/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết 554/ NQ–VCB–HĐQT ngày 22/09/2025	Phê duyệt điều chỉnh giới hạn tín dụng đối với VCB Neo
11	CTCP May Phương Đông	TGD CTCP May Phương Đông là chị gái của TV HĐQT Nguyễn Tuấn Anh	Giấy Đăng ký kinh doanh số 0301446687 do Sở KHĐT TP.HCM cấp ngày 24/10/1998	934 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TPHCM	Giao dịch nhiều lần trong giai đoạn từ 20/05/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết 299/ NQ–VCB–HĐQT ngày 14/05/2025	Phê duyệt giới hạn tín dụng đối với CTCP May Phương Đông. Dư nợ tại thời điểm 31/12/2025: 344,61 tỷ đồng.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan

(Tiếp theo)

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với ngân hàng	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với ngân hàng	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
12	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCBS)	- Công ty con	Giấy phép hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24/04/2002 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 89/GPĐC-UBCK ngày 16/09/2025	Tầng 5-6-7-8 Toà nhà Thủ đô, số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội	Giao dịch nhiều lần trong giai đoạn từ 21/11/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết 592/NQ-VCB-HĐQT ngày 14/10/2025	Phê duyệt chủ trương giao dịch với VCBS và VCBF. Bao gồm mua/bán chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá, mua bán ngoại tệ và cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho danh mục ủy thác đầu tư tại VCBF và quỹ đầu tư do VCBF quản lý.
13	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCBS)	- Công ty con	Giấy phép hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24/04/2002 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 89/GPĐC-UBCK ngày 16/09/2025	Tầng 5-6-7-8 Toà nhà Thủ đô, số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội	Chưa phát sinh giao dịch	Nghị quyết 715/NQ-VCB-HĐQT ngày 25/12/2025	Phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Công ty VCBS từ 2.500 tỷ đồng lên 12.500 tỷ đồng (tăng 10.000 tỷ đồng tương đương 400% vốn điều lệ VCBS trước thời điểm tăng vốn).
14	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCBS)	- Công ty con	Giấy phép hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24/04/2002 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 89/GPĐC-UBCK ngày 16/09/2025	Tầng 5-6-7-8 Toà nhà Thủ đô, số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP Hà Nội	Chưa phát sinh giao dịch	Nghị quyết 728/NQ-VCB-HĐQT ngày 30/12/2025	Phê duyệt nội dung thỏa thuận hợp tác về việc thực hiện giao dịch chứng chỉ tiền gửi do VCB phát hành bằng phương tiện điện tử giữa KHCCN của VCB và VCBS trên hệ thống của VCB.
15	Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (VCBF)	- Công ty con	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 02/12/2005 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 14/05/2024	198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	19/12/2025	Nghị quyết 592/NQ-VCB-HĐQT ngày 14/10/2025	Phê duyệt chủ trương giao dịch với VCBS và VCBF. Các giao dịch bao gồm mua/bán chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá, mua bán ngoại tệ và cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho danh mục ủy thác đầu tư tại VCBF và quỹ đầu tư do VCBF quản lý.
16	Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào (VCB Lào)	- Công ty con - PTGD Hồ Văn Tuấn là Chủ tịch HĐQT VCB Lào	Giấy phép hoạt động số 17/BOL ngày 30/08/2024 do Ngân hàng Nhà nước Lào cấp	Số 12, Đại lộ Lanexang, Bản Hatsady, Quận ChanthaboulyViêng Chăn, CHDCND Lào	Chưa phát sinh giao dịch.	Nghị quyết 653/NQ-VCB-HĐQT ngày 18/11/2025	Phê duyệt giới hạn tín dụng đối với VCB Lào.
17	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank (VCBL)	Công ty con	Giấp phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31/10/2017	Tầng 04, tòa nhà 25T1, N05, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, TP Hà Nội	Giao dịch nhiều lần trong giai đoạn từ 11/11/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết 641/NQ-VCB-HĐQT ngày 11/11/2025	Phê duyệt giới hạn tín dụng đối với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank.
18	Công ty chuyển tiền Vietcombank (VCBM)	- Công ty con - PTGD Lê Hoàng Tùng là Chủ tịch Công ty VCBM	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 ngày 15/06/2009 do chính quyền bang Nevada, Hoa kỳ cấp	12112 Brookhurst street, suite 11, Garden Grove, CA 92840, United states	Chưa phát sinh giao dịch.	Nghị quyết 456/NQ-VCB-HĐQT ngày 15/07/2025	Phê duyệt tăng vốn điều lệ Công ty VCBM. VCB góp vốn bổ sung thêm 16.225.000 USD, nâng tổng vốn góp của VCB tại VCBM từ 9.625.000 USD lên 25.850.000 USD, tương đương từ 87,5% lên 94% vốn điều lệ của VCBM.
19	Công ty chuyển tiền Vietcombank (VCBM)	- Công ty con - PTGD Lê Hoàng Tùng là Chủ tịch Công ty VCBM	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 ngày 15/06/2009 do chính quyền bang Nevada, Hoa kỳ cấp	12112 Brookhurst street, suite 11, Garden Grove, CA 92840, United States	10 - 14 /11/2025	Nghị quyết 640/NQ-VCB-HĐQT ngày 06/11/2025	Phê duyệt giao dịch giữa VCB và VCBM về việc VCBM cung cấp dịch vụ đào tạo chương trình “Nâng cao chất lượng tuân thủ phòng chống rửa tiền/chống tài trợ khủng bố và cấm vận” được tổ chức tại Mỹ năm 2025.

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty tại VCB trong năm 2025 được triển khai nghiêm túc, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành cũng như các quy định nội bộ của Ngân hàng. VCB đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời các báo cáo tài chính, báo cáo về tình hình quản trị công ty, báo cáo thường niên cùng các tài liệu liên quan theo đúng thời hạn quy định, qua đó góp phần đảm bảo tính minh bạch và nâng cao hiệu quả quản trị. Bên cạnh đó, việc VCB được vinh danh hai năm liên tiếp trong danh sách Top 50

Doanh nghiệp thực hành Quản trị Công ty tốt nhất (VNCG50) do Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) công bố đã ghi nhận những nỗ lực của Ngân hàng trong việc áp dụng các thông lệ quản trị tốt. Trong thời gian tới, VCB định hướng tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị công ty thông qua việc cập nhật và áp dụng các chuẩn mực quản trị quốc tế, tăng cường đào tạo về quản trị cho đội ngũ lãnh đạo các cấp, đồng thời tiếp tục kiện toàn cơ chế kiểm soát nội bộ và nâng cao vai trò giám sát của Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo hoạt động quản trị công ty ngày càng hiệu quả và bền vững.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Tiếp xúc nhà đầu tư

Dẫn đầu về chất lượng tài sản, hiệu quả hoạt động và là công ty đại chúng có vốn hóa lớn nhất Việt Nam, hoạt động quan hệ nhà đầu tư luôn được VCB chú trọng, chuyên nghiệp hóa và hướng đến những chuẩn mực quốc tế tốt nhất. Ngân hàng đã thực hiện gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi với cổ đông, nhà đầu tư, chuyên gia phân tích để cập nhật tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, chiến lược của VCB cũng như trao đổi về bối cảnh kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính – ngân hàng và môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Trong năm 2025, VCB đã thực hiện 4 cuộc họp công bố kết quả kinh doanh định kỳ hàng quý, 57 cuộc tiếp xúc với 672 nhà đầu tư, chuyên gia phân tích trong và ngoài nước, tham dự 7 sự kiện nhà đầu tư trong nước và tại các thị trường tài chính lớn trên thế giới (Singapore, Hongkong, Bangkok,...). Các hoạt động này của VCB luôn được các công ty chứng khoán, nhà đầu tư đánh giá cao về chất lượng cũng như mức độ chuyên nghiệp, bài bản. Qua đó, thông tin về hoạt động kinh doanh của VCB được truyền tải đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời, chính xác tới nhà đầu tư và thị trường, góp phần giữ vững vị thế đứng đầu về giá trị vốn hóa cũng như hiệu quả đầu tư của cổ phiếu VCB, vượt lên những biến động bất lợi trên thị trường chứng khoán nói chung.

Hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Nhân thức rõ vai trò của thông tin minh bạch, kịp thời về tình hình hoạt động của doanh nghiệp đối với nhà đầu tư, hoạt động công bố thông tin tại VCB luôn nhận được nhiều sự quan tâm, chú trọng. VCB đã thực hiện công bố chính xác, kịp thời và đầy đủ các nội dung thông tin định kỳ, bất thường về hoạt động ngân hàng bằng cả Tiếng Việt và Tiếng Anh, đảm bảo tuân thủ theo quy định cũng như gia tăng niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư thông qua việc kịp thời nắm bắt và cập nhật được tình hình hoạt động cũng như những kế hoạch, chiến lược của VCB.

Chi trả cổ tức cho cổ đông

Trong năm 2025, VCB đã thực hiện phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau khi trích lập các quỹ lũy kế đến hết năm 2018 và lợi nhuận còn lại năm 2021, với tỷ lệ thực hiện 1.000:495 (cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách được nhận thêm 495 cổ phiếu mới). Đồng thời, VCB đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 4,5%/mệnh giá (tương đương 450 đồng/cổ phiếu). Việc chi trả cổ tức được thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, đồng thời góp phần củng cố năng lực tài chính và hỗ trợ định hướng tăng trưởng bền vững của Ngân hàng.

Những thành tựu trong năm 2025

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Vietcombank đạt trên

2,4 triệu tỷ đồng
tăng 17% so với cuối năm 2024.

Dư nợ cấp tín dụng đối với nền kinh tế đạt

~ 1,7 triệu tỷ đồng

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu nhiều biến động và môi trường tài chính tiềm ẩn rủi ro, Vietcombank khép lại năm 2025 không chỉ nằm ở kết quả tài chính tích cực, mà đã hoàn thành trọn vẹn vai trò và trách nhiệm đối với toàn hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh nhiều tổ chức tín dụng phải thu hẹp khẩu vị rủi ro, Vietcombank vẫn hoàn thành hiệu quả “mục tiêu kép”: duy trì tăng trưởng kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong tái cơ cấu hệ thống ngân hàng.

Kết quả kinh doanh của Vietcombank năm 2025 cho thấy một lựa chọn chiến lược nhất quán: tăng trưởng đi kèm kỷ luật và kiểm soát rủi ro. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Vietcombank đạt trên 2,4 triệu tỷ đồng, tăng 17% so với cuối năm 2024. Dư nợ cấp tín dụng đối với nền kinh tế đạt ~1,7 triệu tỷ đồng, tăng 15%. Ở chiều huy động, nguồn vốn thị trường I đạt ~1,7 triệu tỷ đồng, tăng 10,4% so với cuối năm trước, bảo đảm cân đối nguồn – sử dụng vốn an toàn. Trên nền tảng đó, lợi nhuận trước thuế đạt kế hoạch, các chỉ số sinh lời ROA và ROE nằm trong nhóm dẫn đầu, trong khi tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát dưới 1%. Những con số này cho thấy Vietcombank không theo đuổi tăng trưởng bằng mọi giá. Thay vào đó, ngân hàng duy trì nhịp tăng trưởng ổn định, tập trung vào chất lượng tài sản và hiệu quả sử dụng vốn – những yếu tố cốt lõi bảo đảm sức bền trong các chu kỳ kinh tế biến động.

Song song với kết quả kinh doanh tích cực, Vietcombank đã thực hiện trách nhiệm với hệ thống ngân hàng thông qua việc triển khai Phương án nhận chuyển giao bắt buộc Ngân hàng Xây dựng (nay là VCBNeo) một cách quyết liệt, đồng bộ và bước đầu mang lại kết quả tích cực, vượt tiến độ đề ra.

Cùng lúc đó, Vietcombank tiếp tục đóng vai trò chủ lực trong việc thực thi chính sách tiền tệ và hỗ trợ nền kinh tế thông qua các chương trình hỗ trợ người dân và doanh nghiệp với mặt bằng lãi suất cạnh tranh nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Tổng số tiền miễn giảm và hỗ trợ lãi suất trong năm 2025 lên tới hàng nghìn tỷ đồng. Ngân hàng cũng cam kết tài trợ hàng trăm tỷ đồng cho các chương trình an sinh xã hội tại nhiều địa phương trên cả nước, góp phần hỗ trợ cộng đồng khắc phục hậu quả thiên tai và cải thiện đời sống xã hội. Cụ thể, trong năm 2025 Vietcombank đã triển khai 28 chương trình, chính sách lãi suất cho vay ưu đãi với mức thấp hơn 0,5 – 2% so với mặt bằng chung; đồng thời kịp thời giảm lãi suất lên tới 2% cho khách hàng chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ.

Kết quả là gần 39.000 khách hàng được tiếp cận vốn ưu đãi, quy mô dư nợ khoảng 810.000 tỷ đồng, chiếm gần 49% tổng dư nợ của Vietcombank. Tổng giá trị ưu đãi lãi vay gần 7.000 tỷ đồng phản ánh sự chia sẻ thực chất với doanh nghiệp và người dân, đồng thời cho thấy vai trò “bộ giảm xóc” của ngân hàng trong nền kinh tế. Ngoài ra, Vietcombank tiếp tục là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho ngân sách Nhà nước, đạt trên 15.000 tỷ đồng năm 2025.

Với những nỗ lực không ngừng trong điều hành và phát triển hoạt động kinh doanh, Vietcombank trong năm 2025 tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu khi được vinh danh bởi nhiều tổ chức uy tín trong nước và quốc tế.

Đối với những giải thưởng trong nước, VCB dành được giải thưởng Sao Khuê 2025 khi có tới 05 giải pháp chuyển đổi số được Hội đồng giám khảo đánh giá cao và vinh danh; Tiếp tục dẫn đầu ngành ngân hàng về đổi mới sáng tạo và ESG theo xếp hạng Top 10 Ngân hàng Đổi mới sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả năm 2025 (VIE10), dẫn đầu Top 10 Ngân hàng – ESG Việt Nam xanh 2025 (ESG10); 3 năm liên tiếp được vinh danh trong nhóm 20 doanh nghiệp có chỉ số phát triển bền vững tốt nhất thị trường VNSI do Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh HOSE công bố; 09 lần liên tiếp dẫn đầu danh sách Top 10 Ngân hàng thương mại uy tín, hiệu quả do Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet tổ chức và vinh danh những doanh nghiệp đầu ngành có sức ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam.

Vượt ra khỏi quy mô trong nước, VCB liên tục nhận được sự ghi nhận tích cực từ đánh giá của các tổ chức quốc tế. Vietcombank đã khẳng định mức xếp hạng tín nhiệm (XHTN) dài hạn cao nhất trong nhóm ngân hàng do 3 tổ chức XHTN quốc tế lớn và uy tín nhất thế giới hiện nay đánh giá. Bên cạnh đó, các mức XHTN đang ở “trần” và đồng mức theo XHTN quốc gia. Cụ thể kết quả hệ số tín nhiệm của Vietcombank theo đánh giá của từng tổ chức như sau:

- Moody’s duy trì ở mức Ba2/ Triển vọng Ổn định;
- S&P ở mức BB+ / Triển vọng Ổn định – nâng 1 bậc so với năm 2024;
- Fitch duy trì BB+/ Triển vọng Ổn định.

Các mức XHTN hiện nay của VCB thể hiện sự ghi nhận của các tổ chức XHTN độc lập đối với năng lực tài chính vững mạnh, chất lượng tài sản và hiệu quả quản trị rủi ro của VCB. Kết quả này không chỉ củng cố vị thế của VCB trong hệ thống tài chính – ngân hàng Việt Nam, mà còn góp phần tăng cường niềm tin của nhà đầu tư, đối tác và khách hàng trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, Vietcombank là đại diện duy nhất của Việt Nam được công ty nghiên cứu thị trường hàng đầu thế giới Kantar BrandZ chứng nhận là “Top 30 thương hiệu giá trị nhất Đông Nam Á năm 2024”; nhận 2 giải thưởng Quản trị rủi ro dành cho Ngân hàng Bán buôn và Ngân hàng Bán lẻ trong khuôn khổ lễ trao giải Asian Banking and Finance Awards 2025 do Tạp chí Asian Banking and Finance Singapore trao tặng; 2 năm liên tiếp nhận giải thưởng “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á năm 2025” do HR Asia Magazine – Tạp chí nhân sự uy tín hàng đầu Châu Á trao tặng. Những giải thưởng uy tín cùng sự đánh giá tích cực từ nhà đầu tư chính là minh chứng rõ nét cho những nỗ lực không ngừng của Vietcombank trong việc nâng cao chất lượng hoạt động quan hệ nhà đầu tư, qua đó từng bước xây dựng và khẳng định hình ảnh một thương hiệu minh bạch, chuyên nghiệp.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Thông tin chung

Nhằm giữ vững mục tiêu chiến lược là ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất Việt Nam, Vietcombank luôn chủ động nâng cao văn hóa quản trị rủi ro, tiên phong trong nghiên cứu, áp dụng các mô hình, phương thức quản trị rủi ro tiên tiến theo chuẩn mực quốc tế, định hướng của cơ quan quản lý, cũng như nhu cầu quản trị nội bộ.

Về cơ cấu tổ chức, Vietcombank thường xuyên rà soát, kiện toàn bộ máy quản trị rủi ro phù hợp với nguyên tắc ba tuyến bảo vệ:

- 1

Tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro
- 2

Tuyến bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật
- 3

Tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ.

Đồng thời, Ngân hàng tăng cường, nâng cao vai trò, hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng, Bộ phận trong công tác quản lý rủi ro, như: Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng rủi ro, Bộ phận Quản lý rủi ro, Bộ phận tuân thủ, Kiểm toán nội bộ... qua đó nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro, đồng thời hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất cho Ngân hàng.

Các văn bản, chính sách, quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro được Vietcombank liên tục rà soát, cập nhật định kỳ hoặc ban hành mới nhằm đáp ứng các yêu cầu, định hướng của cơ quan quản lý cũng như thực trạng hoạt động của Ngân hàng.

Vietcombank cũng chú trọng trong nghiên cứu, xây dựng các công cụ, mô hình đo lường rủi ro theo các phương pháp tiên tiến. Các mô hình lượng hóa rủi ro đã được xây dựng với tỷ lệ bao phủ gần như toàn bộ danh mục của Ngân hàng. Bên cạnh đó, các hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cũng thường xuyên được Vietcombank nâng cấp nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu quản trị. Công tác rà soát và nâng cao chất lượng dữ liệu tại Vietcombank được chú trọng và duy trì thường xuyên, liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm soát chất lượng cũng như tính đầy đủ của dữ liệu. Vietcombank xác định mục tiêu đảm bảo chất lượng dữ liệu là mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn này để duy trì và nâng cao khả năng cạnh tranh của Ngân hàng.

Năm 2025 trong bối cảnh tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới có nhiều biến động, Vietcombank vẫn tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả và tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện các giải pháp nâng cao công tác quản lý rủi ro cho Ngân hàng.

Năm 2025, Vietcombank được vinh danh

02 giải thưởng của tổ chức quốc tế uy tín (Asian Banking and Finance Awards)



Tiếp nối thành công là Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho phép áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn quy định, cũng như hoàn thành việc đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP – Trụ cột 2 Basel II), ngoài việc vận hành công tác quản lý rủi ro và tính vốn theo chuẩn mực Basel II phương pháp tiêu chuẩn, Vietcombank tiếp tục chủ động nghiên cứu, triển khai các giải pháp, sáng kiến liên quan đến Basel II theo phương pháp nâng cao cũng như nghiên cứu, chuẩn bị các năng lực cần thiết để triển khai, áp dụng Basel III, qua đó hướng đến là ngân hàng tiên phong tại Việt Nam đáp ứng các chuẩn mực Basel cao hơn ngay khi Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định, hướng dẫn chính thức. Ngày 30/06/2025, NHNN đã ban hành Thông tư 14/2025/TT-NHNN

quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 14/2025). Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, định hướng chiến lược rõ ràng, Vietcombank đã tiên phong đăng ký áp dụng cả phương pháp tiêu chuẩn (SA) và phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB) của Thông tư 14/2025 ngay tại thời điểm Thông tư có hiệu lực (15/09/2025). Quyết định đăng ký áp dụng sớm Thông tư 14/2025 của Vietcombank một lần nữa nhấn mạnh cam kết và vị thế là ngân hàng quản lý rủi ro hàng đầu tại Việt Nam, đồng thời khẳng định vai trò tiên phong và chuẩn mực trong hệ thống tài chính Việt Nam. Vietcombank tin tưởng sẽ không chỉ đáp ứng thành công Basel III, mà còn ứng dụng hiệu quả các chuẩn mực quốc tế để gia tăng năng lực cạnh tranh, tạo dựng giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông và nền kinh tế.

Năm 2025, Vietcombank được vinh danh 02 giải thưởng của tổ chức quốc tế uy tín (Asian Banking and Finance Awards) cho các sáng kiến ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số vào công tác quản lý rủi ro (hệ thống quản lý rủi ro mô hình – MRM, VCB Tablet). Việc đạt được giải thưởng từ một tổ chức quốc tế uy tín không chỉ là động lực mạnh mẽ để Ngân hàng tiếp tục sáng tạo, phát triển, mà còn khẳng định chất lượng và vị thế của Vietcombank.

Cũng trong năm 2025, Vietcombank tiếp tục đẩy mạnh triển khai các sáng kiến chiến lược nhằm tiếp tục giữ vững mục tiêu là Ngân hàng quản trị rủi ro hàng đầu Việt Nam.

Công tác quản lý các loại hình rủi ro trọng yếu tại Vietcombank trong năm 2025

Quản lý rủi ro Tín dụng

Rủi ro tín dụng bao gồm:



1
Rủi ro tín dụng (là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng);

2
Rủi ro tín dụng đối tác (là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này).

Khung quản lý rủi ro tín dụng của Vietcombank bao gồm cơ cấu tổ chức, các chính sách, quy trình, mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng, hạn mức và báo cáo rủi ro tín dụng. Một số kết quả quản lý rủi ro tín dụng chính trong thời gian vừa qua có thể kể đến như sau:

- Vận hành hiệu quả hệ thống khung dấu hiệu cảnh báo sớm (“EWS”) đối với khách hàng doanh nghiệp giúp đánh giá và nhận diện sớm các khách hàng doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro, kịp thời đưa ra các biện pháp phòng ngừa, nhằm nâng cao chất lượng danh mục tín dụng của Ngân hàng. Bên cạnh đó, trong năm 2025, Ngân hàng đã hoàn thiện xây dựng mô hình định lượng cảnh báo sớm đối với khách hàng bán lẻ và triển khai tin học hóa mô hình trên hệ thống; nâng cấp mô hình định lượng cảnh báo sớm đối với khách hàng doanh nghiệp để tăng cường nhận diện sớm các khách hàng bán lẻ tiềm ẩn rủi ro.

- Rà soát thường xuyên, điều chỉnh kịp thời hệ thống các văn bản chính sách về quản lý rủi ro tín dụng nhằm phù hợp với quy định của pháp luật, khẩu vị rủi ro cũng như đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Ngân hàng. Trong năm 2025, Vietcombank đã kịp thời rà soát, điều chỉnh và ban hành mới các văn bản chính sách về quản lý rủi ro tín dụng: (i) quy định về hạn mức rủi ro tín dụng và hạn mức rủi ro tập trung tín dụng, (ii) quy định về giới hạn tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp và định chế tài chính phi tổ chức tín dụng, (iii) các quy trình tín dụng khách hàng bán buôn, khách hàng bán lẻ, khách hàng SME, (iv) các quy chế tổ chức và hoạt động của các Hội đồng (Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng tín dụng trung ương), (v) quy định bảo lãnh đối với khách hàng, (vi) quy trình chấm điểm và các sổ tay hướng dẫn chấm điểm, (vii) hướng dẫn cho vay đặc thù, (viii) các quy định về thẩm quyền phê duyệt tín dụng, thẩm quyền phê duyệt giá trị định giá tài sản bảo đảm, (ix) chính sách bảo đảm tín dụng, (x) quy trình thẩm định giá tài sản bảo đảm và quy trình kiểm soát chất lượng định giá...

- Rà soát, thực hiện nâng cấp các mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng để đáp ứng quy định tỷ lệ an toàn vốn tại Thông tư 14/2025/TT-NHNN, tiến tới đáp ứng Basel III; từng bước đưa vào ứng dụng trong các chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động điều hành kinh doanh.
- Nghiên cứu, sửa đổi chương trình tính tài sản có rủi ro tín dụng phục vụ tính tỷ lệ an toàn vốn, tiến tới đáp ứng sớm quy định tại Thông tư 14/2025/TT-NHNN.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng, tính kịp thời và chủ động trong công tác quản lý danh mục tín dụng thông qua việc triển khai các báo cáo quản trị đa chiều phù hợp với thực tế diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô và đặc thù danh mục tín dụng của Vietcombank. Đồng thời, triển khai, hoàn thiện các chương trình, dự án, sáng kiến nhằm nâng cao năng lực quản trị và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý danh mục tín dụng.



- Xây dựng, rà soát định hướng ngành kinh tế trên cơ sở đánh giá các diễn biến, tác động vĩ mô và phân tích danh mục để thực hiện điều chỉnh kịp thời góp phần hỗ trợ công tác phát triển kinh doanh, xây dựng kế hoạch tín dụng, cũng như thẩm định, rà soát và phê duyệt tín dụng.
- Cải thiện chất lượng, cập nhật thường xuyên thông tin về nhóm khách hàng có mối quan hệ liên quan nhằm mục tiêu quản trị, kiểm soát rủi ro trong cấp tín dụng đối với danh mục nhóm khách hàng có mối quan hệ liên quan, đặc biệt là nhóm khách hàng trọng yếu theo khẩu vị rủi ro riêng của Vietcombank.
- Xây dựng, theo dõi và quản lý hạn mức rủi ro tín dụng, bao gồm: (i) Hạn mức cấp tín dụng theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở khả năng trả nợ của khách hàng, rủi ro tín dụng của ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Hạn mức cấp tín dụng theo sản phẩm, hình thức bảo đảm trên cơ sở rủi ro tín dụng tương ứng của sản phẩm, hình thức bảo đảm.

Đồng thời trong bối cảnh kinh tế vĩ mô chịu sự tác động của kinh tế thế giới với biến động nhanh, khó lường ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, người dân, Vietcombank đã duy trì đồng bộ các giải pháp về chính sách/quy định và hệ thống công nghệ tiên tiến, đồng thời thường xuyên đánh giá chất lượng danh mục tín dụng. Mặc dù gặp những khó khăn chung của nền kinh tế ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của Ngân hàng, nhưng Vietcombank vẫn đảm bảo chất lượng tín dụng được kiểm soát, cho thấy Vietcombank đã khẳng định vị thế một Ngân hàng vững mạnh về tài chính, tiếp tục duy trì hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.

Công tác quản lý các loại hình rủi ro trọng yếu tại Vietcombank trong năm 2025

Quản lý rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính (bao gồm cả rủi ro pháp lý) đối với Ngân hàng. Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

Khung quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ) của Vietcombank bao gồm cơ cấu tổ chức, văn hóa quản lý rủi ro, các chính sách, quy trình, khẩu vị và hạn mức rủi ro hoạt động, các công cụ, hệ thống và báo cáo QLRRHĐ. Khung QLRRHĐ liên tục được nâng cấp, kiện toàn và triển khai đầy đủ bảo đảm tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, theo tiêu chuẩn tiên tiến Basel và phù hợp với thực tiễn hoạt động của Ngân hàng.

Năm 2025, Vietcombank tiếp tục chú trọng, đổi mới công tác QLRRHĐ với trọng tâm là nhận diện, phòng ngừa và kiểm soát sớm rủi ro nhằm mục tiêu giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động để bảo vệ Ngân hàng, cổ đông và khách hàng. Bên cạnh việc triển khai đồng bộ các cấu phần thuộc khung QLRRHĐ nhằm nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát đầy đủ,

kip thời rủi ro hoạt động trong tất cả các sản phẩm, hoạt động kinh doanh, quy trình nghiệp vụ, hệ thống công nghệ thông tin và các hệ thống quản lý khác của Ngân hàng. Vietcombank tăng cường ứng dụng các giải pháp công nghệ và phân tích dữ liệu nhằm chủ động nhận diện và giám sát thường xuyên để kịp thời ngăn chặn các rủi ro hoạt động tiềm ẩn gây tổn thất cho hoạt động ngân hàng, góp phần hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh và bảo đảm an toàn hoạt động.

Vietcombank cũng triển khai mạnh mẽ khung quản lý rủi ro gian lận, khung quản lý rủi ro công nghệ thông tin, QLRRHĐ đối với hoạt động thuê ngoài, và quản lý kinh doanh liên tục, bảo đảm để hoạt động ngân hàng tuân thủ quy định pháp luật. Ngoài các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và giảm thiểu rủi ro hoạt động, Vietcombank tiếp tục thực hiện chuyển giao rủi ro hoạt động thông qua các gói bảo hiểm đối với tài sản của ngân hàng như một biện pháp bổ sung để quản lý rủi ro hoạt động và bảo vệ Ngân hàng trước nguy cơ tổn thất nghiêm trọng. Văn hóa QLRRHĐ của Vietcombank liên tục được củng cố, phát triển thông qua công tác đào tạo nâng cao về QLRRHĐ, về quy tắc ứng xử cho toàn bộ người lao động, đào tạo cơ bản về QLRRHĐ cho toàn bộ nhân viên mới, và xây dựng một môi trường lao động gắn kết, tuân thủ, có trách nhiệm để ngăn ngừa rủi ro. Vietcombank đã hoàn thành rà soát, triển khai đáp ứng tính Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo phương pháp tiêu chuẩn Basel III và tuân thủ quy định pháp luật, sẵn sàng đăng ký áp dụng phương pháp tiêu chuẩn với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của giá thị trường bao gồm nhưng không giới hạn tỷ giá, giá vàng, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hoá đối với giá trị danh mục tài sản tài chính của ngân hàng. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá cổ phiếu trên Sổ kinh doanh; rủi ro ngoại hối, rủi ro giá hàng hóa trên Sổ kinh doanh và Sổ ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro thị trường của Vietcombank là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức, chính sách, quy trình, mô hình và công cụ quản trị rủi ro, thiết lập và giám sát hạn mức, phân tích và báo cáo rủi ro. Vietcombank áp dụng các đại lượng đo lường (định giá, độ nhạy, giá trị chịu rủi ro VaR, lãi/lỗ theo giá thị trường, kiểm tra hồi tố VaR, kiểm tra sức chịu đựng, tính toán vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Thông tư 41) theo thông lệ quốc tế đồng thời tuân thủ quy định của pháp luật, khẩu vị rủi ro cũng như đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Ngân hàng. Việc quản lý rủi ro

thị trường được thực hiện chi tiết đến từng đơn vị kinh doanh, nghiệp vụ trên cơ sở xác định từng hồ sơ rủi ro nói riêng và khẩu vị rủi ro của Vietcombank nói chung. Trên cơ sở khung quản lý rủi ro thị trường đồng bộ, Vietcombank có thể chủ động phòng ngừa rủi ro nhằm hạn chế các tác động bất lợi của biến động thị trường.

Trong năm 2025, Vietcombank tiếp tục rà soát, định kỳ cập nhật khung quản lý rủi ro thị trường đáp ứng quy định của pháp luật, nhu cầu của đơn vị kinh doanh đối với các sản phẩm mới, đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai thử nghiệm các chuẩn mực quốc tế cao hơn như Basel III (tính vốn cho rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng đối tác theo phương pháp tiêu chuẩn Basel, tính vốn cho rủi ro điều chỉnh tín dụng theo phương pháp cơ bản rút gọn), ứng dụng chuyển đổi số, tăng cường tự động hóa nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh do: (i) Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc (ii) Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Khung quản trị rủi ro thanh khoản của Vietcombank đã được thiết lập đầy đủ bao gồm cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro theo thông lệ quốc tế, các tiêu chuẩn tiên tiến về Basel, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng. Các quy định, quy trình,

hạn mức, công cụ quản lý rủi ro thanh khoản...đều được rà soát và cập nhật hằng năm để kịp thời sửa đổi đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý và thực tế triển khai trong nội bộ của Ngân hàng.

Trong bối cảnh thanh khoản thị trường chịu nhiều áp lực năm 2025, Vietcombank luôn duy trì thanh khoản ổn định và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn thanh khoản. Ngoài việc theo dõi, kiểm soát rủi ro thanh khoản chặt chẽ hàng ngày, Vietcombank đã tổ chức diễn tập kế hoạch dự phòng thanh khoản (CFP) nhằm đảm bảo các cấp/phòng/ban/bộ phận nắm vững vai trò, trách nhiệm của đơn vị khi xảy ra tình huống khẩn cấp. Đồng thời, Vietcombank tiếp tục quản lý rủi ro thanh khoản chặt chẽ theo Basel III thông qua việc định kỳ đo lường, giám sát và báo cáo hai tỷ lệ NSFR và LCR.

Công tác quản lý các loại hình rủi ro trọng yếu tại Vietcombank trong năm 2025

Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng phát sinh do: (i) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; (ii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm tái định giá; (iii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; (iv) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Đối với công tác quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Vietcombank đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình, hướng dẫn, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát báo cáo rủi ro theo các thông lệ quốc tế như Basel II và hướng đến đáp ứng Basel III cũng như tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Vietcombank áp dụng các công cụ, hạn mức quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng vào hoạt động quản trị (quản lý trạng thái chênh lệch kỳ hạn tái định giá giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất và các khoản mục ngoại bảng nhạy cảm lãi suất trên sổ Ngân hàng; thay đổi thu nhập lãi thuần (thay đổi NII) và thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (thay đổi EVE)). Ngoài ra, khi cần thiết, Vietcombank cũng sử dụng sản phẩm phái sinh phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất.

Trong năm 2025, Vietcombank luôn theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đảm bảo các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng luôn duy trì trong giới hạn đã thiết lập.

Quản lý rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng. Rủi ro tập trung bao gồm rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh.

Vietcombank đã thiết lập khung quản trị rủi ro tập trung đầy đủ, bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro đảm bảo tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, cũng như quy định nội bộ của Vietcombank.

Trong công tác quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng, Vietcombank chủ trương đa dạng hóa danh mục cấp tín dụng theo các nguyên tắc sau: (i) xác định hạn mức rủi ro tập trung tín dụng cho sản phẩm tín dụng, khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tài sản bảo đảm; (ii) xác định người có liên quan của khách hàng theo quy định của pháp luật và theo định danh của Ngân hàng; (iii) xác định mức độ đa dạng và mức độ tương tác giữa các sản phẩm tín dụng, ngành, lĩnh vực kinh tế. Trong năm 2025, Vietcombank luôn giám sát, theo dõi sát sao các hạn mức rủi ro tập trung tín dụng đảm bảo các hạn mức rủi ro tập trung tín dụng luôn duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Đối với rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh, Vietcombank đã triển khai công cụ quản lý dựa trên các tiêu chí xác định danh mục giao dịch tự doanh qua đó thiết lập hạn mức đảm bảo mức độ đa dạng, mức độ tương tác. Các hạn mức được thiết lập dựa trên mức tối đa của tỷ trọng giữa số dư của sản phẩm, loại tiền tệ và đối tác giao dịch so với tổng số dư giao dịch tự doanh. Trong năm 2025, Vietcombank luôn giám sát, theo dõi sát sao các hạn mức này nhằm đảm bảo các hạn mức rủi ro tập trung tự doanh luôn duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra, các phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro được Vietcombank rà soát/cập nhật để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, khẩu vị rủi ro cũng như đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Ngân hàng.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG
LIÊN QUAN ĐẾN
MÔI TRƯỜNG VÀ
XÃ HỘI

5

Tổng quan	94
Các nội dung về phát triển bền vững	104
Các hoạt động an sinh xã hội	140

LAN TỎA
GIÁ TRỊ
XANH

TỔNG QUAN



Năm 2025, Hội nghị Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi Khí hậu lần thứ 30 (COP30) được diễn ra tại Belém, Brazil với hơn 56.000 người đăng ký tham dự. Hội nghị diễn ra hàng năm và là diễn đàn ra quyết định đa phương duy nhất trên thế giới về biến đổi khí hậu, quy tụ hầu hết mọi quốc gia trên Trái Đất. Hội nghị COP30 là sự kiện quốc tế lớn quan trọng, được cộng đồng quốc tế đặc biệt quan tâm. Dù còn nhiều thách thức, COP30 có thể tạo ra lộ trình hành động cho thập kỷ tới, với các cam kết về tài chính, thích ứng khí hậu và chuyển đổi năng lượng sạch. Trong khi đó, năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện Mặt trời, đang tăng tốc mạnh mẽ và lần đầu tiên vượt than đá để trở thành nguồn điện lớn nhất toàn cầu trong nửa đầu năm 2025.

Việt Nam đã cập nhật NDC năm 2020, tiếp tục cập nhật 2022 và đã công bố Thông báo quốc gia lần thứ ba của Việt Nam cho UNFCCC phù hợp với lộ trình đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0”; đưa trách nhiệm thực hiện NDC vào Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác để toàn dân thực hiện.

Đến với Hội nghị COP30, Việt Nam đề cao chủ nghĩa đa phương và tăng cường mạnh mẽ tinh thần đoàn kết và hợp tác giữa tất cả các quốc gia và dân tộc dựa trên nguyên tắc “Trách nhiệm chung nhưng có phân biệt và năng lực tương ứng”. Đồng thời, Việt Nam đề xuất bốn nội dung. Thứ nhất, các quốc gia phát triển, với năng lực tài chính, khoa học và công nghệ, phải hoàn thành đầy đủ trách nhiệm và đưa ra cam kết mạnh mẽ hơn về giảm phát thải khí nhà kính. Thứ hai, các quốc gia phát triển cần thực hiện đầy đủ các cam kết tài chính để đi đầu trong việc huy động ít nhất 300 tỷ USD hàng năm và hướng tới lộ trình 1,3 nghìn tỷ USD mỗi năm để hỗ trợ các nước đang phát triển. Cụ thể, cần khẩn trương cân bằng các nguồn lực tài chính dành cho thích ứng và giảm phát thải khí nhà kính, đồng thời tăng đáng kể các khoản viện trợ không hoàn lại và các khoản vay ưu đãi.

Theo đó, tài chính cho thích ứng phải đạt ít nhất 50% tổng tài chính khí hậu được cung cấp cho các nước đang phát triển. Thứ ba, cần khẩn trương mở rộng và hoàn thiện việc triển khai sáng kiến “Cảnh báo sớm cho tất cả” để bảo vệ tính mạng và tài sản của người dân khỏi các thảm họa khí hậu ngày càng nghiêm trọng. Cuối cùng, vai trò của Liên hợp quốc phải được thúc đẩy hơn nữa trong việc thiết lập và nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị toàn cầu, tăng cường hợp tác giữa các quốc gia để giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống, bao gồm biến đổi khí hậu.

Nhận thức tầm quan trọng của phát triển bền vững trong hoạt động ngân hàng, các cơ quan quản lý đã ban hành nhiều cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy phát triển ngân hàng xanh, hoạt động tín dụng xanh và phát triển bền vững. Tháng 05/2025, NHNN đã công bố Sổ tay hướng dẫn hệ thống quản lý rủi ro môi trường – xã hội (ESMS) trong hoạt động cấp tín dụng. Tháng 07/2025, Chính phủ đã ban hành quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. Danh mục này mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi lần đầu tiên đưa ra bộ tiêu chí thống nhất nhằm nhận diện các

hoạt động kinh tế có đóng góp tích cực về môi trường, trong đó có xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Phân loại xanh giúp chuẩn hóa tiêu chí môi trường – kỹ thuật, giảm rủi ro, nâng cao minh bạch, đồng thời cung cấp cơ sở pháp lý để hệ thống ngân hàng – tài chính phát triển tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các mô hình tài chính xanh khác.

Với định hướng đến năm 2030 giữ vững vị trí số 1 tại Việt Nam, đứng trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu và đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam, Vietcombank đặt mục tiêu dẫn đầu về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG). Để thực hiện mục tiêu này, Vietcombank đã xây dựng các giải pháp cụ thể về phát triển sản phẩm bền vững, quản lý rủi ro môi trường xã hội theo định hướng các Chỉ số Phát triển bền vững tại Việt Nam (VNSI), từng bước hướng tới các chuẩn mực quốc tế.

Với những nỗ lực trong thời gian qua, năm 2025 Vietcombank tiếp tục lọt vào Top 20 doanh nghiệp có Chỉ số phát triển bền vững tốt nhất tại Việt Nam (VNSI). Thành công này là sự khẳng định cho chiến lược đúng đắn, nỗ lực không ngừng và cam kết sâu sắc của Vietcombank trong việc thúc đẩy tài chính xanh, phát triển bền vững và kiến tạo giá trị dài hạn cho cổ đông, khách hàng và cộng đồng. Với nền tảng tài chính vững vàng, chiến lược phát triển rõ ràng và sự đồng hành quý báu từ khách hàng, cổ đông và đối tác, Vietcombank tự tin tiếp tục vai trò tiên phong trong ngành ngân hàng – trở thành ngân hàng xanh bền vững, ngân hàng số tiện ích và an toàn, mang đến trải nghiệm vượt trội, là lựa chọn hàng đầu của khách hàng, góp phần định hình tương lai tài chính xanh tại Việt Nam.

TỔNG QUAN

Phạm vi báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Vietcombank là bức tranh tổng thể về hoạt động của Ngân hàng bao gồm Trụ sở chính tại Hà Nội, các Chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện và phòng giao dịch trên toàn quốc. Thông tin và dữ liệu sử dụng để công bố thông tin được cập nhật theo năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến kết thúc ngày 31/12/2025, trừ khi có ghi chú cụ thể.

Tiêu chuẩn áp dụng

Báo cáo phát triển bền vững này được lập dựa trên tham chiếu theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững của Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) với 4 cấu phần chính: Thông tin chung, các tiêu chuẩn về kinh tế (GRI 200), các tiêu chuẩn về xã hội (GRI 300) và các tiêu chuẩn về môi trường (GRI 400). Bên cạnh đó, Báo cáo cũng đề cập đến sự tuân thủ của Vietcombank đối với các yêu cầu công khai thông tin về chính sách quản trị công ty (GRI 100).



Sự tham gia của các bên liên quan

Phương thức tương tác	Tần suất thực hiện	Vấn đề được quan tâm	Hành động của Vietcombank
CỔ ĐỒNG/NHÀ ĐẦU TƯ			
Đại hội đồng cổ đông	Thường niên hoặc bất thường		
Cập nhật thông tin định kỳ qua website Vietcombank chuyên mục nhà đầu tư, trực tiếp, điện thoại, email	Hàng quý hoặc thường xuyên khi có phát sinh		- Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường vào tháng 03/2025 và ĐHĐCĐ thường niên vào tháng 04/2025. Cung cấp, đăng tải đầy đủ toàn bộ các tài liệu, nội dung, chương trình họp để cổ đông nghiên cứu trước khi tham dự bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. - Định kỳ hàng quý tổ chức hội nghị công bố kết quả kinh doanh và cập nhật bộ tài liệu giới thiệu về ngân hàng để nhà đầu tư/cổ đông theo dõi thông tin. - Duy trì đối thoại với Nhà đầu tư thông qua các kênh tiếp xúc trực tiếp, trực tuyến, email, điện thoại để kịp thời nắm bắt mối quan tâm của Nhà đầu tư. Thực hiện tiếp xúc với gần 700 Nhà đầu tư trong năm 2025. Tham gia 7 sự kiện đầu tư được tổ chức trong nước và tại các thị trường tài chính lớn trên thế giới. - Làm việc thường xuyên, liên tục với các tổ chức định hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới như Moody’s, Fitch, S&P để cập nhật về tình hình hoạt động của ngân hàng. - Thực hiện công bố kịp thời, chính xác, đầy đủ nội dung thông tin định kỳ, bất thường về hoạt động của Vietcombank theo quy định. Cam kết bảo đảm quyền lợi phi tài chính, minh bạch thông tin cho các cổ đông.
Gặp gỡ các nhà đầu tư	Hàng quý và thường xuyên khi có phát sinh		

Sự tham gia của các bên liên quan

Phương thức tương tác	Tần suất thực hiện	Vấn đề được quan tâm	Hành động của Vietcombank
KHÁCH HÀNG			
Trung tâm hỗ trợ khách hàng và số hotline hoạt động 24/7	24/7	- Tư vấn, giải đáp thông tin hiệu quả, chính xác, nhanh chóng, tiện lợi và bảo mật thông tin khách hàng. - Hỗ trợ khách hàng theo chuẩn mực chuyên nghiệp, tin cậy, qua đó nâng cao niềm tin và sự gắn kết giữa khách hàng và ngân hàng.	Tiếp nhận và xử lý 24/7 các thông tin, yêu cầu của khách hàng thông qua các kênh hỗ trợ khách hàng bao gồm: điện thoại tổng đài, website Vietcombank, email doanh nghiệp, mạng xã hội, ứng dụng ngân hàng số với tính chính xác, kịp thời, và đạt hiệu quả cao. Năm 2025, Trung tâm hỗ trợ khách hàng Vietcombank đã tiếp nhận và xử lý khoảng 3 triệu yêu cầu của khách hàng qua các kênh, mức độ hài lòng của khách hàng được thực hiện thông qua khảo sát trực tiếp ngay sau cuộc gọi đạt trên 85%, tương đương mức đối chuẩn của các ngân hàng tốt nhất trên thế giới.
			- Dịch vụ chăm sóc, hỗ trợ khách hàng thường xuyên được đổi mới, các sáng kiến, cải tiến, tối ưu quy trình được nghiên cứu và đưa vào ứng dụng kịp thời để nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ hỗ trợ khách hàng, các chỉ số hoạt động chính của Trung tâm hỗ trợ khách hàng đều tiệm cận với mức tiêu chuẩn quốc tế của các Contact Center. - Trung tâm hỗ trợ khách hàng đã cùng các đơn vị trong hệ thống nghiên cứu và đưa vào ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại, đầu tư hệ thống giải pháp trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) thế hệ tạo sinh... để tăng tỷ lệ tự động hóa, tăng tính chính xác trong việc xử lý các tác vụ, tăng hiệu suất công việc, đồng thời đảm bảo mức độ an toàn, bảo mật theo đúng các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động. - Năm 2025, Trung tâm hỗ trợ khách hàng đã thực hiện khảo sát chuyên sâu và phân tích nhu cầu của khách hàng, từ đó, tối ưu hành trình của khách hàng trên kênh tổng đài (là kênh có tỷ trọng chiếm đa số), giúp tiết giảm thời gian khách hàng kết nối tới tổng đài gần 40%.
	Trung tâm hỗ trợ khách hàng và số hotline hoạt động 24/7	- Tư vấn, giải đáp thông tin hiệu quả, chính xác, nhanh chóng, tiện lợi và bảo mật thông tin khách hàng. - Hỗ trợ khách hàng theo chuẩn mực chuyên nghiệp, tin cậy, qua đó nâng cao niềm tin và sự gắn kết giữa khách hàng và ngân hàng.	- Năm 2025, Trung tâm hỗ trợ khách hàng cũng đưa vào ứng dụng tự động theo dõi và cảnh báo tức thì chỉ số chất lượng dịch vụ kênh, qua đó, phát hiện sớm các nguy cơ có thể ảnh hưởng đến năng lực tiếp nhận yêu cầu của khách hàng và đồng bộ giải pháp ứng xử hiệu quả, đảm bảo chất lượng dịch vụ luôn ổn định ở mức cao. - Trong năm, dịch vụ hỗ trợ khách hàng cũng tiếp tục mở rộng phạm vi hỗ trợ trên ứng dụng ngân hàng số VCB digibank giúp khách hàng kết nối trực tiếp từ VCB digibank tới tổng đài của ngân hàng một cách dễ dàng, nhanh chóng và không phải trả phí (chỉ cần có kết nối internet).
			Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng định kỳ hàng quý trong năm 2025. Với phương thức khảo sát đa dạng theo thời gian thực (Pop-up, OTT, Qrcode), cùng bộ câu hỏi khảo sát được thiết kế nhất quán và liên mạch giữa các kênh phục vụ, Vietcombank đã thực hiện 46 chương trình khảo sát và nhận được gần 1 triệu lượt phản hồi từ phía Khách hàng, trong đó 94% Khách hàng đánh giá hài lòng, rất hài lòng và 76% Khách hàng cho biết sẵn lòng giới thiệu sản phẩm/dịch vụ của Vietcombank đến bạn bè hoặc người thân. Các ý kiến của Khách hàng được Vietcombank lắng nghe, phân tích thấu đáo và ứng xử kịp thời nhằm không ngừng nâng cao hơn nữa trải nghiệm khách hàng, cải thiện chất lượng phục vụ Khách hàng và cải tiến sản phẩm dịch vụ.
	Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng	Hàng quý	- Tư vấn, giải đáp thông tin hiệu quả, chính xác, nhanh chóng, tiện lợi và bảo mật thông tin khách hàng. - Hỗ trợ khách hàng theo chuẩn mực chuyên nghiệp, tin cậy, qua đó nâng cao niềm tin và sự gắn kết giữa khách hàng và ngân hàng.
			- Chất lượng sản phẩm, dịch vụ do Ngân hàng cung cấp. - Tăng độ tin cậy, mang lại trải nghiệm hài lòng cho khách hàng.

Sự tham gia của các bên liên quan

Phương thức tương tác	Tần suất thực hiện	Vấn đề được quan tâm	Hành động của Vietcombank
NGƯỜI LAO ĐỘNG			
Khảo sát mức độ hài lòng	Thường niên		- Tại Vietcombank, các cán bộ nhân viên được làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, minh bạch, được tôn trọng, lắng nghe và ghi nhận. - Hành trình 63 năm xây dựng và trưởng thành đã tạo dựng nên một Vietcombank lớn mạnh, đã định vị nên một thương hiệu Vietcombank uy tín và hun đúc nên một văn hóa Vietcombank rất đổi tự hào. Bản sắc văn hoá Vietcombank được khái quát hoá qua 5 giá trị cốt lõi: Tin cậy – Chuẩn mực – Sẵn sàng đổi mới – Bền vững – Nhân văn. Đây là nhân tố quan trọng tạo nên sự khác biệt và phẩm chất riêng có của con người Vietcombank, giúp định hướng và đồng bộ hành vi của tất cả cán bộ nhân viên, hướng mọi thành viên tới mục tiêu chung của tổ chức. Là một trong mười doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá kinh doanh đầu tiên tại Việt Nam, Vietcombank luôn xác định việc xây dựng và phát huy văn hoá doanh nghiệp chính là nền tảng để ngân hàng phát triển bền vững. - Từ năm 2016 đến nay, Vietcombank đã thực hiện định kỳ hàng năm việc khảo sát mức độ hài lòng và gắn bó của cán bộ nhân viên (Employee Engagement Survey – EES) nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động và mức độ gắn kết của người lao động, xây dựng Vietcombank trở thành nơi làm việc lý tưởng, thu hút và giữ chân nhân tài. Theo kết quả khảo sát và đánh giá của Đơn vị tư vấn độc lập, mức điểm chỉ tiêu EES mà Vietcombank đạt được năm 2025 là 95,69; tiếp tục duy trì ở mức “Xuất sắc” trên thị trường. Có trên 95% nhân viên trong hệ thống đã phản hồi v/v “HĐQT và Ban Điều hành đưa ra tầm nhìn cùng với những mục tiêu cần đạt được rõ ràng, đảm bảo vị thế và sự phát triển bền vững của Vietcombank”; 93,22% nhân viên đồng ý với nhận định “Vietcombank đã có các định hướng và hướng dẫn cụ thể trong thực thi chiến lược chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững (ESG)”. Kết quả khảo sát cho thấy môi trường làm việc nơi nhân viên được công nhận, lắng nghe, thấu hiểu và phát triển. Có hơn 90% nhân viên trong hệ thống đã phản hồi “Tôi tự hào khi nói với bạn bè, người thân là mình đang làm việc tại Vietcombank”, “Tôi mong muốn tiếp tục gắn bó và phát triển lâu dài tại Vietcombank”... Mỗi cán bộ nhân viên Vietcombank đã trở thành một “Đại sứ thương hiệu”, thông qua các mối quan hệ bạn bè và xã hội của họ để giúp quảng bá thông tin tuyển dụng, chia sẻ cơ hội nghề nghiệp và hình ảnh, thương hiệu Vietcombank trên thị trường.
Hội nghị người lao động thường niên	Thường niên	- Cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp, giúp nhân viên nâng cao năng lực và phát huy tối đa tiềm năng. - Môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn, khuyến khích sự bình đẳng và minh bạch trong cơ hội thăng tiến.	
Ấn phẩm nội bộ, bản tin nội bộ	Hàng ngày và định kỳ (tháng, quý)	Văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, đề cao các giá trị bền vững và sự phát triển lâu dài.	- Vietcombank luôn quan tâm chú trọng, đổi mới và tăng cường công tác đào tạo cán bộ, xây dựng Vietcombank thành một tổ chức học tập và sáng tạo để mọi cán bộ nhân viên có thể chủ động tiếp thu cái mới, tiếp nhận và chuyển giao tri thức và áp dụng vào thực tế công việc. Tại Vietcombank, danh mục đào tạo được thiết kế đa dạng, bao phủ nhiều khối nội dung và phù hợp với các nhóm đối tượng học viên khác nhau; đồng thời triển khai linh hoạt các phương thức như đào tạo tập trung, đào tạo trực tuyến qua cầu truyền hình hoặc trên các nền tảng MS Teams, Zoom... Bên cạnh đó, Vietcombank đã tích cực ứng dụng công nghệ nhằm gia tăng tiện ích cho học viên thông qua việc triển khai Chương trình E-learning, chương trình quản lý đào tạo trên SuccessFactors, xây dựng thư viện điện tử, tăng cường số hoá bài giảng và tỷ trọng đào tạo qua E-learning. Đồng thời, Trường Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Vietcombank luôn phối hợp chặt chẽ với các Đơn vị chuyên môn tại Trụ sở chính, các Chi nhánh để làm rõ nhu cầu đào tạo, từ đó thiết kế chương trình thiết thực, hiệu quả phù hợp; Tiếp tục rà soát bộ tiêu chí lựa chọn giảng viên và đối tác thuê ngoài dựa trên các quy định của Vietcombank góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo. Vì vậy, chất lượng các chương trình đào tạo luôn được học viên đánh giá cao. - Tiếp thu đầy đủ ý kiến của người lao động; rà soát, điều chỉnh các chính sách tiền lương, phúc lợi; tăng cường các giải pháp cải thiện môi trường làm việc; công khai kết quả đối thoại và thực hiện các kiến nghị chính đáng của người lao động; - Vietcombank duy trì cơ chế trao đổi hai chiều giữa Ban Lãnh đạo và Công đoàn; kịp thời ghi nhận, phản hồi và xử lý các kiến nghị; phối hợp triển khai các chương trình chăm lo, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Phương thức tương tác	Tần suất thực hiện	Vấn đề được quan tâm	Hành động của Vietcombank
NGƯỜI LAO ĐỘNG			
Trao đổi với Công đoàn	Thường niên		- Cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp, giúp nhân viên nâng cao năng lực và phát huy tối đa tiềm năng. - Môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn, khuyến khích sự bình đẳng và minh bạch trong cơ hội thăng tiến. - Văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, đề cao các giá trị bền vững và sự phát triển lâu dài.
Môi trường kết nối, đào tạo, giao lưu	Hàng ngày		

Sự tham gia của các bên liên quan

Phương thức tương tác	Tần suất thực hiện	Vấn đề được quan tâm	Hành động của Vietcombank
CƠ QUAN QUẢN LÝ			
Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên	Hàng tháng	• Tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng theo các tiêu chuẩn quốc tế. Nâng cao quản trị rủi ro, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu khách hàng.	• Tuân thủ các quy định pháp luật.
Gặp gỡ trao đổi tại các diễn đàn	Khi có phát sinh		
Cung cấp các bài tham luận, báo cáo chuyên đề	Khi có phát sinh		
Đóng góp ý kiến đối với các dự thảo chính sách	Khi có phát sinh	• Tiên phong trong hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, đóng góp tích cực cho nền kinh tế.	• Tiên phong thực hiện các định hướng của Chính phủ, NHNN và các cơ quan quản lý. Năm 2024, chính thức tiếp nhận ngân hàng được chuyển giao bắt buộc và đổi tên thành VCBNeo.
CỘNG ĐỒNG			
Phối hợp với chính quyền địa phương	Thường xuyên	• Chung tay vì cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện và hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội.	• Vietcombank đã dành một nguồn lực rất lớn cho công tác an sinh xã hội, với tổng số tiền cam kết 651,712 tỷ đồng được triển khai rộng khắp trên phạm vi toàn quốc và trải đều trên nhiều lĩnh vực then chốt. Trong đó, trọng tâm là hỗ trợ y tế, giáo dục, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, đầu tư các công trình dân sinh thiết yếu tại các địa phương còn nhiều khó khăn. Các chương trình này đã góp phần cải thiện điều kiện sống, nâng cao phúc lợi xã hội và hỗ trợ thiết thực cho người nghèo, đối tượng yếu thế, qua đó thể hiện rõ trách nhiệm xã hội và vai trò tiên phong của Vietcombank trong các hoạt động vì cộng đồng.
Các chương trình an sinh xã hội chung tay cùng chính quyền địa phương	Thường xuyên		

Phương thức tương tác	Tần suất thực hiện	Vấn đề được quan tâm	Hành động của Vietcombank
CƠ QUAN BÁO CHÍ			
Cung cấp thông tin cho báo chí	≥ kỳ/năm	Hiệu quả hoạt động của Vietcombank.	- Duy trì hiệu quả hoạt động theo mục tiêu phát triển bền vững. - Tiên phong triển khai các chương trình giảm lãi, giảm phí hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. - Tích cực tham gia và triển khai các chương trình an sinh xã hội trên quy mô lớn toàn hệ thống, đóng góp cho sự phát triển bền vững cùng cộng đồng. - Phát triển các sản phẩm, dịch vụ đẳng cấp, chuyên biệt trên nền tảng công nghệ hiện đại, cung ứng cho thị trường.
Thông cáo báo chí về ra mắt sản phẩm, dịch vụ mới hoặc các chương trình, hoạt động khác liên quan	Khi có phát sinh	Các hoạt động thể hiện sự tiên phong trong hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, đóng góp tích cực cho nền kinh tế, đồng hành cùng sự phát triển của cộng đồng.	
Trả lời phỏng vấn báo chí	Khi có phát sinh	Sản phẩm dịch vụ mới và những tính năng công nghệ khác biệt trên thị trường.	
NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			
Gặp gỡ, trao đổi trực tiếp, thực hiện hợp đồng với nhà thầu, nhà cung cấp theo quy định của pháp luật về đấu thầu và Quy trình mua sắm hàng hóa/ dịch vụ của Vietcombank ⁽¹⁾	Khi có phát sinh	Thực hiện tập trung, đảm bảo tính đồng bộ, đạt được quy mô mua sắm hiệu quả, tiết kiệm chi phí và thời gian.	- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Vietcombank trong quá trình lựa chọn nhà thầu/ lựa chọn nhà cung cấp. - Vietcombank và nhà thầu gặp gỡ trao đổi trực tiếp (tương tác) theo quy định của pháp luật về đấu thầu/quy định nội bộ của VCB trong các trường hợp sau: - Đối với các gói thầu có bước POC tại giai đoạn đánh giá Hồ sơ dự thầu về kỹ thuật: Vietcombank yêu cầu nhà thầu triển khai POC để làm cơ sở cho Chủ đầu tư phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. - Đối chiếu tài liệu: Vietcombank và nhà thầu lập và ký xác nhận trên Biên bản đối chiếu tài liệu. - Thương thảo hợp đồng (nếu có): Vietcombank và nhà thầu/ nhà cung cấp lập và ký xác nhận trên Biên bản thương thảo hợp đồng. - Hoàn thiện hợp đồng để làm cơ sở ký kết hợp đồng chính thức: Vietcombank và nhà thầu lập và ký xác nhận trên Biên bản hoàn thiện hợp đồng. - Giao, nhận hàng hóa/triển khai dịch vụ theo quy định tại hợp đồng đã được Vietcombank và nhà thầu/nhà cung cấp ký kết. - Nghiệm thu hàng hóa/dịch vụ thông qua việc Vietcombank và nhà thầu/nhà cung cấp ký Biên bản xác nhận kết quả triển khai dịch vụ, Biên bản nghiệm thu tổng thể; Nhà thầu/ nhà cung cấp lập hồ sơ đề nghị tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng gửi Vietcombank theo quy định tại hợp đồng.
Đảm bảo công khai, minh bạch trong tổ chức lựa chọn nhà thầu/ lựa chọn nhà cung cấp	Thường xuyên trong quá trình lựa chọn nhà thầu/lựa chọn nhà cung cấp	Đảm bảo quá trình lựa chọn nhà thầu/lựa chọn nhà cung cấp đạt mục tiêu công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình cũng như đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm chi phí.	
Hiệu quả thông qua chất lượng của hàng hóa/ dịch vụ được mua sắm đáp ứng nhu cầu sử dụng của Vietcombank	Thường xuyên trong quá trình lựa chọn nhà thầu/lựa chọn nhà cung cấp		

¹ Gặp gỡ, trao đổi trực tiếp, thực hiện hợp đồng với nhà thầu, nhà cung cấp theo quy định của pháp luật về đấu thầu và Quy trình mua sắm hàng hóa/ dịch vụ của VCB về tại các bước sau:
(i) Đánh giá hồ sơ dự thầu về kỹ thuật có bước kiểm tra tính khả thi – POC (nếu có);

(ii) Đối chiếu tài liệu hoặc bước thương thảo hợp đồng (nếu có);
(iii) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng;
(iv) Giao, nhận hàng hóa/triển khai dịch vụ;
(v) Nghiệm thu; tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng.

CÁC NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tiêu chuẩn kinh tế

Hiệu quả kinh doanh vượt trội, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế xã hội

Trong nhiều năm, Vietcombank đã ghi dấu ấn rõ nét khi thu xếp và cam kết nguồn vốn cho hàng loạt dự án trọng điểm quốc gia trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông, hàng không và hạ tầng kinh tế – xã hội, qua đó góp phần hiện thực hóa các mục tiêu phát triển dài hạn của nền kinh tế. Riêng năm 2025, ngân hàng đã thu xếp hợp đồng tín dụng hơn 1 tỷ USD cho chuỗi dự án khí – điện Lô B – Ô Môn, đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển hạ tầng điện dài hạn; dự án 50 tàu bay thân hẹp Vietnam Airlines, tài trợ mở rộng Cảng HKQT Phú Quốc và gói tín dụng 10 tàu bay Airbus A320/321NEO cho Sun PhuQuoc Airways. Đồng thời, Vietcombank tham gia nhiều dự án trọng điểm khác về giao thông, năng lượng, đô thị và hạ tầng xã hội, gồm: Đường dây 500KV Lào Cai – Vĩnh Yên và mở rộng cao tốc TP HCM – Long Thành và nhiều dự án lớn của các tập đoàn kinh tế tư nhân khác.

Năm 2025 khép lại chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025 trong bối cảnh môi trường hoạt động ngân hàng đối mặt mức độ bất định cao hiếm thấy. Những biến động từ chính sách thương mại toàn cầu, xung đột địa chính trị kéo dài, áp lực lạm phát... đã đặt hệ thống tài chính trước yêu cầu vừa duy trì tăng trưởng, vừa bảo đảm an toàn. Trong bối cảnh đó, kết quả kinh doanh của Vietcombank cho thấy một lựa chọn chiến lược nhất quán: tăng trưởng đi kèm kỷ luật và kiểm soát rủi ro. Đến 31/12/2025, tổng tài sản của Vietcombank tăng hơn 17% so với cuối năm 2024; dư nợ cấp tín dụng tăng hơn 15%; tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu về thị phần Thanh toán quốc tế – Tài trợ thương mại. Đồng thời, ngân hàng luôn kiểm soát chặt chẽ rủi ro, đảm bảo an toàn. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức dưới 1% – mức thấp nhất so với các tổ chức tín dụng có quy mô lớn. Vietcombank là đơn vị duy nhất tại Việt Nam được cả ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới – S&P, Moody’s và Fitch đánh giá ở mức ngang bằng trần tín nhiệm quốc gia. Qua đó khẳng định niềm tin của thị trường và nhà đầu tư đối với năng lực quản trị, mức độ an toàn và tính bền vững của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, Vietcombank tiếp tục giữ vững vị trí là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho Ngân sách nhà nước (năm 2025 đạt khoảng 15.000 tỷ đồng).

Ngân hàng đã thu xếp hợp
đồng tín dụng

hơn 1 tỷ^{USD}

cho chuỗi dự án khí – điện Lô B
– Ô Môn

Đến 31/12/2025, tổng tài sản
của Vietcombank tăng

hơn 17%

so với cuối năm 2024

CÁC NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đến cuối năm 2025 dư nợ cho các dự án xanh tại Vietcombank chiếm

2,5%

tổng dư nợ của Ngân hàng

Kết quả huy động trên kênh số của khách hàng bán lẻ đạt kết quả ấn tượng với

~ 93.113 tỷ đồng

tới cuối 2025

Ưu tiên đặc biệt cho tín dụng xanh và tài chính bền vững

Tín dụng xanh đang là một chủ đề được các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước quan tâm và dành nhiều ưu tiên, đặc biệt là đối với sự phát triển kinh tế – xã hội. Trong đó, các lĩnh vực năng lượng tái tạo, đầu tư vào công trình xanh, phương tiện giao thông điện, nông nghiệp sạch... đang là các xu hướng thị trường nhằm hiện thực hóa các cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam tại COP 26. Với vai trò là ngân hàng thương mại tiên phong, Vietcombank luôn xác định tăng trưởng phải gắn liền với yếu tố bền vững, cũng như cấp tín dụng hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngân hàng. Trong những năm vừa qua, Vietcombank tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ liên quan đến quản lý rủi ro

môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, ban hành quy trình đánh giá lựa chọn và giải ngân dự án xanh, lồng ghép các quy định về bảo vệ môi trường trong chính sách sản phẩm, dịch vụ...; tiếp tục ưu tiên mở rộng và hướng dòng vốn tín dụng vào các ngành/lĩnh vực thân thiện với môi trường như năng lượng tái tạo, tài nguyên nước, xử lý rác thải...; tăng cường tiếp cận các nguồn vốn/chương trình tín dụng xanh từ các tổ chức trong và ngoài nước. Đến cuối năm 2025, dư nợ cho các dự án xanh tại Vietcombank chiếm 2,5% tổng dư nợ của Ngân hàng. Cụ thể, vốn tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng sạch chiếm 74,4% dư nợ xanh; quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn chiếm 12,9%; giao thông bền vững chiếm 5,3%; xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm chiếm 4,1%; các lĩnh vực khác chiếm 3,3%.

Đối với khách hàng bán lẻ

Đối với khách hàng bán lẻ (KHBL), đến hết năm 2025, Vietcombank đã triển khai cung cấp đa dạng các Sản phẩm huy động vốn trên kênh số. Sản phẩm dành cho khách hàng cá nhân với kỳ hạn đa dạng, số tiền gửi tối thiểu ban đầu/nộp thêm chỉ từ 3 triệu/1 triệu đồng giúp tăng khả năng tiếp cận và tăng tỷ lệ tham gia sản phẩm của người nghèo, người có thu nhập thấp ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa... xây dựng sản phẩm dành cho khách hàng SME giúp khách hàng dễ dàng gửi tiết kiệm & tối ưu hóa dòng tiền, góp phần tạo kết quả huy động trên kênh số của khách hàng bán lẻ đạt kết quả ấn tượng với ~ 93.113 tỷ đồng tới cuối 2025. Đối với tín dụng bán lẻ, Vietcombank triển khai các chính sách ưu tiên/khuyến nghị khi cấp tín dụng đối với các ngành, lĩnh vực tăng trưởng xanh, luôn bám sát các định hướng ngành để bảo đảm tuân thủ các quy định về bảo vệ

và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường (như sản phẩm đầu tư trang trại cho thuê có điều kiện áp dụng về xử lý xả thải, giấy chứng nhận môi trường, giấy phép khai thác nước ngầm...; sản phẩm cho vay mua ô tô bao gồm cả ô tô điện chạy pin, ô tô hybrid). Dư nợ cho vay KHBL có yếu tố xanh theo từng sản phẩm tại Vietcombank đạt được như sau: Dư nợ cho vay các khách hàng sản xuất kinh doanh có áp dụng các tiêu chí xanh, phát triển bền vững ~ 158 tỷ đồng; Dư nợ cho vay mua ô tô điện Vinfast ~ 55 tỷ đồng, chiếm 2% tổng dư nợ cho vay mua ô tô của KHBL; Dư nợ cho vay đầu tư điện mặt trời đạt ~ 108 tỷ đồng và dư nợ cho vay đầu tư trang trại nuôi heo (tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường) ~ 159 tỷ đồng, chiếm ~ 1,2% dư nợ cho vay trung dài hạn sản xuất kinh doanh của KHBL.

Đối với sản phẩm thẻ, từ năm 2024 đến nay, Vietcombank là ngân hàng đầu tiên triển khai thẻ ghi nợ quốc tế Visa sử dụng 100% vật liệu nhựa tái chế (thẻ Ghi nợ quốc tế eVerlink Olympic), phù hợp với định hướng phát triển xanh, bền vững và được nhiều khách hàng lựa chọn sử dụng. Từ 12/2025, Vietcombank tiếp tục thực hiện lộ trình đẩy mạnh số hóa sản phẩm, dịch vụ thông qua việc bổ sung luồng phát hành thẻ ghi nợ phi vật lý trên nền tảng eKYC, nhằm đơn giản hóa quy trình và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ cho khách hàng. Qua đó góp phần tiết giảm chi phí phát hành thẻ vật lý cũng như công tác giao nhận và nhân lực quản lý thẻ tại Vietcombank. Năm 2025, Vietcombank thực hiện hợp tác với Metro Hà Nội để triển khai dòng sản phẩm thẻ giao thông xanh liên kết với Metro Hà Nội, dự kiến ra mắt trong đầu năm 2026. Ngoài ra, trong năm 2025, Vietcombank tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, điều chỉnh mô hình tín dụng và ban hành quy trình tín dụng theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tinh gọn mẫu biểu và đẩy mạnh số hóa. Theo đó, các biểu mẫu, hồ sơ tín dụng được chuẩn hóa và tích hợp trên hệ thống

khởi tạo khoản vay bán lẻ RLOS, qua đó hạn chế việc sử dụng và luân chuyển hồ sơ giấy giữa các bộ phận trong quy trình tín dụng cũng như giữa Trụ sở chính và Chi nhánh, góp phần giảm tiêu thụ tài nguyên, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải, phù hợp với định hướng phát triển Ngân hàng xanh của Vietcombank.

Đồng thời, từ năm 2025, Vietcombank triển khai giải pháp giải ngân trực tuyến dành cho KHLB vay sản xuất kinh doanh. Toàn bộ quy trình giải ngân được số hóa: từ đề nghị giải ngân, nộp hồ sơ giải ngân, ký kết Giấy nhận nợ đến quy trình kiểm tra, phê duyệt của Ngân hàng, lưu trữ, quản lý hồ sơ sau giải ngân đều được số hóa. Bên cạnh đó, Vietcombank tiếp tục phát triển và triển khai các tính năng số hóa khác trong công tác tín dụng, bao gồm trả nợ, tắt toán khoản vay trên kênh số; kiểm soát tài khoản đích trong cho vay theo hạn mức thấu chi mục đích sản xuất kinh doanh; quản lý cấp tín dụng cho đối

tượng hạn chế cấp tín dụng, không được cấp tín dụng thông qua hệ thống và báo cáo tự động. Việc triển khai đồng bộ các tính năng số hóa này không chỉ nâng cao trải nghiệm khách hàng, tăng năng suất lao động mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ của Vietcombank trong cải tiến thủ tục vay vốn, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải carbon, hướng tới mô hình ngân hàng xanh và phát triển bền vững. Đến hết 31/12/2025, có tới 4.014 khách hàng được giải ngân trực tuyến thành công với hơn 9.950 khoản giải ngân; doanh số giải ngân trực tuyến đạt ~ 8.350 tỷ đồng với dư nợ tới hết 31/12/2025 ~ 7.550 tỷ đồng¹.



(1) Số liệu giải ngân online của riêng Khách hàng bán lẻ

Đối với khách hàng bán buôn



Doanh số huy động
tiền gửi xanh năm 2025 đạt

92 tỷ VND

Ngày 18/12/2025, Vietcombank
phát hành thành công

2.000 tỷ đồng

Trái phiếu Bền vững

Sản phẩm Tiền gửi xanh

Tháng 07/2025, Vietcombank đã triển khai sản phẩm Tiền gửi xanh để đa dạng nguồn huy động sử dụng cho các dự án có mục tiêu bền vững. Sản phẩm dành cho Khách hàng bán buôn quan tâm đến môi trường, xã hội và ưu tiên lựa chọn sản phẩm tài chính xanh. Doanh số huy động tiền gửi xanh năm 2025 đạt khoảng 92 tỷ VND, số dư tính đến hết ngày 31/12/2025 đạt 60,8 tỷ VND. Nguồn vốn huy động từ tiền gửi xanh sẽ được sử dụng cho các phương án, dự án có tác động tích cực tới môi trường, xã hội theo tiêu chuẩn tại Khung Trái phiếu xanh của Vietcombank, tiêu chuẩn tại các quy định, chính sách, hướng dẫn nội bộ của Vietcombank trong từng thời kỳ.

Phát hành Trái phiếu Bền vững

Ngày 18/12/2025, Vietcombank phát hành thành công 2.000 tỷ đồng Trái phiếu Bền vững, là một bước đi cụ thể trong lộ trình xanh của Vietcombank, nhằm huy động và phân bổ nguồn lực tài chính cho các dự án mang đến tác động tích cực về môi trường và xã hội, phù hợp với định hướng chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững của Việt Nam. Nguồn vốn từ Trái phiếu Bền vững được Vietcombank ưu tiên tài trợ cho các nhóm dự án trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, có lợi ích cho môi trường, bao gồm phát triển năng lượng tái tạo và năng lượng sạch, giao thông bền vững, công trình và hạ tầng xanh, quản lý tài nguyên nước, xử lý chất thải và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, cũng như các dự án nông nghiệp bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu còn dùng để cho vay các dự án có tác động xã hội tích cực, như y tế, giáo dục, đào tạo nghề, nhà ở xã hội và các dịch vụ thiết yếu cho cộng đồng.

Khung Trái phiếu Bền vững Vietcombank được tư vấn bởi tổ chức quốc tế Viện tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) và được Sustainable Fitch (tổ chức độc lập đưa ra Ý kiến Bên Thứ Hai – Second Party Opinion) đánh giá cao với xếp hạng Tốt (Good) – đây là mức cao thứ hai trong khung đánh giá của Sustainable Fitch. Trái phiếu Bền vững do Vietcombank phát hành vào tháng 12/2025 được công ty xếp hạng tín nhiệm FiiinRatings xếp hạng rất cao “AAA”, tương đương với mức xếp hạng tín nhiệm của Trái phiếu Chính phủ Việt Nam. Đây là trái phiếu đầu tiên trên thị trường không có bảo lãnh thanh toán và không có tài sản bảo đảm nhưng vẫn được xếp hạng ở mức cao nhất, phản ánh mức độ tin cậy tín dụng đặc biệt cao của Vietcombank trên thị trường vốn trong nước.

Phát hành Trái phiếu Xanh

Trước đó, trong năm 2024, Vietcombank phát hành thành công 2.000 tỷ đồng Trái phiếu Xanh, là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành Trái phiếu Xanh tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam đồng thời tuân thủ tự nguyện Nguyên tắc Trái phiếu Xanh của Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA). Nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu Xanh sẽ được giải ngân cho các dự án thuộc 7 lĩnh vực gồm: Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, Giao thông bền vững, Quản lý nước bền vững, Công trình xanh, Nông – lâm – thủy sản bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học, Quản lý chất thải và hiệu quả tài nguyên, và Sử dụng năng lượng hiệu quả. Khung Trái phiếu Xanh của Vietcombank được tư vấn bởi tổ chức quốc tế Viện tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) và được tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín S&P Global đánh giá cao với xếp hạng Medium Green (mức cao thứ hai trong thang sáu bậc theo khung đánh giá Shade of Green của S&P Global). Điều này khẳng định chất lượng, sự tuân thủ, tính minh bạch ở cấp độ cao trong việc lựa chọn dự án, quản lý giải ngân nguồn tiền từ phát hành, các chế độ về quản trị và báo cáo của Vietcombank. Sự kiện này khẳng định vai trò tiên phong của Vietcombank trong lĩnh vực tài chính bền vững cũng như hỗ trợ các dự án thân thiện với môi trường.

Công bố thông tin

Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ của các đợt phát hành Trái phiếu Xanh, Trái phiếu bền vững được Vietcombank theo dõi và báo cáo, công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan.

Chương trình khác

Về các chương trình được tài trợ từ nguồn vốn xanh, trong năm 2025 Vietcombank đã tích cực triển khai tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế như chương trình cho vay lại các dự án xanh từ nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) trị giá 300 triệu USD nhằm bảo tồn môi trường, ngăn chặn sự nóng lên toàn cầu. Ngoài ra, Vietcombank cũng đã làm việc với nhiều tổ chức quốc tế khác như: Cơ quan Phát triển Pháp (AFD), Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) để trao đổi, làm việc nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác cho vay đối với các dự án xanh.



Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý

Các chương trình miễn giảm lãi cho khách hàng

Tính riêng trong năm 2025, khoảng

39.000 khách hàng

đã được hưởng chính sách giảm lãi suất của Vietcombank

Tổng quy mô dư nợ được hỗ trợ đạt

810.000 tỷ VND

chiếm khoảng 48,7% tổng dư nợ của Ngân hàng.

Với vai trò là một trong những ngân hàng chủ lực của hệ thống tài chính – ngân hàng và là định chế tài chính giữ vai trò dẫn dắt thị trường, Vietcombank luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm của một tổ chức lớn đối với cộng đồng và nền kinh tế. Ngân hàng luôn triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị chi phí theo hướng tinh gọn, hiệu quả và bền vững thông qua các chương trình tối ưu hóa chi phí vận hành, ứng dụng chuyển đổi số, nâng cao năng suất lao động. Các giải pháp trên là tiền đề để Vietcombank duy trì nền tảng tài chính an toàn, ổn định và có khả năng chống chịu cao. Từ đó, Vietcombank đã tạo dựng được nguồn lực tài chính vững mạnh cho phép Ngân hàng chủ động triển khai nhiều chương trình và chính sách giảm lãi suất cho vay, đặc biệt trong các giai đoạn nền kinh tế cần sự đồng hành của hệ thống ngân hàng. Các chương trình hỗ trợ này không chỉ góp phần giảm chi phí tiếp cận vốn cho người dân và doanh nghiệp mà còn khuyến khích hoạt động sản xuất – kinh doanh, kích thích tiêu dùng, đồng thời góp phần tích cực vào mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ và NHNN về việc đồng hành, hỗ trợ nền kinh tế thông qua các giải pháp tín dụng, Vietcombank đã triển khai nhiều chương trình và chính sách giảm lãi suất trong năm 2025. Cụ thể, Ngân hàng đã duy trì mức lãi suất cho vay thấp xuyên suốt năm 2025, góp phần giảm chi phí sử dụng vốn và hỗ trợ thanh khoản cho nhiều nhóm đối tượng khách hàng. Song song với đó, Vietcombank đã triển khai 28 chương trình tín dụng với mức lãi suất ưu đãi cho cả khoản vay ngắn hạn và trung dài hạn với lãi suất thấp hơn từ 0,5% đến 2,0% so với mặt bằng lãi suất bình quân. Các chương trình này được áp dụng linh hoạt cho từng phân khúc khách hàng, qua đó đáp ứng nhu cầu vốn đa dạng của thị trường trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều thách thức.

Ngoài ra, đồng hành cùng với các khách hàng chịu thiệt hại từ các đợt bão lũ trong nửa cuối năm 2025, Vietcombank đã triển khai chương trình giảm mạnh lãi suất cho vay lên tới 2,0% giúp khách hàng phục hồi sản xuất sau các đợt thiên tai. Tính riêng trong năm 2025, khoảng 39.000 khách hàng đã được hưởng chính sách giảm lãi suất của Vietcombank. Tổng quy mô dư nợ được hỗ trợ đạt 810 nghìn tỷ VND, chiếm khoảng 48,7% tổng dư nợ của Ngân hàng. Đáng chú ý, tổng số lãi vay được Vietcombank chia sẻ và hỗ trợ cho khách hàng trong năm lên tới hơn 7.000 tỷ VND, thể hiện nỗ lực mạnh mẽ của Ngân hàng trong việc đồng hành cùng người dân và doanh nghiệp thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế.

Một số chương trình giảm lãi suất, lãi suất ưu đãi tiêu biểu như: (+) Gói cho vay phát triển khách hàng bán buôn tín dụng mới; (+) Gói cho vay thúc đẩy doanh số TTQT – TTTM; (+) Gói cho vay thúc đẩy khách hàng bán buôn sử dụng đa dạng sản phẩm dịch vụ của VCB; (+) Gói cho vay phát triển Khách hàng theo chuỗi; (+) Gói cho vay Phát triển khách hàng FDI trọng điểm; (+) Chương trình cho vay Trung Dài hạn năm 2025; (+) Chương trình cho vay ngành lúa gạo; (+) Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; (+) Chương trình cho vay Nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, chung cư cũ theo Nghị quyết 33..

Phát triển nền tảng ngân hàng số – Mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính

Trong năm 2025, Vietcombank tiếp tục đẩy mạnh phát triển các nền tảng ngân hàng số dành cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp nhỏ và vừa, đóng vai trò trung tâm trong chiến lược chuyển đổi số và phổ cập tài chính toàn diện.

Cùng với việc ra mắt phiên bản New Digibank có giao diện và trải nghiệm người dùng được cá nhân hóa theo từng phân khúc khách hàng từ giữa năm 2024, nền tảng số VCB Digibank dành cho khách hàng cá nhân liên tục được gia tăng đa dạng hóa danh mục sản phẩm dịch vụ, tiện ích. Đến ngày 31/12/2025, quy mô khách hàng sử dụng VCB Digibank đạt gần 18 triệu khách hàng hoạt động; nền tảng cung cấp khoảng 250 sản phẩm, dịch vụ và tiện ích, đáp ứng đầy đủ nhu cầu giao dịch, thanh toán và quản lý tài chính cá nhân. Năm 2025, quy mô giao dịch đạt 3,97 tỷ giao dịch với tổng giá trị giao dịch ~ 14,7 triệu tỷ đồng (tăng trưởng mạnh mẽ 40% về số lượng giao dịch và 10% về giá trị giao dịch so với năm 2024). Tính riêng trong Quý 4/2025, quy mô giao dịch đạt khoảng 1,17 tỷ giao dịch. Năm 2025, Vietcombank triển khai gần 30 phiên bản cập nhật VCB Digibank để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, tối ưu trải nghiệm khách hàng giao dịch trên VCB Digibank với khoảng 40 sản phẩm dịch vụ mới, hơn 100 yêu cầu cải tiến. Các sản phẩm trọng điểm, nổi bật có thể kể đến như thanh toán VietQRPAY, Onboarding bằng thẻ ghi nợ nội địa, Onboarding từ ứng dụng VNeID, Đăng ký Digibank theo lô, Chào bán sản phẩm bảo hiểm trực tuyến trên các giao dịch QR, Chuyển tiền từ ứng dụng Messenger, Liên kết biến động tài khoản qua Loa Mobifone, Tingee, Tingbox, Tài khoản thanh toán ưu tiên, Voice OTT, Tiền gửi An Vui, liên kết tài khoản giao thông EPASS với tài khoản Vietcombank và giao

dịch thanh toán xe qua trạm, dịch vụ VCB OneQR với chính sách phí ưu đãi, chứng chỉ tiền gửi... Đối với phân khúc doanh nghiệp nhỏ và vừa, nền tảng VCB DigiBiz tiếp tục được nâng cấp với nhiều tính năng mới và tích hợp sâu với các phần mềm quản trị doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giao dịch tài chính linh hoạt, hiệu quả. Năm 2025, quy mô giao dịch trên VCB DigiBiz đạt hơn 18 triệu giao dịch, với tổng giá trị giao dịch khoảng 1,37 triệu tỷ đồng (tăng 8% về số lượng giao dịch và 18% về giá trị giao dịch so 2024).

Bên cạnh đó, Vietcombank tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong công tác chăm sóc khách hàng thông qua triển khai và mở rộng trợ lý ảo VCB DigiBot trên các nền tảng số. Trong năm 2025, Chatbot của Vietcombank được tích hợp đồng bộ trên nhiều kênh như website, Fanpage, Zalo và ứng dụng VCB Digibank, góp phần đa dạng hóa kênh tương tác và hỗ trợ khách hàng 24/7. Hệ thống Chatbot đã tiếp nhận và xử lý hàng triệu yêu cầu hỗ trợ, giúp giải đáp kịp thời các thắc mắc phổ biến của khách hàng liên quan đến sản phẩm, dịch vụ và giao dịch ngân hàng số. Việc ứng dụng Chatbot không chỉ giúp giảm tải đáng kể cho các kênh chăm sóc khách hàng truyền thống, mà còn nâng cao mức độ hài lòng, cải thiện trải nghiệm người dùng và gia tăng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho khách hàng ở mọi khu vực. Đồng thời, đây cũng là nền tảng quan trọng để Vietcombank từng bước mở

rộng ứng dụng AI trong bán lẻ ngân hàng, hướng tới cá nhân hóa dịch vụ và phát triển bền vững trong dài hạn. Đối với khách hàng doanh nghiệp, Vietcombank đã triển khai mạnh mẽ hệ sinh thái ngân hàng số toàn diện, mang đến nhiều sản phẩm và dịch vụ mang tính đột phá. Tiêu biểu có thể kể đến VCB CashUP, VCBCC, VCB iBanking. Các nền tảng số này không chỉ tối ưu hóa hành trình giao dịch mà còn giúp khách hàng tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí, đồng thời nâng cao hiệu quả vận hành của Vietcombank. Tận dụng lợi thế từ nền tảng công nghệ hiện đại, Vietcombank liên tục cải tiến giao dịch, nâng cấp tính năng và tối ưu hóa trải nghiệm người dùng theo hướng thân thiện, nhanh chóng và an toàn. Những cải tiến này góp phần xây dựng môi trường giao dịch số toàn diện, thuận tiện và nhất quán, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận các dịch vụ ngân hàng mọi lúc, mọi nơi.

Bên cạnh triển khai các nền tảng số chung cho từng phân khúc khách hàng, Vietcombank cũng triển khai các giải pháp công nghệ chuyên biệt theo ngành, phù hợp với các nhu cầu đặc thù của khách hàng như VCB iSchool, VCB i-Care, Dịch vụ quản lý doanh thu theo chuỗi cửa hàng được phẩm trên VCB-iB@nking, sản phẩm số phụ điện tử và chứng từ kỹ số.

Quy mô giao dịch năm 2025 đạt khoảng

3,97 tỷ giao dịch

Tổng giá trị giao dịch xấp xỉ

14,7 triệu tỷ đồng

tăng 40% về số lượng giao dịch và 10% về giá trị giao dịch so 2024

Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý

Mở rộng hệ sinh thái thanh toán số – Gia tăng độ bao phủ tài chính

Vietcombank tiếp tục mở rộng và tối ưu hệ sinh thái đối tác thanh toán số, kết nối với hơn 1.700 đối tác và xây dựng mạng lưới khoảng 131.000 đơn vị chấp nhận thanh toán trong nhiều lĩnh vực như bán lẻ, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, du lịch và dịch vụ công. Đặc biệt, trong lĩnh vực dịch vụ công, năm 2025 quy mô giao dịch thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và quy mô giao dịch thanh toán phí và lệ phí cho người nước ngoài lần lượt đạt đạt hơn 1 triệu giao dịch và 4.5 triệu giao dịch, góp phần nâng cao tính minh bạch, thuận tiện và hiệu quả trong cung ứng dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

Xây dựng mạng lưới khoảng **131.000** đơn vị chấp nhận thanh toán trong nhiều lĩnh vực như bán lẻ, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, du lịch và dịch vụ công.

Ngoài việc liên tục cải tiến và mở rộng các phương thức thanh toán nội địa, Vietcombank còn kết nối với các đối tác để triển khai thanh toán song phương xuyên biên giới. Năm 2025, Vietcombank đã hoàn thành các giải pháp thanh toán QR mới gia tăng tiện ích cho khách hàng, đảm bảo cạnh tranh thị trường và giữ thị phần dịch vụ thanh toán số của Vietcombank: (i) Triển khai bộ giải pháp VCB OneQR linh hoạt tích hợp 1 mã QR trong thanh toán nội địa và quốc tế (các thị trường: Thái Lan, Lào, Campuchia, Trung Quốc và các thị trường Vietcombank tiếp tục nghiên cứu mở rộng trong thời gian tới: Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản...); (ii) Nâng cấp tiêu chuẩn kỹ thuật 2.0 dịch vụ IBFT và VietQRPay với Napas; (iii) bộ giải pháp QR người bán trên VCB Digibank, VCB Digibiz; (iv) thanh toán QR (QR trên POS) để gia tăng tiện ích cho đơn vị chấp nhận thanh toán và khách hàng. Với dự án QR xuyên biên giới, trong vai trò Ngân hàng thanh toán, ngoài các thị trường đã triển khai như QR Thái Lan, QR Lào, Campuchia, VCB tiếp tục triển khai chấp nhận thanh toán các thị Trung Quốc. Trong đó, Vietcombank được Ngân hàng Nhà nước lựa chọn là Ngân hàng quyết toán quốc tế đối với thị trường Trung Quốc.

Vietcombank cũng đã triển khai các tính năng sản phẩm dịch vụ, chương trình ưu đãi để hỗ trợ khách hàng trong việc thực thi các quy định mới của cơ quan thuế đặc biệt là trong chiến dịch 60 ngày cao điểm chuyển đổi mô hình thuế – đồng hành cùng với các đơn vị thuế (theo QĐ 3389/QĐ-BTC ngày 06/10/2025 – phê duyệt Đề án chuyển đổi thuế đối với hộ kinh doanh (HKD) khi xóa bỏ thuế khoán, xác định lộ trình, phương thức quản lý, phân nhóm HKD theo doanh thu để áp dụng phương pháp kê khai) để hỗ trợ, giữ chân khách hàng là HKD hiện hữu và thu hút khách hàng là HKD mới cụ thể như sau: (i) kết nối với các Công ty phần mềm bán hàng lớn trên thị trường như MISA, KiotViet, Viettel, VNPT... để hỗ trợ các HKD tuân thủ quy định của ngành thuế; (ii) đàm phán các chính sách ưu đãi tốt nhất với các công ty quản lý phần mềm bán hàng cho khách hàng của Vietcombank; (iii) triển khai các chương trình chính sách ưu đãi cho khách hàng là HKD của Vietcombank; (iv) xây dựng các chương trình ưu đãi đồng hành dài hạn với HKD trong năm 2026.



Tăng cường an toàn, bảo mật và quản trị rủi ro trong ngân hàng số

Song song với việc mở rộng quy mô và tính năng dịch vụ ngân hàng số, Vietcombank luôn đặt an toàn, bảo mật và quản trị rủi ro lên hàng đầu. Trong năm 2025, Vietcombank đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tuân thủ các quy định mới của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến an toàn giao dịch trực tuyến, bảo vệ dữ liệu cá nhân và xác thực giao dịch nâng cao.

Vietcombank là một trong những ngân hàng tiên phong triển khai xác thực sinh trắc học thông qua tích hợp với ứng dụng VNeID, ứng dụng công nghệ NFC để đọc dữ liệu căn cước công dân gắn chip, đồng thời triển khai các giải pháp xác thực nâng cao như SoftOTP và chữ ký số từ xa. Đến hết tháng 12/2025, VCB đã thu thập thành công dữ liệu sinh trắc học của hơn 15 triệu khách hàng, góp phần giảm thiểu rủi ro gian lận và nâng cao niềm tin của khách hàng khi giao dịch trên kênh số.

Hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi số, ngân hàng tích cực tham gia triển khai Đề án 06, chính sách xác thực điện tử của Bộ Công An. Trong năm 2025, Vietcombank tiếp tục phối hợp chặt chẽ với C06 – Bộ Công an để tiên phong trong việc ứng dụng tài khoản định danh và xác thực điện tử VNeID vào các dịch vụ tài chính, cụ thể:

- Tích hợp Cổng ký số từ xa (RS Hub VNeID): tiên phong cho phép khách hàng đăng ký, sử dụng chữ ký số thông qua VNeID ngay trên ứng dụng VCB Digibank (từ 22/05/2025). Tính đến 31/12/2025, đã giải ngân khoảng 8.350 tỷ đồng thông qua chữ ký số cá nhân bằng VNeID.
- Liên kết tài khoản An sinh xã hội: Hoàn thành tính năng mở và liên kết tài khoản an sinh xã hội trên VNeID (tháng 07/2025). Tính đến 31/12/2025, đã có hơn 2,5 triệu tài khoản Vietcombank thực hiện liên kết.
- Vietcombank đã tiên phong triển khai từ tháng 5/2025 tính năng định danh khách hàng bằng căn cước điện tử (thông qua ứng dụng VNeID) tại quầy, cho phép giao dịch viên xác thực trực tiếp thông tin khách hàng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đi trước thời điểm Nghị định 280/2025/NĐ-CP có hiệu lực (01/11/2025), qua đó thể hiện vai trò chủ động, tiên phong và tuân thủ nghiêm các định hướng của Chính phủ; đến nay, Vietcombank là ngân hàng đầu tiên và duy nhất triển khai nghiệp vụ này tại quầy. Đồng thời, Vietcombank cũng là ngân hàng đầu tiên triển khai thu thập sinh trắc học trực tiếp qua máy tính bằng đối với chủ doanh nghiệp FDI là người nước ngoài đang cư trú tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ như Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Trung Quốc, Thái Lan..., qua đó giúp khách hàng nhanh chóng kích hoạt, sử dụng các dịch vụ ngân hàng số một cách thuận tiện và an toàn.

Tính đến 31/12/2025, đã giải ngân khoảng **8.350** tỷ đồng thông qua chữ ký số cá nhân bằng VNeID.

- Mở tài khoản cho tổ chức bằng VNeID: Hoàn thành xây dựng quy trình quy định về dịch vụ mở tài khoản và đăng ký sản phẩm dịch vụ trực tuyến hoàn toàn tự động cho doanh nghiệp thông qua VNeID. Bên cạnh đó, hành trình mở tài khoản thanh toán và đăng ký các dịch vụ gia tăng trên tài khoản cho Khách hàng tổ chức đã được triển khai trực tiếp trên VCB Tablet, đáp ứng yêu cầu số hóa trong quản lý thuế và hóa đơn theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP, đồng thời cung cấp công cụ hỗ trợ bán hàng hiệu quả cho Chi nhánh và mang lại trải nghiệm giao dịch hiện đại cho Doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai tích hợp VNeID vào hành trình phục vụ khách hàng ttại quầy thông qua VCB Tablet, tiến tới văn phòng số không giấy tờ.
- Hỗ trợ C06 – Bộ Công An thực hiện báo cáo tổng kết giai đoạn 1 Đề án 06 năm 2022–2025, phối hợp nghiên cứu danh mục giải pháp và nhiệm vụ cho giai đoạn 2 năm 2026 – 2030.

Tính đến 31/12/2025, đã có hơn **2,5 triệu** tài khoản Vietcombank thực hiện liên kết.

Tăng cường an toàn, bảo mật và quản trị rủi ro trong ngân hàng số (tiếp theo)

Các giải pháp nền tảng xác thực và định danh điện tử do Vietcombank thực hiện đã khẳng định vai trò then chốt, là nền tảng cốt lõi trong việc phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ của Vietcombank, cung cấp giải pháp cốt lõi hiện thực hóa mục tiêu của Dự án Số hóa chi nhánh. Đặc biệt, các giải pháp ứng dụng VNeID và CCCD gắn chip của Vietcombank đã vinh dự được lựa chọn là sản phẩm tiêu biểu, đại diện cho thành tựu chuyển đổi số của để tham gia trưng bày, giới thiệu tại các sự kiện chính trị – xã hội trọng đại quy mô Quốc gia và Ngành, bao gồm: Chuỗi sự kiện Ngày Chuyển đổi số ngành Ngân hàng qua các năm (2023, 2024, 2025); Ngày không tiền mặt năm 2025; Đại hội Đại biểu Đảng bộ Vietcombank; Đại hội Đảng bộ Chính phủ và đặc biệt là Triển lãm thành tựu Đất nước chào mừng 80 năm ngày Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam.

Thông qua việc đẩy mạnh chuyển đổi số, đặc biệt trong mảng ngân hàng bán lẻ, Vietcombank đã góp phần quan trọng vào việc phổ cập dịch vụ tài chính, giảm chi phí giao dịch và nâng cao khả năng tiếp cận của người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là các nhóm khách hàng ở khu vực vùng sâu, vùng xa, hộ kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ. Các nền tảng ngân hàng số, hệ sinh thái thanh toán và giải pháp công nghệ của Vietcombank không chỉ tạo ra giá trị kinh tế, mà còn mang lại giá trị xã hội, góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, nâng cao minh bạch tài chính và đóng góp tích cực vào các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

Tính riêng trong năm 2025, khoảng **39.000** khách hàng đã được hưởng chính sách giảm lãi suất của Vietcombank



Thông lệ mua sắm hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm

Hoạt động mua sắm của Vietcombank được thực hiện tập trung hóa tại Trụ sở chính từ khâu chuẩn bị mua sắm (xây dựng tổng mức đầu tư/dự toán mua sắm) đến khâu tổ chức mua sắm, quản lý, theo dõi hợp đồng, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, đạt được quy mô mua sắm hiệu quả, tiết kiệm chi phí, nhân lực và thời gian.

- Nhu cầu mua sắm được tổng hợp và lên Kế hoạch mua sắm từ đầu năm tài chính, trên cơ sở đó Vietcombank ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp thông qua việc tổ chức lựa chọn nhà thầu/lựa chọn nhà cung cấp, nhà thầu trúng thầu là các nhà cung cấp trong nước.

- Tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ mua sắm đều được chuẩn hóa và có tiêu chuẩn cụ thể rõ ràng được Cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch mua sắm. Quá trình lựa chọn nhà thầu/lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo đạt được mục tiêu công khai, minh bạch, hiệu quả cũng như đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm chi phí với trách nhiệm giải trình của các Bộ phận tham gia vào quá trình mua sắm.
- Tối ưu hóa chi phí mua sắm thông qua việc xây dựng tổng mức đầu tư/dự toán, lựa chọn các nhà cung cấp có chi phí hợp lý, vừa đảm bảo tối thiểu hóa chi phí vừa đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tiết kiệm để đạt được hiệu quả tối ưu khi Vietcombank áp dụng mô hình mua sắm tập trung. Điều này được thể hiện thông qua quy trình mua sắm nội bộ chặt chẽ và được cập nhật liên tục phù hợp với chính sách và thực tế hoạt động kinh doanh của Vietcombank trong từng thời kỳ.

- Đưa ra yêu cầu nhà cung cấp phải đáp ứng các điều kiện chặt chẽ về sản phẩm hàng hóa/dịch vụ, phù hợp với nhu cầu kinh doanh của Vietcombank và tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật, trong đó bao gồm các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội, về chất lượng sản phẩm, về đảm bảo quyền lợi của Vietcombank là người sử dụng sản phẩm hàng hóa/dịch vụ (bảo hành, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác...) cũng như các yêu cầu khác về kinh doanh có điều kiện, văn hóa, đạo đức trong kinh doanh.
- Các tiêu chí lựa chọn nhà thầu/nhà cung cấp được quy định trong Quy trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại Vietcombank trong từng thời kỳ. Xây dựng yêu cầu về năng lực kinh nghiệm của nhà thầu/nhà cung cấp theo quy định nội bộ của Vietcombank, làm cơ sở chuyển tải vào nội dung của Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu/Hồ sơ bảo giá.



Thông lệ mua sắm hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm (tiếp theo)

Trong năm 2025, Vietcombank đã cập nhật các thay đổi của pháp luật liên quan đến hoạt động đấu thầu và các thay đổi về mô hình tổ chức của Vietcombank liên quan đến lựa chọn nhà cung cấp, đảm bảo công tác mua sắm tại Vietcombank được thực hiện trong một hành lang pháp lý chặt chẽ.

- Trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu/ Hồ sơ đề xuất về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, Vietcombank đánh giá về năng lực tài chính, lợi nhuận, nghĩa vụ thuế và nhân sự tham gia thực hiện công việc thuộc phạm vi gói thầu của nhà thầu trên cơ sở các tài liệu do nhà thầu cung cấp hoặc công bố, đảm bảo nhà thầu được Vietcombank lựa chọn là đơn vị có năng lực, minh bạch về tài chính, không nợ thuế, nhân sự tham gia triển khai công việc là những người có trình độ, kinh nghiệm về chuyên môn phù hợp với tính chất gói thầu, đặc biệt nhà thầu không sử dụng lao động trẻ em.
- Vietcombank thực hiện quản lý hợp đồng với nhà thầu/nhà cung cấp về tiến độ thực hiện, chất lượng hàng hóa, tính đầy đủ của dịch vụ triển khai, chi phí và các nội dung liên quan khác theo quy định tại Quy trình mua sắm của Vietcombank, theo đó việc quản lý được thực hiện đối với:
 - Nhà cung cấp được Vietcombank đánh giá là có tiềm năng/khả năng cung ứng hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Vietcombank, trong đó các nhà cung cấp có thể được sàng lọc bằng tiêu chí môi trường.
 - Nhà cung cấp đã ký kết và thực hiện Hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ với Vietcombank: đánh giá tiến độ thực hiện Hợp đồng, chất lượng hàng hóa/ dịch vụ cung cấp, chi phí thực hiện, khả năng bảo hành, bảo trì...
 - Năm 2025, Vietcombank tiếp tục thực hiện xây dựng kho dữ liệu về nhà cung cấp theo từng lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở thông tin của các nhà thầu/ nhà cung cấp tham gia cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Vietcombank.



Công tác phòng chống tham nhũng quyết liệt, toàn diện

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng luôn là một nhiệm vụ quan trọng, được Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị đặc biệt quan tâm. Là doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối, với vị thế của ngân hàng số 1 Việt Nam, Vietcombank luôn chủ động quán triệt và thực hiện quyết liệt công tác phòng chống tham nhũng. Vietcombank đã tổ chức quán triệt, ban hành nhiều chính sách, nội quy lao động, quy định về đạo đức nghề nghiệp và triển khai thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn hệ thống.

Trong năm 2025, qua công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Vietcombank cũng như kết quả công tác thanh tra, kiểm toán của các cơ quan bên ngoài như Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Vietcombank không phát sinh các trường hợp tham nhũng nào được ghi nhận và báo cáo. Cán bộ, đảng viên, người lao động luôn có ý thức rèn luyện, không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; không có biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; có thái độ tôn trọng khách hàng, tận tâm, tận lực phục vụ khách hàng, được khách hàng tin tưởng.

Cơ chế tiếp nhận thông tin công khai và minh bạch

Vietcombank luôn duy trì các tiêu chuẩn cao nhất về hành vi đạo đức và pháp lý trong mọi hoạt động. Do vậy, Cơ chế Tố giác được triển khai để thực hiện cam kết của Ngân hàng về tăng cường quản trị và minh bạch, với mục tiêu chính là khuyến khích cung cấp thông tin về mọi vi phạm thực tế hoặc nghi ngờ về hành vi gian lận liên quan đến hoạt động của Ngân hàng.

Cán bộ của Vietcombank, khách hàng và bất kỳ bên thứ ba nào đều có thể thông báo về các gian lận xảy ra hoặc nghi ngờ về hành vi gian lận diễn ra tại Vietcombank. Người tố giác không bắt buộc phải cung cấp thông tin về bản thân. Vietcombank sẽ nỗ lực bảo mật mọi thông tin về người tố giác (nếu có) nhằm bảo vệ người tố giác theo đúng quy định pháp luật.

Việc tố giác có thể được thực hiện bằng cách:

- Gửi email tới địa chỉ: homthutogiac@vietcombank.com.vn
- Gọi điện thoại tới Trung tâm hỗ trợ khách hàng của Vietcombank (số điện thoại 1900545413 – hỗ trợ 24/24h)
- Cung cấp thông tin trực tiếp cho cán bộ Vietcombank tại Trụ sở chính, các Chi nhánh, điểm giao dịch của Vietcombank trong giờ làm việc.

Thông tin tố giác có thể được thực hiện bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; thông tin tố giác bằng các ngôn ngữ khác sẽ không được xử lý. Thông tin tố giác sẽ được chuyển đến bộ phận chức năng tại Vietcombank để xử lý theo quy định của Ngân hàng.

Tiêu chuẩn về môi trường¹

Tuân thủ pháp luật về môi trường

Vietcombank luôn tuân thủ các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường như Luật bảo vệ môi trường năm 2020, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn có liên quan; tích cực triển khai các định hướng của Chính phủ trong việc bảo vệ môi trường, đồng thời khuyến khích các cán bộ nhân viên nâng cao nhận thức và tham gia các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường.

Phát thải

Khí thải

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, Vietcombank không có hoạt động sản xuất phát sinh khí thải trực tiếp.

Đối với phương tiện vận chuyển: Vietcombank trang bị những phương tiện vận chuyển, công cụ lao động hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, Ngân hàng thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa định kỳ các phương tiện vận chuyển để đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu. Hàng năm, Vietcombank cũng thực hiện rà soát và đánh giá chất lượng phương tiện trên toàn hệ thống để kịp thời thay thế các phương tiện cũ không đạt tiêu chuẩn.

Trong năm 2025, Vietcombank không phát sinh vi phạm, không phát sinh tiền bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

Đối với khí thải từ hệ thống điều hòa không khí, máy phát điện: Hệ thống điều hòa hiện đại, tiết kiệm năng lượng và được vận hành thông qua phần mềm điều khiển tự động tòa nhà (BMS), hệ thống này có chức năng đặt lịch và thông số hoạt động theo yêu cầu/khung thời gian để tránh khung giờ cao điểm và đạt hiệu quả sử dụng và tiết kiệm năng lượng hiệu quả, khí thải đối với hệ thống điều hòa không khí là không phát sinh, ga lạnh khi sửa chữa điều hòa nếu phải hút gas thì lượng gas này đều được thu hồi vào bình chứa và tái sử dụng, tuyệt đối không xả ra môi trường; máy phát điện được trang bị chỉ là máy phát điện dự phòng (chỉ chạy khi mất điện lưới hoặc phát sinh sự cố) nên thời gian chạy là không đáng kể. Ngân hàng thực hiện định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để tối ưu hiệu suất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát sinh khí thải và kịp thời sửa chữa, thay thế khi thiết bị cũ, hư hỏng.

Tòa nhà Vietcombank số 05 Công trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh đã đạt chứng nhận

LEED PLATINUM

từ 30/8/2024

Các biện pháp và sáng kiến giảm thiểu phát thải nhà kính đã thực hiện trong năm 2025:

- Hệ thống điều hòa không khí được điều chỉnh tự động, nhiệt độ dao động từ 24–25°C, giảm thiểu năng lượng tiêu thụ.
- Hạn chế in ấn tài liệu không cần thiết; tăng cường họp/ làm việc trực tuyến để hạn chế di chuyển... Năm 2025, Vietcombank tiếp tục triển khai hệ thống Office 365 trên toàn hệ thống, qua đó hỗ trợ tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào, văn phòng phẩm, giảm các chi phí hành chính quản trị và tăng cường hiệu quả công việc.
- Tại Tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải (Hoàn Kiếm, Hà Nội), Ban quản lý Tòa nhà tiếp tục triển khai chương trình sáng kiến tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả vật tư tiêu hao và 3R. Năm 2025 có tổng số 16 sáng kiến và có nhiều sáng kiến đã áp dụng ngay.

Nước thải

số liệu nước thải năm 2025 ở mức

29.039 m³

tăng 3% so với năm 2024

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, Vietcombank không có hoạt động sản xuất phát sinh nước thải trực tiếp, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt trong quá trình vận hành hoạt động.

Vietcombank có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo quy chuẩn môi trường. Ngân hàng khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng tiết kiệm nước tại văn phòng, mức tiêu thụ nước được theo dõi chặt chẽ. Bên cạnh đó, Vietcombank duy trì sử dụng phần lớn các thiết bị vệ sinh cảm biến tự động giúp tiết kiệm nguồn nước, định kỳ quan trắc xả thải/môi trường đúng theo yêu cầu tại giấy phép xả thải vào nguồn nước hoặc giấy phép môi trường.

- Tòa nhà Vietcombank số 05 Công trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh đã đạt chứng nhận Leed platinum từ 30/8/2024 của tổ chức USGBCI (Mỹ) và chứng nhận Well Core Gold của Viện IWBI (Mỹ) vào tháng 1/2025 xác nhận tòa nhà vận hành tiết kiệm năng lượng, các giải pháp về sử dụng vật liệu an toàn cho sức khỏe, môi trường sống làm việc đạt tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó Tòa nhà được cấp chứng nhận ISO 9001 về quản lý chất lượng dịch vụ; ISO 14001 về hệ thống quản lý môi trường; ISO 45001 về quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; ISO 50001 về hệ thống quản lý năng lượng từ tháng 11/2023 của Tổ chức quốc tế BSI (Anh). Tháng 8/2024, Tòa nhà Vietcombank Tower được UBND TPHCM chứng nhận doanh nghiệp xanh năm 2024. Đây chính là thành quả từ giai đoạn xây dựng đến nâng cấp, bảo trì nhằm duy trì tiêu chuẩn cao nhất về hiệu năng và tính bền vững.

Tại Tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải (Hoàn Kiếm, Hà Nội), nước thải được quan trắc định kỳ bởi đơn vị có chuyên môn, chất lượng nước thải sau xử lý luôn đáp ứng quy chuẩn Việt Nam QCVN 14: 2008/BTNMT – Cột B. Đồng thời, Ban quản lý Tòa nhà đã bắt đầu tái sử dụng nước thải đã xử lý (chất lượng đạt quy chuẩn QCVN 14: 2008/BTNMT – Cột B) để dùng cho hệ thống tưới cây tự động dạng thấm thấu.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank số 5 Công trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh)², số liệu nước thải năm 2025 ở mức 29.039 m³, tăng 3% so với năm 2024³.

2: Các thống kê về nước thải, bùn thải, rác thải, chất thải nguy hại... của chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank số 5 Công trường Mê Linh, TP.HCM) được ước tính theo tỷ lệ diện tích thuê của VCB/tổng diện tích thuê

3: Số liệu có thể được hiệu chỉnh để phản ánh đúng hoạt động vận hành thực tế của ngân hàng.

1: Năm 2024, Tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội và Tòa nhà Vietcombank số 05 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP Hồ Chí Minh điều chỉnh lại cách tính một số số liệu năm 2024 và 2023.

số liệu rác thải sinh hoạt năm 2025 lần lượt ở mức **378 tấn** tăng 10% so với năm 2024

số liệu bùn thải sinh hoạt năm 2025 lần lượt ở mức **95 m³** tăng 174% so với năm 2024

Chất thải

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, Vietcombank không có hoạt động sản xuất phát sinh chất thải nguy hại đối với môi trường xung quanh, chỉ phát sinh chất thải sinh hoạt trong quá trình vận hành hoạt động.

Vietcombank đưa ra định mức văn phòng phẩm và đánh giá trực tiếp vào kết quả hoạt động hàng năm của các đơn vị có liên quan. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom và có nhân viên xử lý theo đúng quy trình. Vietcombank tích cực triển khai quá trình chuyển đổi số, sử dụng công nghệ lưu trữ hồ sơ trên phần mềm giúp tránh rủi ro, thất lạc hồ sơ đồng thời giảm thiểu sử dụng giấy in. Ngoài ra, Vietcombank thường xuyên tái sử dụng bình mực, máy in, giấy in, ruột bút bi, hạn chế thay mới để giảm chất thải ra môi trường. Các biện pháp và sáng kiến giảm thiểu chất thải sinh hoạt tiếp tục được thực hiện trong năm 2025:

- Tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội):
 - Phân loại rác thải tại nguồn, có thùng đựng riêng;
 - Tuyên truyền bằng các biển hiệu với các nội dung tiết kiệm giấy dán trong các nhà vệ sinh;
 - Hạn chế tối đa việc sử dụng các vật dụng sử dụng 1 lần và các loại túi nilon.
 - Chất thải nguy hại được lưu giữ tạm thời tại khu vực độc lập bên trong tòa nhà với biển báo, thùng lưu giữ theo từng mã. Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý bởi đơn vị có chuyên môn theo đúng quy định Pháp luật liên quan.
- Tại tòa nhà Vietcombank số 05 Công trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh, Vietcombank triển khai các biện pháp quản lý chất thải theo hướng giảm thiểu, tái sử dụng và xử lý an toàn, nhằm hạn chế tác động đến môi trường và tuân thủ quy định pháp luật với các giải pháp chính bao gồm:
 - Phân loại chất thải tại nguồn theo ba nhóm: chất thải sinh hoạt, chất thải tái chế và chất thải nguy hại, giúp nâng cao hiệu quả thu gom và xử lý.
 - Giảm sử dụng vật tư tiêu hao và bao bì nhựa dùng một lần, thúc đẩy thói quen làm việc xanh và sử dụng vật liệu thân thiện môi trường.

- Thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại đúng quy định, đảm bảo an toàn và tuân thủ yêu cầu pháp lý trong suốt quá trình lưu giữ, vận chuyển và chuyển giao.
- Ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải, bảo đảm các loại chất thải được xử lý đúng quy trình và tiêu chuẩn môi trường.
- Duy trì và thực hiện nghiêm túc các quy trình quản lý chất thải đã áp dụng từ năm 2024, đồng thời cải tiến khi cần thiết để phù hợp với thực tế.
- Đánh giá định kỳ khối lượng chất thải phát sinh, từ đó đề xuất các biện pháp giảm thiểu hiệu quả và cải thiện liên tục công tác quản lý chất thải.

Tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) đã áp dụng phân loại rác thải sinh hoạt tái chế. Năm 2025 đã thu gom được 11,87 tấn.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank số 5 Công trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh)⁴, số liệu rác thải sinh hoạt và bùn thải năm 2025 lần lượt ở mức 378 tấn và 95 m3, tăng tương ứng 10% và 174% so với năm 2024.

4: Các thống kê về nước thải, bùn thải, rác thải, chất thải nguy hại... của chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank số 5 Công trường Mê Linh, TP.HCM) được ước tính theo tỷ lệ diện tích thuê của VCB/tổng diện tích thuê

Tiếng ồn

Các trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phát sinh tiếng ồn ở mức tối thiểu, duy trì môi trường giao dịch yên tĩnh, lịch sự cho khách hàng, tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái cho người lao động.

Kết quả cho thấy tiếng ồn luôn đáp ứng Quy chuẩn QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Công tác bảo vệ môi trường năm 2024 tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các quy định Pháp luật liên quan, không bị xử phạt do vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội), quan trắc định kỳ tiếng ồn theo phương pháp thử nghiệm nên tại TCVN 7878-2018: Âm học – Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường.



Lượng nước tiêu thụ cho toàn bộ Cao ốc ở mức **19.321m³** giảm 1.901m³ so với năm 2024.

Môi trường

Vietcombank luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, hướng đến mô hình ngân hàng xanh và tạo dựng một không gian làm việc thân thiện cho người lao động. Bên cạnh đó, Vietcombank luôn đề cao xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh, chú trọng thực hiện tiết kiệm điện, nước, giấy và các vật liệu văn phòng; khuyến khích cán bộ trồng và chăm sóc cây xanh tại nơi làm việc cũng như có ý thức giữ gìn môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

Tiêu thụ nước sạch

Năm 2025, toàn hệ thống Vietcombank tiếp tục sử dụng nước tinh khiết giữ trong chai thủy tinh để tái sử dụng nhiều lần, đảm bảo thân thiện với môi trường và tiết kiệm nguồn nước.

Các biện pháp và sáng kiến giảm thiểu nước tiêu thụ tiếp tục được thực hiện trong năm 2025 và kết quả thực hiện:

- Tại tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội:
 - Lượng nước tiêu thụ cho toàn bộ Cao ốc ở mức 19.321m³, giảm 1.901m³ so với năm 2024.
 - Sử dụng máy lọc nước tinh khiết thay cho nước uống đóng chai đối với khối văn phòng. Năm 2026 sẽ áp dụng đối với toàn bộ công ty.
 - Hoàn thành thay thế dẫn thiết bị vệ sinh cơ khí bằng thiết bị tự động; căn chỉnh lưu lượng nước theo tiêu chuẩn LEED 2009.
 - Kiểm tra việc sử dụng nước thường xuyên để đảm bảo nước không bị rò rỉ.
 - Sửa chữa kịp thời đường ống và van nước.
 - Truyền thông sử dụng tiết kiệm nước tại khu vực sử dụng nước.

- Tại tòa nhà Vietcombank số 05 Công trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh, triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước, giảm thất thoát, hạn chế tác động đến môi trường như sau:
 - Kiểm tra và sửa chữa kịp thời các điểm rò rỉ trong hệ thống cấp thoát nước để giảm thất thoát và đảm bảo vận hành ổn định.
 - Lắp đặt thiết bị tiết kiệm nước, bao gồm các vòi nước tự ngắt đạt tiêu chuẩn Well, nhằm giảm lượng nước sử dụng trong sinh hoạt văn phòng.
 - Trang bị thiết bị đo và hệ thống giám sát sử dụng nước theo từng khu vực, giúp theo dõi, đánh giá và kiểm soát mức tiêu thụ thực tế.
 - Tăng cường truyền thông về sử dụng nước tiết kiệm tại nơi làm việc, góp phần hình thành thói quen sử dụng hiệu quả tài nguyên nước.
 - Thu gom và xử lý nước thải đúng quy định trước khi xả thải, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường.
 - Áp dụng các biện pháp kiểm soát lượng nước dùng cho tưới cây và vệ sinh, tối ưu hóa quy trình sử dụng để tránh lãng phí.
 - Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, nhằm cải thiện hiệu quả xử lý và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cao hơn.
 - Theo dõi và ghi nhận định kỳ lượng nước cấp và nước thải phát sinh, phục vụ công tác đánh giá xu hướng sử dụng và đề xuất giải pháp cải thiện kịp thời.

- Số liệu tiêu thụ nước sạch năm 2025 của Vietcombank⁵:

Hạng mục	Đơn vị	2023	2024	2025	Biến động 2025 so với 2024	
					Số tuyệt đối	Tỷ lệ
Số m ³ khối nước sử dụng/ đơn vị doanh thu	m ³ /tỷ VNĐ	3,691	3,497	4,219	0,72	20,65%

Trong năm 2025, lượng nước tiêu thụ trên mỗi đơn vị doanh thu đạt 4,219 m³/tỷ VNĐ, tăng 20,65% so với năm 2024. Biến động này chủ yếu xuất phát từ nhu cầu vận hành gia tăng tại một số đơn vị kinh doanh, cũng như sự thay đổi về quy mô hoạt động trong năm. Mặc dù vậy, với đặc thù là tổ chức tài chính – ngân hàng, mức tiêu thụ nước của Vietcombank vẫn ở ngưỡng thấp so với nhiều ngành kinh tế khác. Ngân hàng tiếp tục duy trì các giải pháp kiểm soát và tiết kiệm nước, bao gồm lắp đặt thiết bị tiết kiệm, tăng cường giám sát tiêu thụ theo khu vực và lồng ghép tiêu chí sử dụng hiệu quả tài nguyên vào công tác quản lý vận hành. Vietcombank cam kết tiếp tục tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước theo hướng bền vững và có trách nhiệm.

Về nguồn nước, trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và chi nhánh Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank Tower số 5 Công trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, TP HCM) sử dụng nguồn nước sạch thành phố. Tại tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội bắt đầu tái sử dụng nước thải đã xử lý (chất lượng đạt quy chuẩn QCVN 14: 2008/BTNMT – Cột B) để dùng cho hệ thống tưới cây tự động dạng thẩm thấu.



5: Số liệu đã được hiệu chỉnh bổ sung thêm thuế GTGT, thuế BVMT vào đơn giá tiền nước và số liệu không bao gồm công ty con, công ty liên danh liên kết.

Tiêu thụ điện năng

Năm 2025, Vietcombank tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện tại các tòa nhà văn phòng như lắp cửa gió đóng mở tự động; lắp biến tần cho quạt tháp giải nhiệt; thay thế quạt của máy điều hòa tầng loại truyền động dây đai bằng loại truyền động trực tiếp; cảm biến chất lượng không khí để điều chỉnh lượng cấp khí tươi; Cài đặt thông số biến tần quạt/máy thổi khí phù hợp với thực tế vận hành; tái sử dụng nước thải đã xử lý để tưới cây; lắp đặt bộ lọc sóng hài.

Các biện pháp và sáng kiến giảm thiểu tiêu thụ điện năng tiếp tục được thực hiện trong năm 2025 và kết quả thực hiện:

- Tại tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội: Lắp đặt bổ sung 1 bộ cửa gió đóng mở tự động cho phòng thang máy để tận dụng nhiệt lạnh mùa đông để làm mát phòng máy thay vì phải bật điều hòa; Lắp đặt bổ sung 3 bộ biến tần cho tháp giải nhiệt số 2 để vận hành phù hợp với nhiệt độ thời tiết; thay thế quạt của máy điều hòa tầng loại truyền động dây đai bằng loại truyền động trực tiếp, điều khiển điện tử; Lắp đặt bổ sung cảm biến chất lượng không khí cho ½ Cao ốc để giám sát và điều chỉnh chất lượng không khí/van gió tự động bên trong nhà và tận dụng nhiệt lạnh bên ngoài đối với các tháng mùa Đông/Xuân; Điều chỉnh tần số chạy quạt thông gió/máy nén khí cho phù hợp với thực tế vận hành; Điều

chỉnh độ dẫn điện của nước giải nhiệt máy điều hòa trung tâm phù hợp với tiêu chuẩn LEED 4.1 đối với tòa nhà hiện hữu; Lắp đặt 3 bộ lọc sóng hài cho trạm điện để nâng cao chất lượng điện và giảm tổn thất điện; Nhận giấy chứng hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001 cho năm Thứ 2. Kết quả thực hiện, tiết giảm 114.366Kwh/năm cho toàn bộ Cao ốc so với năm 2024; đạt Giải nhất về "Giải thưởng hiệu quả năng lượng trong công trình xây dựng" do Bộ Công thương và Hiệp hội Khoa học Công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam chứng nhận. Tòa nhà không thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024. Tuy nhiên, vẫn tiếp tục thực hiện các giải pháp nêu trên để sử dụng và tiết kiệm năng lượng hiệu quả để góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính, kết quả tiêu thụ năng lượng cả năm 2025 là: (+) Dầu diesel dùng cho máy phát điện dự phòng: 0,45 tấn (trích báo cáo tình hình sử dụng năng lượng của cơ sở sử dụng năng lượng và cơ quan, đơn vị ngày 08/01/2025). (+) Xăng sử dụng cho 1 ô tô 7 chỗ: 0,79 tấn (trích báo cáo tình hình sử dụng năng lượng của cơ sở sử dụng năng lượng và cơ quan, đơn vị ngày 08/01/2026). (+) Tổng lượng điện tiêu thụ mua của EVN dùng cho toàn bộ Tòa nhà, bao gồm cả khách thuê: 5.423.034 kWh, tiết giảm 114.366Kwh so với năm 2024. (+) Lượng điện tiêu thụ cho toàn bộ hệ thống cơ điện, bao gồm cả hệ thống điều hòa trung tâm: 1.793.632 kWh. (+) Lượng điện tiêu thụ cho hệ thống điều hòa trung tâm: 1.017.590 kWh.

- Tại tòa nhà Vietcombank số 5 Công trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa nhà đã đạt chứng nhận Leed platinum từ 30/8/2024 của tổ chức USGBCI (Mỹ) và chứng nhận Well Core Gold của Viện IWBI (Mỹ) vào tháng 1/2025 xác nhận tòa nhà vận hành tiết kiệm năng lượng, các giải pháp về sử dụng vật liệu an toàn cho sức khỏe, môi trường sống làm việc đạt tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt trong năm 2025, Tòa nhà tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng điện năng trên toàn hệ thống, hướng tới nâng cao hiệu suất vận hành và giảm phát thải gián tiếp từ tiêu thụ năng lượng. Các giải pháp trọng tâm bao gồm:
 - Tiếp tục thay thế hệ thống chiếu sáng truyền thống bằng đèn LED tiết kiệm điện nhằm tối ưu việc sử dụng năng lượng.
 - Lắp đặt thiết bị đo lường và hệ thống giám sát điện năng theo từng khu vực, giúp theo dõi, phân tích và kiểm soát chặt chẽ mức tiêu thụ điện.

- Duy trì thực hiện quy định tắt thiết bị điện khi không sử dụng, kết hợp với dán nhãn, biển nhắc nhở tại các khu vực công cộng và văn phòng làm việc để thúc đẩy thay đổi hành vi.
- Bảo trì – bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị điện, nhằm đảm bảo vận hành ổn định, nâng cao hiệu suất và kéo dài vòng đời thiết bị.
- Tối ưu sử dụng ánh sáng và thông gió tự nhiên trong giờ làm việc, giảm sự phụ thuộc vào hệ thống chiếu sáng và điều hòa.

Với thiết kế hướng tới tối ưu hóa năng lượng tiêu thụ, kết hợp những giải pháp đồng bộ như trên, lượng tiêu thụ điện năng của Vietcombank năm 2025 tại tòa nhà số 5 Công trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, TP HCM duy trì ở mức tương đương các năm trước mặc dù đã vận hành 10 năm.

Số liệu tiêu thụ điện năng năm 2025 của Vietcombank⁶:

Hạng mục	Đơn vị	2023	2024	2025	Biến động 2025 so với 2024	
					Số tuyệt đối	Tỷ lệ
Số kwh điện sử dụng/đơn vị doanh thu	kwh/triệu VND	0,820	0,866	0,724	-0,14	-16,39%

Trong năm 2025, cường độ tiêu thụ điện trên mỗi đơn vị doanh thu đạt 0,724 kWh/triệu VND, giảm 0,14 kWh/triệu VND (–16,39%) so với năm 2024. Kết quả này phản ánh những nỗ lực đồng bộ của Ngân hàng trong việc tối ưu hóa hiệu quả sử dụng năng lượng trên toàn hệ thống, bao gồm cải tiến vận hành hệ thống điều hòa và chiếu sáng tại trụ sở và các chi nhánh,

tăng cường ứng dụng công nghệ quản lý tòa nhà, tối ưu hóa trung tâm dữ liệu, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số nhằm giảm phụ thuộc vào hạ tầng vật lý truyền thống. Việc giảm đáng kể cường độ điện năng trên doanh thu cho thấy Vietcombank đã từng bước tách rời tăng trưởng kinh doanh khỏi gia tăng tiêu thụ năng lượng – một mục tiêu quan trọng trong quản trị phát triển bền vững.

6: Số liệu đã được hiệu chỉnh bổ sung thêm thuế GTGT vào đơn giá tiền điện và số liệu không bao gồm công ty con, công ty liên danh liên kết.



Khuyến khích cán bộ nhân viên nâng cao nhận thức và tham gia các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường

Triển khai Kế hoạch số 192/KH-TLĐ ngày 24/02/2025 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về tổ chức các hoạt động Tháng Công nhân năm 2025, Công đoàn Vietcombank gắn việc thực hiện các phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Giỏi việc Ngân hàng, đảm việc nhà” với phát động Chương trình bảo vệ môi trường Vietcombank năm 2025, đẩy mạnh phong trào “Xanh – Sạch – Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”. Các hoạt động được thực hiện theo hướng thiết thực, hiệu quả, thúc đẩy ý thức trách nhiệm của đoàn viên trong gìn giữ môi trường làm việc xanh hơn, an toàn hơn; đồng thời khuyến khích các sáng kiến, giải pháp cải thiện điều kiện lao động gắn với bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng hình ảnh Vietcombank phát triển bền vững và văn minh.

Với những kết quả nổi bật trong tổ chức phong trào thi đua xây dựng môi trường làm việc xanh, an toàn và thân thiện, nhiều tập thể và cá nhân thuộc các cấp Công đoàn Vietcombank đã được các cấp Công đoàn ghi nhận, biểu dương. Trong năm 2025, Công đoàn Ngân hàng Việt Nam đã trao tặng Bằng khen chuyên đề “Xanh – Sạch – Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” cho 04 Công đoàn cơ sở và 06 cá nhân có thành tích xuất sắc. Bên cạnh đó, Công đoàn Vietcombank đã khen thưởng 07 tập thể và 89 cá nhân bằng Giấy khen chuyên đề nhằm động viên kịp thời các điển hình tiên tiến trong phong trào. Những phần thưởng này góp phần lan tỏa tinh thần trách nhiệm, khuyến khích đoàn viên, người lao động tiếp tục tham gia các hoạt động cải thiện điều kiện làm việc, xây dựng môi trường làm việc văn minh, an toàn và phát triển bền vững trong toàn hệ thống...



Tiêu chuẩn về xã hội

Tổng số lao động 23.457 nhân viên

Thu nhập bình quân của cán bộ (lương, phụ cấp):

519,8 triệu đồng/nhân sự/năm

Tương đương

43,3 triệu đồng/nhân sự/tháng (tăng 14,5% so với năm 2024)

Liên quan tới người lao động

Thống kê về tổng số lao động và thu nhập bình quân của nhân sự trong năm 2025 của Ngân hàng.

- Tổng số lao động: 23.457 nhân viên (Theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng).
- Thu nhập bình quân của cán bộ (lương, phụ cấp): 519,8 triệu đồng/nhân sự/năm, tương đương 43,3 triệu đồng/nhân sự/tháng (tăng 14,5% so với năm 2024) (Theo Báo cáo Tài chính hợp nhất của Ngân hàng).
- Tiền lương của người lao động Vietcombank đảm bảo cao hơn mức lương tối thiểu theo quy định của nhà nước.
- Tiền lương chi trả cho Người lao động gắn với yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, chất lượng, khối lượng công việc hoàn thành, tương xứng với giá trị đóng góp của mỗi người. Theo đó, tiền lương của người lao động bao gồm: tiền lương cố định được xác định theo ngạch, bậc phù hợp với vị trí công việc chuyên môn đảm nhận và tiền lương hiệu quả được xác định theo kết quả thực hiện công việc của đơn vị và cá nhân người lao động. Ngoài ra, Vietcombank áp dụng cơ chế lương chuyên gia, cơ chế lương đặc thù với mức tiền lương và chế độ đãi ngộ cạnh tranh nhằm thu hút những lao động trình độ cao, đặc biệt giỏi, khan hiếm trên thị trường.
- Vietcombank không sử dụng lao động mùa vụ.

Một số thống kê khác về nhân sự trong năm 2025 theo Báo cáo tài chính riêng lẻ của Ngân hàng

Về cơ cấu lao động:

- Cơ cấu theo giới tính: 60% nhân sự là nữ, 40% là nam.
- Cơ cấu theo cấp bậc: 19% cán bộ thuộc nhóm lãnh đạo quản lý, trong khi 81% là chuyên viên. Trong đó, tỷ lệ nữ trong đội ngũ lãnh đạo chiếm 54%, thể hiện nỗ lực thúc đẩy vai trò nữ giới trong cấp quản lý và xây dựng môi trường phát triển công bằng.
- Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi: 27% nhân sự trong độ tuổi 22 – 30; 43% nhân sự trong độ tuổi 31 – 40; 25% nhân sự trong độ tuổi 41 – 50; 5% nhân sự trong độ tuổi 51 – 60. Độ tuổi lao động bình quân tại Vietcombank năm 2025 là 36,0 tuổi, cho thấy ngân hàng sở hữu đội ngũ nhân sự trẻ, năng động nhưng cũng có sự cân bằng với những nhân sự giàu kinh nghiệm.
- Cơ cấu nhân sự theo khu vực địa lý: 32,2% nhân sự thuộc khu vực Hà Nội, 20,9% nhân sự thuộc khu vực TP. Hồ Chí Minh, 3,7% nhân sự thuộc khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc, 11,3% nhân sự thuộc khu vực Đồng bằng Sông Hồng, 10,3% nhân sự thuộc khu vực Bắc và Trung Trung Bộ, 7,9% nhân sự thuộc khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, 3,9% nhân sự thuộc khu vực Đông Nam Bộ, 9,7% nhân sự thuộc khu vực Tây Nam Bộ (theo thông tin mạng lưới tại Vietcombank).

Những số liệu trên phản ánh chính sách nhân sự bền vững, đảm bảo sự đa dạng về giới tính, độ tuổi và khu vực làm việc, đồng thời duy trì môi trường lao động ổn định, công bằng và có lộ trình phát triển rõ ràng.

Cam kết tuân thủ quy định pháp luật về lao động

Vietcombank thực hiện chính sách nhân sự minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo tất cả nhân sự được tuyển dụng và sử dụng theo quy trình quản lý nhân sự chặt chẽ. Cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống đã được bố trí, sắp xếp công việc phù hợp với trình độ và năng lực, đảm bảo người lao động được làm việc và ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định pháp luật. Nội dung hợp đồng lao động thể hiện đầy đủ quyền lợi và trách nhiệm của người lao động theo vị trí, chức danh công việc đảm nhiệm. Việc sử dụng lao động tại các đơn vị được kiểm soát chặt chẽ, theo đúng kế hoạch lao động được giao.

Ngân hàng không có trường hợp nào thuộc diện lao động cưỡng bức hoặc bị ép buộc làm việc dưới bất kỳ hình thức nào, không có lao động nào không tự nguyện hoặc bị ràng buộc về mặt pháp lý trái với quy định của pháp luật.

Công tác tuyển dụng minh bạch, chuyên nghiệp

Trong năm 2025, toàn hệ thống đã triển khai 05 đợt tuyển dụng cho Chi nhánh và hơn 40 lần tuyển dụng tập trung và riêng lẻ cho các đơn vị TSC với số lượng tuyển dụng được là 1.541 người (bao gồm cả cán bộ và nhân viên hỗ trợ kinh doanh) cho toàn hệ thống Vietcombank.

Vietcombank không ngừng đổi mới, kiện toàn chính sách tuyển dụng để nâng cao hiệu quả, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên thị trường nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh của Ngân hàng. Công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được triển khai một cách công khai, minh bạch nhằm tạo sự bình đẳng cho tất cả đối tượng lao động.

Trong điều kiện thị trường tuyển dụng ngày càng cạnh tranh khốc liệt, uy tín thương hiệu của Vietcombank là một lợi thế trong công tác tuyển dụng. Ngân hàng đã nâng cấp và hoàn thiện hệ thống phần mềm nộp hồ sơ và thi tuyển trực tuyến tập trung tại Trụ sở chính – ứng viên có thể nộp hồ sơ trực tuyến và nhận các thông báo tuyển dụng từ hệ thống, nâng cao tính chuyên nghiệp, đảm bảo kết quả công khai, tiết giảm chi phí, tăng trải nghiệm của ứng viên đối với thương hiệu tuyển dụng Vietcombank.

Bên cạnh đó, để có được nguồn nhân sự đầu vào chất lượng, Vietcombank có các chính sách tuyển dụng linh hoạt, hiệu quả, có cơ chế tuyển dụng riêng, đặc thù đối với ứng viên có kinh nghiệm, chuyên gia, lao động có trình độ cao và sinh viên xuất sắc nhằm thu hút được nguồn ứng viên giỏi có kiến thức, trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng nhu cầu quản trị vận hành và làm chủ các hệ thống công nghệ hiện đại.

Công tác tuyển dụng lao động cho chi nhánh được tổ chức liên tục hàng tháng, phương thức tuyển dụng được cải tiến thông qua việc sử dụng hệ thống phần mềm tuyển dụng trực tuyến tập trung tại TSC. Đối với các đơn vị tại TSC, triển khai tuyển dụng liên tục khi phát sinh nhu cầu lao động theo phương thức linh hoạt, may đo, phù hợp với đặc thù của từng vị trí công việc và mỗi đơn vị. Các đợt tuyển dụng lao động cho các đơn vị tại TSC và Chi nhánh đã được tổ chức tốt, thu hút được nhiều nhân sự có chất lượng đáp ứng yêu cầu công việc. Bên cạnh các hình thức tuyển dụng truyền thống, Vietcombank cũng đã triển khai tuyển dụng cán bộ từ nguồn sinh viên xuất sắc của một số Trường Đại học uy tín và đã mang lại hiệu quả tích cực. Công tác tuyển dụng của Vietcombank những năm qua được thị trường đánh giá cao và đã thu hút được nguồn nhân sự có chất lượng, đáp ứng yêu cầu công việc và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Công tác tuyển dụng được triển khai một cách công khai, minh bạch nhằm tạo sự bình đẳng cho tất cả đối tượng lao động.

Trong điều kiện thị trường tuyển dụng ngày càng cạnh tranh khốc liệt, uy tín thương hiệu của Vietcombank là một lợi thế trong công tác tuyển dụng. Với những kết quả tích cực trong công tác tuyển dụng, 04 năm liên tiếp (2022 – 2025) Vietcombank được vinh danh dẫn đầu toàn diện trong các danh sách Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam (VBW10) ngành Ngân hàng, Top 50 nhà tuyển dụng được ưa thích nhất (MAE50) và Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (VBE500) (bảng xếp hạng do Báo Đầu tư và Viet Research phối hợp thực hiện). Đặc biệt, năm 2025 là năm thứ 10 liên tiếp (2016 – 2025) Vietcombank duy trì vị thế dẫn đầu trong bảng xếp hạng Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam (đứng thứ 1 ngành Ngân hàng và đứng thứ 2 thị trường Việt Nam và là ngân hàng duy nhất nằm trong top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam – Khối doanh nghiệp lớn), đồng thời cũng được vinh danh ở cả 2 hạng mục quan trọng là Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn với sinh viên Việt Nam và Doanh nghiệp tiêu biểu có nguồn nhân lực hạnh phúc theo công bố của Công ty Anphabe kết hợp với Công ty nghiên cứu thị trường Intage thực hiện.

Tỷ lệ nhân viên nhận được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp là

100%

Vietcombank đã triển khai Chương trình Học bổng

VCB Future Talent

Ươm mầm tài năng năm học 2024–2025

Chính sách toàn diện cho người lao động; chế độ đãi ngộ, phúc lợi cạnh tranh

Chính sách về tiền lương và chế độ đãi ngộ được Vietcombank thường xuyên rà soát, hoàn thiện để phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế, đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh trên thị trường. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động tại Vietcombank được thực hiện theo các quy định liên quan của pháp luật, quy định của NHNN và quy định nội bộ của Vietcombank. Phân phối thu nhập được thực hiện phù hợp theo vị trí và tính chất công việc, trách nhiệm quản lý điều hành, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, không phân biệt giới tính; đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với thị trường lao động nhằm tạo động lực nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, hiệu quả kinh doanh; thu hút và giữ chân người tài, lao động thực sự có năng lực, trình độ và gắn bó lâu dài với Vietcombank.

Vietcombank triển khai cơ chế đánh giá minh bạch, công bằng, tạo động lực cho người lao động. Hiệu quả công việc được đo lường đánh giá dựa trên các bộ chỉ tiêu đối với từng vị trí công việc đảm bảo đánh giá cả định tính và định lượng và ghi nhận toàn diện đóng góp của cán bộ, từ đó gắn với chế độ đãi ngộ, khen thưởng phù hợp, minh bạch. Tỷ lệ nhân viên nhận được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp là 100%⁷.

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên tại Vietcombank liên tục tăng trưởng qua các năm, luôn đứng trong top đầu ngành ngân hàng và đạt mức cao so với mặt bằng chung của thị trường. Thu nhập bình quân của cán bộ Vietcombank năm 2025 bao gồm tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... đạt 519,8 triệu đồng, tương đương 43,3 triệu đồng/tháng, tăng 14,5% so với năm 2024⁸.

Ngoài việc tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho người lao động, Vietcombank còn triển khai các gói phúc lợi cho người lao động với các hình thức phong phú và ngày càng được mở rộng, nâng cao như: Khám sức khỏe định kỳ hàng năm (bổ sung khám chuyên sâu và khám riêng đối với lao động nữ); Bảo hiểm sức khỏe hàng năm, bảo hiểm bệnh hiểm nghèo; Bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, chi hỗ trợ các trường hợp thai sản, ốm đau; chi cho lao động nữ; chi trợ cấp cán bộ nghỉ hưu; chi nghỉ mát, sinh nhật; quà tặng cho cán bộ nhân dịp lễ tết, quà tặng cho người cao tuổi đã công tác tại Vietcombank hoặc có con làm việc tại Vietcombank, khen thưởng cho con của người lao động có thành tích học tập tốt; chế độ nghỉ nhân dịp sinh nhật và chế độ “Happy day” đối với người lao động tạo điều kiện để người lao động cân bằng công việc và cuộc sống... Vietcombank nỗ lực cải thiện và nâng cao hơn nữa về thu nhập và các đãi ngộ vượt trội nhằm đảm bảo quyền lợi của người lao động và cạnh tranh với thị trường.

Về chế độ thai sản, Vietcombank xây dựng chế độ thai sản đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội, áp dụng cho toàn thể người lao động bao gồm: (i) cán bộ nữ nghỉ hưởng chế độ thai sản và (ii) cán bộ nam có vợ nghỉ sinh con. Trong thời gian nghỉ thai sản, cán bộ (i) vẫn được hưởng các chế độ phúc lợi theo quy định của nhà nước và Vietcombank; (ii) được đánh giá và xếp loại kết quả công việc theo thời gian làm việc thực tế; (iii) được hưởng hỗ trợ lương của Vietcombank trên cơ sở mức trợ cấp bảo hiểm xã hội chi trả. Ngoài ra, cán bộ nữ đi làm lại sau khi nghỉ thai sản tiếp tục được giảm số lượng giờ làm việc trong ngày cho đến khi con đủ 12 tháng tuổi, được trang bị phòng hút sữa tại nơi làm việc.

Vietcombank đã triển khai Chương trình Học bổng VCB Future Talent – Ươm mầm tài năng năm học 2024–2025, tổ chức Chương trình trao học bổng VCB Future Talent và Hội nghị biểu dương, khen thưởng Học sinh, sinh viên xuất sắc tiêu biểu năm 2025 với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi để con của cán bộ tiếp tục duy trì, phát huy thành tích học tập, xây dựng mối liên kết, gắn bó giữa Vietcombank và nguồn nhân tài tiềm năng cho hoạt động kinh doanh của Vietcombank trong tương lai.

Trong năm 2025, chính sách về phúc lợi và đãi ngộ với người lao động làm việc tại Vietcombank tiếp tục được rà soát và hoàn thiện, bao gồm: (i) Cơ chế hỗ trợ người lao động nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của pháp luật và người lao động tự nguyện nghỉ việc khi không đảm bảo sức khỏe và điều kiện công tác nhằm hỗ trợ người lao động lớn tuổi công tác tại Vietcombank lâu năm có nguyện vọng nghỉ việc; (ii) Bổ sung

quy định tạm ứng ngày nghỉ phép năm cho người lao động, tạo điều kiện tối đa cho người lao động chủ động đăng ký nghỉ phép, tái tạo sức lao động; (iii) Tăng 30% tiền lương vị trí công việc của người lao động giúp tăng mức tiền lương đóng Bảo hiểm xã hội, đảm bảo mức hưu trí khi người lao động nghỉ hưu, hưởng các chế độ theo luật Bảo hiểm xã hội, tăng tiền lương làm căn cứ để tính các chế độ cho người lao động như tiền làm thêm giờ, bồi thường tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp thai sản, ốm đau... góp phần thu hút và giữ chân nhân sự có chất lượng; (iv) Phê duyệt chủ trương triển khai Chương trình Hưu trí bổ sung tự nguyện cho người lao động trong Vietcombank (VCB FutureCare) nhằm mục tiêu bổ sung thu nhập cho người lao động khi đến tuổi về hưu dưới hình thức tài khoản hưu trí cá nhân, được đầu tư và tích lũy theo quy định của pháp luật.



7: Không bao gồm nhân sự tại các công ty con, công ty thành viên và công ty liên kết.
8: Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng năm 2025.

Đào tạo đa dạng, toàn diện cả chuyên môn và kỹ năng

Trong năm 2025, Vietcombank đã tổ chức

439 khóa đào tạo trực tiếp đạt 112,6% kế hoạch.

Tổng số lượt đào tạo trong năm 2025 đạt hơn

230.000 lượt tăng 38,3% so với năm 2024

Kết quả triển khai đào tạo

Trong năm 2025, Vietcombank đã tổ chức 439 khóa đào tạo trực tiếp, đạt 112,6% kế hoạch. Tổng số lượt đào tạo trong năm 2025 đạt hơn 230 nghìn lượt (tăng 38,3% so với năm 2024). Số giờ đào tạo trung bình trên một cán bộ năm 2025 là 48,96 giờ/năm, đạt 139,9% so với kế hoạch năm 2025 (Trong đó, số giờ đào tạo trung bình trên một cán bộ quản lý là 49,64 giờ/năm/người; số giờ đào tạo trung bình trên một cán bộ nhân viên là 48,79 giờ/năm/người).

Xây dựng lộ trình đào tạo bài bản, phù hợp theo đối tượng và vị trí công việc

Lộ trình đào tạo được xác định rõ ràng ngay từ khi nhân viên mới gia nhập Vietcombank và sẽ có điều chỉnh bổ sung phù hợp với từng giai đoạn để đáp ứng yêu cầu công việc và lộ trình phát triển nghề nghiệp, cụ thể thông qua các hoạt động như:

- Tiếp tục cập nhật và hoàn thiện Bản đồ đào tạo cho các vị trí công việc tại Chi nhánh, bảo đảm đào tạo gắn với yêu cầu năng lực và tiêu chuẩn chức danh. Trong năm 2025, Trường Đào tạo đã rà soát các chương trình theo hướng vận dụng

khung năng lực của Vietcombank và kết quả đánh giá năng lực toàn hệ thống để xác định năng lực cần chú trọng cải thiện, từ đó bổ sung các chương trình mới hoặc điều chỉnh khung nội dung của các chương trình hiện tại, áp dụng triển khai cho năm 2026.

- Triển khai các chương trình đào tạo cán bộ nguồn (Trụ sở chính và chi nhánh) nhằm trang bị cho cán bộ nhân viên các kiến thức nền tảng và kỹ năng cần thiết để sẵn sàng hội nhập và đảm nhiệm công việc. Các chương trình Đào tạo cán bộ nguồn là tiền đề giúp cho các chính sách phát triển đội ngũ tiềm năng kế cận của Vietcombank (HIPO – ELITE...) trong tương lai.
- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện các chương trình đào tạo theo chức danh, đồng thời nghiên cứu, phát triển các chương trình mới nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, Vietcombank chú trọng đào tạo nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo và chuyên môn cho đội ngũ lãnh đạo và chuyên gia, tiêu biểu như: các chương trình dành cho lãnh đạo cấp cao, đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo, coaching...

Nội dung đào tạo đa dạng, gắn với nhu cầu thực tiễn và chuyển đổi của Vietcombank

Công tác đào tạo của Vietcombank đa dạng, toàn diện, bao gồm cả đào tạo về kiến thức chuyên môn và đào tạo nâng cao kỹ năng của người lao động. Các chương trình đào tạo được xây dựng và thực hiện trên cơ sở bám sát chủ trương, định hướng của Ban lãnh đạo, bản đồ đào tạo và nhu cầu của các đơn vị/cá nhân. Nội dung đào tạo chú trọng tính ứng dụng, gắn với tình huống công việc và bài học kinh nghiệm trong hoạt động thực tế, trong đó tập trung vào các nhóm nội dung trọng tâm sau:

- Tăng cường đào tạo Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số: Triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu dành cho đội ngũ nòng cốt về Công nghệ thông tin và chuyển đổi số, dữ liệu: Thiết kế trải nghiệm người dùng (UX & Interaction Design), Xử lý ngôn ngữ tự nhiên với Deep Learning, Vận hành mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models), Vận hành hệ thống dữ liệu (Data Operation), Phát triển và vận hành phần mềm (DevOps)...; Đồng thời, chú trọng phát triển tư duy và kỹ năng số cho cán bộ, đặc biệt thông qua các khóa chuyên sâu về các vai trò trong mô hình Agile (Product Owner, Scrum Master, IT Agile), nhằm trang bị đầy đủ kiến thức cho lực lượng nòng cốt tham gia triển khai các dự án theo phương pháp Agile.

- Đào tạo phục vụ các dự án chuyển đổi của Vietcombank: Tổ chức các chương trình đào tạo, giới thiệu tính năng các công cụ mới hỗ trợ, quản lý công việc hoặc hướng dẫn triển khai các hệ thống mới tới cán bộ trên toàn hệ thống.
- Đẩy mạnh đào tạo thực hành gắn với nghiệp vụ trọng tâm: tổ chức các khóa đào tạo thực hành theo hình thức tập trung cho một số nghiệp vụ trọng tâm như thẩm định giá tài sản bảo đảm; xử lý tình huống trong giao dịch với khách hàng cá nhân dành cho chuyên viên dịch vụ khách hàng; nghiệp vụ tài trợ thương mại. Đồng thời, xây dựng ngân hàng tình huống về: kỹ năng quản lý dành cho cán bộ quản lý tại Chi nhánh; nghiệp vụ Tài trợ thương mại đảm bảo nội dung bám sát thực tiễn tại các đơn vị.

Không ngừng đổi mới hình thức triển khai và phương pháp đào tạo

Vietcombank tiếp tục đổi mới hình thức và phương pháp đào tạo theo hướng linh hoạt, hiện đại, nhằm tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả học tập cho cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống:

- Đa dạng hóa hình thức đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng tiếp cận của cán bộ nhân viên: Ngoài hình thức đào tạo tập trung, các hình thức đào tạo E-learning, trực tuyến qua cầu truyền hình hoặc các nền tảng MS Teams, Zoom... đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu đào tạo quy mô lớn, phổ rộng trên toàn hệ thống cho các nội dung đào tạo mang tính tuân thủ, sản phẩm, quy trình... Ngoài ra, các

lớp học cũng có thể kết hợp nhiều hình thức đào tạo nhằm tạo sự thuận tiện tối đa cho người học.

- Đẩy mạnh đào tạo E-learning: Hoàn thành chuyển đổi hệ thống đào tạo E-learning, giúp học viên học tập linh hoạt mọi lúc, mọi nơi trên nhiều thiết bị. Số lượt đào tạo qua E-learning tăng dần qua các năm: năm 2023 đạt 76.985 lượt, năm 2024 đạt 114.283 lượt, năm 2025 đạt 150.472 lượt, chiếm tỷ trọng lớn (hơn 60%) tổng số lượt. Đồng thời, danh mục bài giảng E-learning thuộc Trung tâm tri thức tiếp tục được mở rộng, đa dạng hóa tạo điều kiện để cán bộ nhân viên chủ động học tập theo nhu cầu.
- Đổi mới phương pháp đào tạo: Chú trọng phương pháp lấy người học làm trung tâm, tăng cường tương tác, thực hành và bài tập ứng dụng gắn với thực tiễn công việc. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý và triển khai đào tạo, góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp, tiết kiệm thời gian, chi phí và giúp các đơn vị chủ động hơn trong công tác bố trí nhân sự tham gia đào tạo.



Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp

An toàn lao động là yếu tố quan trọng đối với người lao động, do đó việc cam kết cung cấp một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh là điều rất quan trọng đối với Ngân hàng. Với mục tiêu xây dựng môi trường làm việc lành mạnh và an toàn, Vietcombank luôn nghiêm túc chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Người lao động được chăm sóc sức khỏe và làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động. Cụ thể:

- Triển khai khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động với các danh mục khám chuyên sâu, mở rộng tại các bệnh viện uy tín, chất lượng cao và các gói khám bổ sung khám chuyên sâu, gói khám riêng đối với lao động nữ.
- Thực hiện chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ nhằm hỗ trợ cho việc khám, điều trị bệnh cũng như được hưởng một số quyền lợi khác.
- Tổ chức phòng y tế/bộ phận y tế cho tất cả các nhân viên, đặc biệt bố trí phòng vật sữa cho các bà mẹ đang nuôi con nhỏ.

- Đo đạc quan trắc môi trường lao động hàng năm và thực hiện các điều chỉnh (nếu cần) để đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động.
- Đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy và thực hiện diễn tập phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

Người lao động làm việc tại các vị trí công việc liên quan đến nghiệp vụ kho quỹ được bảo đảm môi trường làm việc và hướng các chế độ đặc thù so với người lao động làm các công việc trong điều kiện bình thường khác như: tăng số ngày nghỉ phép năm, được hưởng các chế độ bồi dưỡng bằng tiền và hiện vật phù hợp với quy định pháp luật lao động và quy định của Vietcombank trong từng thời kỳ.

Năm 2025, Công đoàn Vietcombank tiếp tục quan tâm chăm lo hỗ trợ đoàn viên bị ốm đau, tai nạn, bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Toàn hệ thống Vietcombank chưa ghi nhận phát sinh bất kỳ tai nạn, sự cố nghiêm trọng liên quan đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp của người lao động cần hỗ trợ pháp lý từ các công đoàn cơ sở.

Môi trường làm việc minh bạch, được lắng nghe, ghi nhận và bình đẳng, công bằng

Vietcombank luôn đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng, không có sự phân biệt đối xử về giới tính trong tổ chức. Công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được triển khai một cách công khai, minh bạch nhằm tạo sự bình đẳng cho tất cả đối tượng lao động. Trong tất cả các chính sách liên quan đến tổ chức cán bộ và quản lý nhân sự, Vietcombank không có quy định đặc thù riêng đối với từng giới (trừ trường hợp pháp luật có quy định), các điều kiện, tiêu chuẩn về tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, chế độ tiền lương, phúc lợi đều được áp dụng thống nhất, đảm bảo sự bình đẳng giữa cán bộ nam và cán bộ nữ.

Vietcombank cam kết bảo vệ quyền lợi của người lao động thông qua các thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT), đảm bảo các điều kiện làm việc công bằng và minh bạch. Trong năm 2025, tỷ lệ nhân viên được bảo vệ bởi TULĐTT đạt 100%, phản ánh sự cam kết của ngân hàng trong việc đảm bảo các điều khoản lao động có lợi cho nhân viên.

Vietcombank thường xuyên tổ chức đối thoại giữa ban lãnh đạo và công đoàn để cập nhật và cải tiến các điều khoản trong TULĐTT, đảm bảo rằng:

- Mọi nhân viên có cơ hội tham gia vào quá trình thương lượng tập thể.
- Các điều khoản về lương thưởng, phúc lợi và môi trường làm việc luôn phù hợp với tiêu chuẩn ngành và kỳ vọng của người lao động.
- Sự minh bạch và công bằng trong thực thi các chính sách lao động được đảm bảo ở tất cả các chi nhánh và phòng giao dịch của ngân hàng.

Vietcombank đề cao giá trị minh bạch, công bằng và bình đẳng trong môi trường làm việc. Ngân hàng có các chính sách rõ ràng nhằm đảm bảo không có sự phân biệt đối xử và thúc đẩy sự đa dạng trong đội ngũ lao động.

Tại Vietcombank, các cán bộ nhân viên được làm việc trong một môi trường chuyên nghiệp, minh bạch, được tôn trọng, lắng nghe và ghi nhận. Hàng năm, Vietcombank đã thực hiện việc khảo sát mức độ hài lòng và gắn bó của cán bộ nhân viên (Employee Engagement Survey – EES). Theo kết quả khảo sát và đánh giá của Đơn vị tư vấn độc lập, mức điểm chỉ tiêu EES mà Vietcombank đạt được năm 2025 tiếp tục duy trì ở mức “Xuất sắc” trên thị trường.

Việc tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở giúp người lao động được biết, được bàn và quyết định, được tham gia ý kiến và được kiểm tra, giám sát những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Hàng năm, Vietcombank tổ chức Hội nghị Người lao động, đối thoại định kỳ, kí kết thỏa ước lao động tập thể.. đã tạo không gian thảo luận mở, khuyến khích ý kiến đóng góp, tăng cường sự gắn kết và kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của đoàn viên, người lao động. Công đoàn Vietcombank đã phát huy tốt vai trò chức năng, nhiệm vụ, phát động nhiều phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh doanh, tích cực gìn giữ và phát huy 5 giá trị văn hóa cơ bản Tin – Chuẩn – Mối – Bền – Nhân, đồng thời chủ động tham mưu, đề xuất nhiều cơ chế, chính sách nhằm tạo sự gắn kết, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động góp phần xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

Trong năm 2025, Công đoàn Vietcombank tiếp tục phát huy vai trò là tổ chức đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động; phối hợp chặt chẽ với chuyên môn các cấp trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. (+) Công đoàn Vietcombank chỉ đạo 138 công đoàn cơ sở trực thuộc (100%) phối hợp chuyên môn tổ chức Hội nghị người lao động đúng quy định, bảo đảm thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ ở cơ sở. (+) Tổ chức lấy ý kiến người lao động đối với đề xuất thông qua các văn bản có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tuân thủ quy định liên quan.



Môi trường làm việc minh bạch, được lắng nghe, ghi nhận và bình đẳng, công bằng (tiếp theo)

Công đoàn Vietcombank tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện, đồng hành cùng người lao động trong bối cảnh ngành ngân hàng duy trì tốc độ tăng trưởng nhưng còn tiềm ẩn áp lực về chi phí vốn và chuyển đổi số. Một số hoạt động điển hình như: (i) Phối hợp với Đoàn Thanh niên Vietcombank tổ chức Giải chạy “Vietcombank Run & Share 2025: Vạn trái tim, Một niềm tin” thu hút 18.399 đoàn viên tham gia, đóng góp bổ sung 11 tỷ đồng vào Quỹ “Vững Tương lai”; yỗ chức chương trình hiến máu “Vietcombank: Trao giọt hồng – Trao yêu thương” lần thứ 2 năm 2025 trên toàn hệ thống Vietcombank với sự tham gia của 2.560 tình nguyện viên hiến máu đến từ Trụ sở chính, Chi nhánh, Công ty trực thuộc Vietcombank. (ii) Tổ chức Chương trình trao học bổng Vietcombank Future Talent – Uơm mầm tài năng và vinh danh học sinh sinh viên xuất sắc tiêu biểu là con cán bộ nhân viên Vietcombank năm 2025 và giai đoạn 2022 – 2025; trợ cấp các cháu khuyết tật bẩm sinh. (iii) Tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ đoàn viên và người thân đoàn viên Vietcombank mắc bệnh hiểm nghèo, đoàn viên không may qua đời, đoàn viên người lao động bị ảnh hưởng bởi Bão lũ. (iv) Phối hợp với các đơn vị thực hiện các khoản chi phúc lợi hỗ trợ, động viên đoàn viên, người lao động nhân dịp Lễ, Tết, sinh

nhật; hỗ trợ kinh phí nghỉ mát; mua bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm bệnh hiểm nghèo, bảo hiểm tai nạn cho đoàn viên, người lao động. (v) Phát động và tổ chức đồng loạt Chương trình “Bữa cơm Công đoàn” trên toàn hệ thống nhằm tri ân, chăm lo đời sống người lao động nhân dịp kỷ niệm 96 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam và Đại hội Đảng bộ Vietcombank lần thứ V... (vi) Tổ chức Lễ khai trương tuyến xe nội bộ Vietcombank Green Bus, đây là một dấu mốc quan trọng trong hành trình hướng đến sự phát triển bền vững, vì cộng đồng của Vietcombank. Vietcombank Green Bus sẽ góp phần lan tỏa lối sống xanh, thân thiện với môi trường, giúp truyền tải thông điệp về một hình ảnh Vietcombank gần gũi với khách hàng và cộng đồng, một ngân hàng luôn tiên phong, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, chuyên nghiệp, tận tâm và đầy tính nhân văn. (vii) Phát động toàn thể Đoàn viên Công đoàn, người lao động tham gia hoạt động đi bộ toàn quốc “Cùng Việt Nam tiến bước – 1 tỷ bước chân tiến vào kỷ nguyên mới”. Kết quả: toàn hệ thống Vietcombank đã lan tỏa 8.000 suất học bổng “Cùng em tiến bước” với giá trị trên 8 tỷ đồng đã được trao tặng đúng ngày khai giảng năm học mới tại 34 tỉnh thành trên cả nước...



Đứng thứ 1 trong
Top 500
Nhà tuyển dụng hàng đầu
Việt Nam 2025 (VBE500)

Top 10
Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam
2025 trong các ngành kinh tế
trọng điểm (VBW10)

Top 50
Nhà tuyển dụng ưa thích nhất
năm 2025 (MAE50)

Ngoài ra, Vietcombank đã ban hành, triển khai một số cơ chế chính sách về tiền lương và chế độ đãi ngộ người lao động nhằm gia tăng quyền lợi cho người lao động, giúp giữ chân nhân tài và tạo động lực cho người lao động như: triển khai áp dụng cơ chế tạm ứng ngày phép năm cho người lao động; phê duyệt phương án triển khai Chương trình Hưu trí bổ sung tự nguyện (Vietcombank FutureCare) dành cho người lao động trong hệ thống Vietcombank, chính sách hỗ trợ đối với người lao động tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi/tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động hoặc thuộc diện áp dụng của Quy chế sắp xếp lại lao động trong hệ thống Vietcombank...

Năm 2025, Vietcombank tiếp tục khẳng định vị thế là ngân hàng có môi trường làm việc hấp dẫn nhất khi lần thứ 10 liên tiếp được bình chọn là Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam (đứng thứ 1 ngành Ngân hàng và đứng thứ 2 trong Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam – Khối doanh nghiệp lớn), được vinh danh ở cả 2 hạng mục quan trọng

là Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn với sinh viên Việt Nam và Doanh nghiệp tiêu biểu có nguồn nhân lực hạnh phúc theo công bố của Công ty Anphabe kết hợp với Công ty nghiên cứu thị trường Intage thực hiện; đứng thứ 1 trong Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2025 (VBE500), Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2025 trong các ngành kinh tế trọng điểm (VBW10) và Top 50 Nhà tuyển dụng ưa thích nhất năm 2025 (MAE50) theo công bố của Báo Đầu tư kết hợp cùng Công ty CP Nghiên cứu Kinh doanh Việt Nam (Viet Research). Vietcombank liên tiếp được vinh danh “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động” theo Chương trình do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và VCCI phối hợp tổ chức. Năm 2025, lần thứ 2 liên tiếp Vietcombank được nhận giải thưởng Nơi làm việc tốt nhất Châu Á do Tạp chí HR Asia tổ chức, đồng thời cũng nhận được 4/4 hạng mục giải đặc biệt gồm: “Diversity, Equity and Inclusion (DEI) Awards”; “Most Caring Company Awards”; “Sustainable Workplace Awards” và “Tech Empowerment Awards”...

Liên quan tới nhân quyền

Không phân biệt đối xử, sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, ép buộc

Vietcombank cam kết tuân thủ các nguyên tắc quốc tế về nhân quyền, đảm bảo đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng, không có sự phân biệt đối xử về dân tộc, tôn giáo, giới tính trong tổ chức. Quy chế tuyển dụng lao động trong hệ thống Vietcombank quy định chỉ tuyển người có đủ năng lực dân sự (không sử dụng lao động trẻ em/chưa thành niên). Ngoài ra Bản mô tả công việc cho các vị trí công việc của nhân viên/cán bộ Vietcombank yêu cầu tối thiểu phải tốt nghiệp THPT trở lên. Người lao động làm việc tại Vietcombank đều được giao kết hợp đồng lao động (HĐLĐ) theo đúng loại, đúng thời hạn và được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật trên cơ sở sự thỏa thuận giữa 2 bên Người lao động và Người sử dụng lao động, theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác... Vietcombank ban hành bộ mẫu HĐLĐ áp dụng toàn hệ thống, đảm bảo tính thống nhất, công bằng cho tất cả người lao động tham gia giao kết HĐLĐ với Vietcombank. Các chính sách của Vietcombank đảm bảo sự bình đẳng, không phân biệt đối xử đối với người lao động.

Vietcombank luôn đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng, không có sự phân biệt đối xử về dân tộc, tôn giáo, giới tính trong tổ chức. Được thành lập từ tháng 05/2005, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ Vietcombank đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho Ban Lãnh đạo trong việc đưa yếu tố giới vào công tác quản trị, điều hành; lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng, thực hiện các văn bản chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển của Vietcombank. Đến ngày 31/12/2025, Vietcombank có 129 Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp cơ sở.

Đặc biệt, Vietcombank đã chú trọng đến công tác quy hoạch và bố trí cán bộ quản lý nữ. Nguồn cán bộ nữ tại Vietcombank chiếm khoảng 60% số lượng nhân sự toàn hệ thống, trong đó tại Trụ sở chính có tới 55% cán bộ nữ được quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn năm 2021–2026, tương đương 457 người. Điều này cho thấy, sự bình đẳng giới và sự quan tâm của Ban Lãnh đạo trong việc sử dụng lao động nữ trong toàn hệ thống Vietcombank.



Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội



Với định hướng xuyên suốt “Lấy khách hàng làm trung tâm” cùng mục tiêu trở thành “Ngân hàng Việt Nam được ưa chuộng nhất”, Vietcombank đã và đang vận hành hệ thống khảo sát mức độ hài lòng khách hàng một cách hiện đại, chuyên nghiệp, có chiều sâu, và giàu tính kế thừa. Các chương trình khảo sát định kỳ và chuyên sâu được duy trì tần suất ổn định và liên tục mở rộng phạm vi bao phủ trên toàn bộ hành trình, giúp Vietcombank nắm bắt kịp thời cảm nhận và kỳ vọng của Khách hàng tại các điểm chạm trọng yếu, tạo lập nền tảng dữ liệu tin cậy về mức độ hài lòng, lòng trung thành cũng như các yếu tố dẫn dắt hành vi gắn kết của Khách hàng.

Năm 2025, Vietcombank đã thực hiện 34 chương trình khảo sát định kỳ, 12 chương trình khảo sát chuyên sâu và nhận được sự tham gia tích cực của Khách hàng với gần 1 triệu lượt phản hồi. 94% Khách hàng đánh giá hài lòng, rất hài lòng và 76% Khách hàng cho biết sẵn lòng giới thiệu sản phẩm/dịch vụ của Vietcombank đến bạn bè hoặc người thân. Các ý kiến của Khách hàng được Vietcombank lắng nghe, phân tích thấu đáo và ứng xử kịp thời nhằm không ngừng nâng cao hơn nữa trải nghiệm khách hàng, cải thiện chất lượng phục vụ Khách hàng và cải tiến sản phẩm dịch vụ.

Viecombank luôn không ngừng nâng cao mức độ tin cậy, tối ưu hoá thang đo, logic bảng hỏi để khai thác sâu hơn các khía cạnh của trải nghiệm khách hàng, tích hợp các chỉ số so sánh theo đối chuẩn để đánh giá khách quan chất lượng dịch vụ và nhận diện rõ vị thế cạnh tranh trên thị trường. Theo kết quả nghiên cứu thị trường độc lập do Decision Lab (YouGov) công bố về mức độ hài lòng khách hàng (CSAT) năm 2025, Vietcombank xếp vị trí thứ 1 với mức điểm đạt 87,6%, điều này tiếp tục khẳng định hiệu quả của chiến lược quản trị trải nghiệm dựa trên dữ liệu và cải tiến liên tục, góp phần củng cố niềm tin và sự gắn kết bền vững của khách hàng.

Bên cạnh đó, tiếp nối và phát huy truyền thống là một ngân hàng Xanh – Vì cộng đồng, trong năm 2025, VCB đã cam kết triển khai các chương trình an sinh xã hội với tổng ngân sách ~651,7 tỷ đồng. Trong đó ngân sách cam kết chi cho:

- Hoạt động an sinh xã hội và thiện nguyện chiếm ~30% tổng ngân sách cam kết;
- Hoạt động y tế, giáo dục, đầu tư phát triển cộng đồng chiếm ~48% tổng ngân sách cam kết;
- Hoạt động khác chiếm ~22% tổng ngân sách cam kết.

Một số hoạt động tiêu biểu như hỗ trợ Chương trình “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát” tại Tây Nam Bộ và Kon Tum; Xây dựng cầu nông thôn phòng chống thiên tai tại Bến Tre; Xây dựng nhà tình nghĩa và nhà Đại đoàn kết tại Thanh Hóa; Ủng hộ chương trình xóa nhà tạm của Ngành Ngân hàng; Hỗ trợ xây dựng nhà cho người nghèo và nhà Đại đoàn kết tại đảo Trường Sa lớn; Ủng hộ các tỉnh chịu ảnh hưởng nặng của bão số 9, 10, 11...

CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI

Năm 2025, Vietcombank cam kết dành

~651,7 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội.

Với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, Vietcombank đã triển khai nhiều chương trình thiết thực, ý nghĩa với quy mô lớn, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Trong năm 2025, Vietcombank cam kết dành ~651,7 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội, trong đó số tiền thực tế đã giải ngân là ~461,8 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2021 – 2025, số tiền dành cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank là hơn 2.386,0 tỷ đồng. Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương trên cả nước suốt thời gian qua.

Đối với lĩnh vực giáo dục

Năm 2025, Vietcombank tài trợ

91,4 tỷ đồng

cho các chương trình an sinh xã hội trong lĩnh vực giáo dục.

Năm 2025, Vietcombank tài trợ 91,4 tỷ đồng cho các chương trình an sinh xã hội trong lĩnh vực giáo dục. Nguồn kinh phí được tập trung hỗ trợ xây dựng mới và nâng cấp cơ sở vật chất tại nhiều trường học, đặc biệt là tại các địa bàn còn khó khăn. Các hạng mục tài trợ gồm trang thiết bị dạy và học, thư viện, phòng học chức năng, sân thể thao, bể nước sạch, nhà để xe và các hạng mục thiết yếu khác, góp phần cải thiện điều kiện giáo dục và nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập. Cùng với đó, Vietcombank chú trọng các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm, ngân hàng triển khai chương trình

tặng cặp phao cứu sinh cho học sinh vùng lũ, vùng sông nước; tặng xe đạp cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, tạo điều kiện để các em đến trường an toàn và thuận lợi hơn.

Ngoài ra, Vietcombank dành hàng chục tỷ đồng mỗi năm để trao học bổng cho học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc hoặc nỗ lực vượt khó. Hoạt động được thực hiện thông qua các quỹ học bổng, quỹ khuyến học tại địa phương và các chương trình gây quỹ khuyến học trên phạm vi toàn quốc, thể hiện sự quan tâm sâu sắc và trách nhiệm của Vietcombank đối với sự nghiệp phát triển giáo dục.



Đối với lĩnh vực y tế

Năm 2025, Vietcombank dành 105,6 tỷ đồng cho các chương trình an sinh xã hội trong lĩnh vực y tế. Nguồn lực này được tập trung hỗ trợ xây dựng, cải tạo bệnh viện, trạm y tế và trang bị các thiết bị thiết yếu phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại nhiều địa phương, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Bên cạnh các hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, Vietcombank đặc biệt quan tâm hỗ trợ trực tiếp đối với người bệnh có hoàn cảnh khó khăn. Ngân hàng triển khai các chương trình hỗ trợ chi phí phẫu thuật, thăm hỏi và động viên bệnh nhân, nhất là trẻ em nghèo, giúp giảm bớt gánh nặng kinh tế và tạo điều kiện để người bệnh tiếp cận dịch vụ y tế kịp thời. Các phong trào ủng hộ suất ăn cho bệnh nhân tại các bệnh viện địa phương cũng được các tổ chức đoàn thể trong hệ thống Vietcombank duy trì thường xuyên, thể hiện tinh thần sẻ chia và trách nhiệm với cộng đồng.

Ngoài các chương trình có quy mô lớn do Vietcombank phối hợp với chính quyền và các cơ quan chức năng thực hiện, đội ngũ cán bộ, người lao động Vietcombank luôn chủ động đóng góp vào nhiều hoạt động thiện nguyện ý nghĩa. Phong trào hiến máu tình nguyện thu hút sự tham gia nhiệt tình của đông đảo đoàn viên, thanh niên và cán bộ trong toàn hệ thống, góp phần bổ sung nguồn máu dự trữ phục vụ công tác cấp cứu và điều trị người bệnh.

Đối với công tác hỗ trợ người nghèo và xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết

Năm 2025, Vietcombank dành 176,0 tỷ đồng cho các chương trình an sinh xã hội hỗ trợ hộ nghèo và gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Nguồn kinh phí được sử dụng để xây dựng mới, sửa chữa nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết tại nhiều địa phương, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt, tạo nền tảng ổn định cho các hộ gia đình vươn lên phát triển kinh tế.

Bên cạnh hoạt động hỗ trợ về nhà ở, Vietcombank còn triển khai các chương trình trợ giúp trực tiếp cho người nghèo thông qua việc trao quà, hỗ trợ sinh kế và

các hình thức hỗ trợ thiết thực khác, đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời và hiệu quả. Các hoạt động này được phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể để bảo đảm phân bổ nguồn lực minh bạch, phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Thông qua những đóng góp thiết thực và bền vững, Vietcombank tiếp tục khẳng định trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, góp phần cùng Nhà nước và cộng đồng thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

động thiết thực này, Vietcombank tiếp tục khẳng định trách nhiệm xã hội và sự tri ân sâu sắc đối với những đóng góp to lớn của các gia đình chính sách, người có công đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Có thể nói với những đóng góp bền bỉ, đa dạng và thiết thực của Vietcombank và từng cán bộ, người lao động đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chung tay xây dựng một cộng đồng nhân ái, văn minh và phát triển.

Bảng thông tin số liệu về ASXH năm 2025 và giai đoạn 5 năm 2021 – 2025

Tổng số liệu ASXH:

TT	Nội dung	Năm (đ/v: tỷ đồng)	
		2025	Giai đoạn 5 năm (2021 – 2025)
1	Tổng số tiền tài trợ cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank	461,8	2.386,0

Các lĩnh vực:

TT	Mục đích tài trợ	Giá trị thực hiện năm 2025 (đ/v: tỷ đồng)
1	Tài trợ cho lĩnh vực giáo dục	91,4
2	Tài trợ cho lĩnh vực Y tế	105,6
3	Tài trợ cho người nghèo/xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết...	176,0
4	Tặng quà cho các bà mẹ VNAH, thân nhân liệt sỹ, các công tác cho người có công...	2,9
5	Tài trợ cho các lĩnh vực khác	85,9
	Tổng cộng	461,8

Một số chương trình/công trình an sinh xã hội tiêu biểu Vietcombank đã triển khai trong năm 2025:

TT	Tên chương trình	Số tiền (đ/v: tỷ đồng)
1	Hỗ trợ Chương trình “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát” tại Tây Nam Bộ và Kon Tum	42
2	Xây dựng cầu nông thôn phòng chống thiên tai tại Bến Tre	10
3	Xây dựng nhà tình nghĩa và nhà Đại đoàn kết tại Thanh Hóa	15
4	Ủng hộ chương trình xóa nhà tạm của Ngành Ngân hàng	12,2
5	Tài trợ 60 tỷ đồng cho Bệnh viện Chợ Rẫy TP. Hồ Chí Minh	60
6	Tài trợ xây dựng Trường THCS Tân Bình và Trường Mầm non Thanh Tùng tại Hải Dương	10
7	Đầu tư cải tạo Bệnh xá Đảo Sơn Ca trên quần đảo Trường Sa	12,4
8	Hỗ trợ xây dựng nhà cho người nghèo và nhà Đại đoàn kết tại đảo Trường Sa lớn	5,5
9	Ủng hộ các tỉnh chịu ảnh hưởng nặng của bão số 9, 10, 11	12,5

BỀN VỮNG
VÌ TƯƠNG LAI

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH

6

Thông tin về Ngân hàng	146
Báo cáo của Ban Điều hành	148
Báo cáo kiểm toán độc lập	149
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	150
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	153
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	154
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	156



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Thành lập và Hoạt động

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN"), Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012, Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017, Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019, Quyết định số 2447/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 11 năm 2019, Quyết định số 346/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 3 năm 2022, Quyết định số 700/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 4 năm 2022, Quyết định số 1788/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 9 năm 2023, Quyết định số 1016/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 5 năm 2024, Quyết định 85/QĐ-TTGSNH1 ngày 21 tháng 2 năm 2025, Quyết định số 1937/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 4 năm 2025, Quyết định số 2274/QĐ-QLGS2 ngày 3 tháng 9 năm 2025, Quyết định số 3188/QĐ-QLGS2 ngày 18 tháng 11 năm 2025 và Quyết định số 10/QĐ-QLGS2 ngày 12 tháng 2 năm 2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung giấy phép về nội dung hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất		
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2024
Ông Lê Quang Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 3 năm 2025
Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
Ông Hồng Quang	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023
Ông Shojiro Mizoguchi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Ông Kohei Matsuoka	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Bà Hoàng Thanh Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Ông Vũ Viết Ngoạn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023

Ban Điều hành trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất		
Ông Lê Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 3 năm 2025
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Khối Dữ liệu	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 12 năm 2022 Bổ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2025 Miễn nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2026
Ông Đặng Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Hoàng Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023
Ông Hồ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2025
Ông Shojiro Mizoguchi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Ông Hồng Quang	Giám đốc Khối Nhân sự	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 11 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Giám đốc Khối Pháp chế và Tuân thủ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2023
Bà Đoàn Hồng Nhung	Giám đốc Khối Bán lẻ	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2023
Ông Trần Thanh Nam	Giám đốc Khối Dữ liệu Giám đốc Trí tuệ nhân tạo	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2026

Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất		
Bà Đinh Thị Thái	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024
Bà Trần Mỹ Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
Bà Trương Thị Diệu Quế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024
Ông Trịnh Ngọc An	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Sỹ Mạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025

Kế toán Trưởng	
Bà La Thị Hồng Minh	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2023

Đại diện theo pháp luật		
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2024

Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính <i>(theo Giấy Ủy quyền số 112/UQ-VCB -CSTCKT ngày 23 tháng 1 năm 2025)</i>	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2025 Ông Lê Hoàng Tùng Chức danh: Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	198 Trần Quang Khải Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Đơn vị kiểm toán	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và cũng đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Công bố của Ban Điều hành Ngân hàng

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành Ngân hàng:



Ông Lê Hoàng Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 82, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



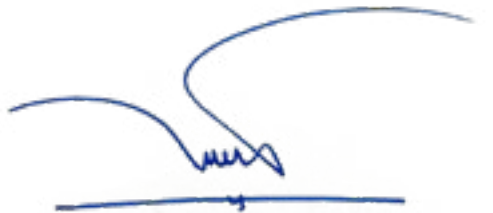
Đặng Phương Hà

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Văn Trung

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	15.542.769	14.268.064
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	5	37.445.504	49.340.493
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	522.474.362	389.951.898
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		515.588.640	384.031.890
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		6.885.722	6.920.008
3	Dự phòng rủi ro		-	(1.000.000)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	11.832.577	4.876.237
1	Chứng khoán kinh doanh		11.900.000	4.908.527
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(67.423)	(32.290)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	374.918	1.314.434
VI	Cho vay khách hàng		1.648.549.996	1.418.015.724
1	Cho vay khách hàng	9	1.673.525.675	1.449.198.899
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(24.975.679)	(31.183.175)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	162.104.164	167.383.349
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		143.080.817	86.799.901
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		22.384.962	80.829.540
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(3.361.615)	(246.092)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn		2.260.727	2.228.098
2	Vốn góp liên doanh	12(a)	734.296	763.736
3	Đầu tư vào công ty liên kết	12(b)	12.342	10.440
4	Đầu tư dài hạn khác	12(c)	1.589.089	1.528.922
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12(d)	(75.000)	(75.000)
X	Tài sản cố định		8.163.312	8.092.877
1	Tài sản cố định hữu hình	13	5.618.793	5.530.579
a	Nguyên giá tài sản cố định		16.271.880	15.808.302
b	Khấu hao tài sản cố định		(10.653.087)	(10.277.723)
3	Tài sản cố định vô hình	14	2.544.519	2.562.298
a	Nguyên giá tài sản cố định		5.284.812	5.072.735
b	Hao mòn tài sản cố định		(2.740.293)	(2.510.437)

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
XII	Tài sản Có khác		33.530.837	30.402.348
1	Các khoản phải thu	15(a)	17.577.148	14.040.294
2	Các khoản lãi, phí phải thu	15(b)	10.007.221	8.868.303
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	15(c)	13.072	991.748
4	Tài sản Có khác	15(d)	5.951.102	6.516.040
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	15(d)	(17.706)	(14.037)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		2.442.279.166	2.085.873.522
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	16	160.128.325	78.237.337
1	Tiền gửi và vay Chính phủ và NHNN		160.128.325	78.237.337
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	321.158.102	234.533.958
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		305.902.847	223.171.381
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		15.255.255	11.362.577
III	Tiền gửi của khách hàng	18	1.672.534.846	1.514.664.850
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	-	529
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	27.101.221	24.125.059
VII	Các khoản nợ khác		36.797.946	38.102.621
1	Các khoản lãi, phí phải trả	21(a)	15.457.974	13.990.276
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21(b)	21.339.972	24.112.345
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		2.217.720.440	1.889.664.354
VIII	Vốn chủ sở hữu	22		
1	Vốn của tổ chức tín dụng		89.361.977	61.696.139
a	Vốn điều lệ		83.556.751	55.890.913
c	Thặng dư vốn cổ phần		4.995.389	4.995.389
g	Vốn khác		809.837	809.837
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		48.221.262	37.052.974
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(918.676)	(968.292)
5	Lợi nhuận chưa phân phối		87.822.642	98.332.086
a	Lợi nhuận để lại năm trước		66.848.572	74.498.539
b	Lợi nhuận để lại năm nay		20.974.070	23.833.547
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		71.521	96.261
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	22(a)	224.558.726	196.209.168
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.442.279.166	2.085.873.522

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT				
1	Bảo lãnh vay vốn		5.884.776	286.899
2	Cam kết giao dịch hối đoái		214.549.855	345.715.424
	Cam kết mua ngoại tệ		5.273.045	2.420.843
	Cam kết bán ngoại tệ		5.264.724	2.429.276
	Cam kết giao dịch hoán đổi		204.012.086	340.865.305
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		59.885.411	49.750.002
5	Bảo lãnh khác		93.208.941	58.052.470
6	Các cam kết khác		32.319.442	34.816.276
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	45	2.106.463	2.788.354
8	Nợ khó đòi đã xử lý	46	83.546.262	74.144.216
9	Tài sản và chứng từ khác	47	682.580.395	534.590.122

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà La Thị Hồng Minh

Người duyệt:

Ông Lê Hoàng Tùng

Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	105.216.484	93.654.841
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(46.445.074)	(38.249.106)
I	Thu nhập lãi thuần		58.771.410	55.405.735
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		11.854.532	13.143.005
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(8.384.665)	(8.006.444)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	3.469.867	5.136.561
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	6.165.112	5.291.751
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	171.160	62.123
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	3.616	3.444
5	Thu nhập từ hoạt động khác		5.269.108	4.468.806
6	Chi phí hoạt động khác		(1.677.513)	(2.097.103)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	29	3.591.595	2.371.703
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	281.862	307.179
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		72.454.622	68.578.496
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	31	(25.242.799)	(23.027.363)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		47.211.823	45.551.133
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	(3.192.186)	(3.314.998)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		44.019.637	42.236.135
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33(a)	(7.842.997)	(8.526.496)
8	(Chi phí)/Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33(b)	(978.700)	143.478
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.821.697)	(8.383.018)
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ		35.197.940	33.853.117
XIV	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(20.277)	(21.731)
XV	Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng		35.177.663	33.831.386
XVI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34(c)	3.854	3.727

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà La Thị Hồng Minh

Người duyệt:

Ông Lê Hoàng Tùng

Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	104.376.654	93.772.270
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(44.982.264)	(43.790.244)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	3.413.845	3.523.997
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	5.074.170	4.094.518
05	Chi phí khác	(340.404)	(1.390.558)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	3.916.056	3.751.009
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(23.796.457)	(20.922.713)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(9.241.965)	(8.854.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động		38.419.635	30.183.878
(Tăng)/giảm về tài sản hoạt động			
09	Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(9.827.563)	18.021.934
10	Các khoản về kinh doanh chứng khoán	(4.827.811)	(24.134.346)
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	939.516	(1.314.434)
12	Các khoản cho vay khách hàng	(224.326.776)	(178.839.881)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản cho vay	(7.287.783)	(5.358.023)
14	Tài sản hoạt động khác	(2.952.444)	496.225
Tăng/(giảm) về nợ hoạt động			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	81.890.988	76.566.500
16	Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	86.624.144	20.694.977
17	Các khoản tiền gửi của khách hàng	157.869.996	118.967.239
18	Các khoản phát hành giấy tờ có giá	2.976.037	4.212.146
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(529)	164
20	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(117.752)
21	Công nợ hoạt động khác	(641.807)	2.620.930
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(2.625.052)	(2.876.726)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	116.230.551	59.122.831

STT	Chi tiêu	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(1.453.488)	(1.480.121)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	17.231	12.504
03	Tiền chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(1.288)	(1.252)
04	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(60.167)	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	747
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	118.576	160.709
II	Lưu chuyển tiền thuần cho hoạt động đầu tư	(1.379.136)	(1.307.413)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(3.776.798)	(19.963)
III	Lưu chuyển tiền thuần cho hoạt động tài chính	(3.776.798)	(19.963)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	111.074.617	57.795.455
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	430.614.185	372.818.730
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm (Thuyết minh 35)	541.688.802	430.614.185

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương



Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Bà La Thị Hồng Minh



Kế toán Trưởng

Ông Lê Hoàng Tùng



Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc kèm với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) được chuyển đổi từ một ngân hàng thương mại Nhà nước theo phương án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm và Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2008, cấp đổi lần thứ 17 ngày 2 tháng 1 năm 2024.

Các hoạt động chính của Ngân hàng theo Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012, Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017, Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019, Quyết định số 2447/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 11 năm 2019, Quyết định số 346/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 3 năm 2022, Quyết định số 700/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 4 năm 2022, Quyết định số 1788/QĐ/NHNN ngày 19 tháng 9 năm 2023, Quyết định số 1016/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 5 năm 2024, Quyết định 85/QĐ-TTGSNH1 ngày 21 tháng 2 năm 2025, Quyết định số 1937/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 4 năm 2025, Quyết định số 2274/QĐ-QLGS2 ngày 3 tháng 9 năm 2025, Quyết định số 3188/QĐ-QLGS2 ngày 18 tháng 11 năm 2025 và Quyết định số 10/QĐ-QLGS2 ngày 12 tháng 2 năm 2026 của NHNNVN sửa đổi, bổ sung Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN về nội dung hoạt động của Ngân hàng bao gồm kinh doanh vàng miếng; huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu, và một số hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất và phái sinh giá cả hàng hóa theo quy định của pháp luật; hoạt động mua nợ; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNNVN quy định.

(b) Vốn điều lệ

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN do NHNNVN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.100.860.260.000 đồng. Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 4 năm 2025 của NHNNVN sửa đổi nội dung về vốn điều lệ quy định tại Điều 2 Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN của Ngân hàng, vốn điều lệ của Ngân hàng là 83.556.750.940.000 đồng. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

	31/12/2025		31/12/2024	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Số cổ phần của Nhà nước	6.250.338.579	74,80%	4.180.828.481	74,80%
Số cổ phần của cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	1.253.366.534	15,00%	838.372.264	15,00%
Số cổ phần của các chủ sở hữu khác	851.969.981	10,20%	569.890.517	10,20%
	8.355.675.094	100%	5.589.091.262	100%

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(c) Địa điểm và hệ thống chi nhánh

Ngân hàng có Trụ sở chính đặt tại số 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực Vietcombank, hai (2) Trung tâm xử lý tiền mặt, một trăm hai mươi tám (128) chi nhánh trên toàn quốc, năm (5) công ty con tại Việt Nam, ba (3) công ty con tại nước ngoài, hai (2) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Mỹ, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

(d) Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 của NHNNVN	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002 được điều chỉnh lần gần đây nhất theo Giấy phép số 89/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”)	Chứng khoán	100%
Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông (“VFC”)	Giấy phép hoạt động số 58327 ngày 10 tháng 2 năm 1978 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp	Dịch vụ tài chính	100%
Công ty TNHH Một thành viên Kiểu hối Vietcombank	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 ngày 20 tháng 9 năm 2017 và sửa đổi lần gần nhất ngày 15 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp	Chuyển tiền kiểu hối	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	Giấy phép hoạt động số 88/BOL ngày 25 tháng 5 năm 2018 do Ngân hàng Trung ương Lào cấp	Ngân hàng	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009-6 do Chính quyền Bang Nevada, Hoa Kỳ cấp ngày 15 tháng 6 năm 2009	Chuyển tiền	87,5%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30 tháng 5 năm 1996 và sửa đổi lần gần đây nhất ngày 1 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp	Cho thuê văn phòng	70%
Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Ngoại thương Công nghệ số (*)	Giấy phép thành lập số 0047/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 12 năm 1993	Ngân hàng	100%

(*) Ngày 17 tháng 10 năm 2024, NHNNVN đã công bố Quyết định số 2299/QĐ-NHNN về việc chuyển giao bắt buộc (“CGBB”) Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Xây dựng Việt Nam do Nhà nước sở hữu 100% vốn cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) theo Phương án được Chính phủ phê duyệt. Sau CGBB, Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Xây dựng Việt Nam tiếp tục hoạt động dưới hình thức ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ; được thực hiện các hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại theo quy định và là pháp nhân độc lập. Sau khi nhận CGBB, theo Luật các Tổ chức tín dụng, Ngân hàng có quyền:

- Không phải hợp nhất báo cáo tài chính của Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Xây dựng Việt Nam;
- Được loại trừ Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Xây dựng Việt Nam khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất;

Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Xây dựng Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngoại thương Công nghệ số căn cứ theo Quyết định số 30/QĐ-TTGSNH1 ngày 17 tháng 1 năm 2025 thay thế Quyết định số 250/QĐ-NHNN ngày 5 tháng 3 năm 2015.

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là “Vietcombank”.

(d) Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank-Bonday-Benthanh	Giấy phép đầu tư lần đầu số 2458/GP ngày 7 tháng 2 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gần nhất số 9803297175 ngày 3 tháng 12 năm 2018 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	52%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005 và Giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026	Quản lý quỹ đầu tư	51%

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Công ty liên kết	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank-Bonday	Giấy phép số 283/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 283/GPĐC4 ngày 4 tháng 3 năm 2002	Cho thuê văn phòng	16%

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Vietcombank có 23.457 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 24.306 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Vietcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ngân hàng có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh 1(d). Ngân hàng lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96”) và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Cũng theo quy định tại Thông tư 96 và các văn bản sửa đổi bổ sung, Ngân hàng cũng đã lập báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (“Báo cáo tài chính riêng”) được phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2026.

(b) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Vietcombank bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Vietcombank sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, ngoại trừ:

Nghị định số 135/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước (“Nghị định 135”)

Các thay đổi chủ yếu của Nghị định 135 có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Ngân hàng, bao gồm quy định tỷ lệ phân phối lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và quỹ đầu tư phát triển. Theo đó, tỷ lệ trích lập như sau:

	Căn cứ trích lập	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích lập các khoản quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 26, Nghị định 135	25% vốn điều lệ
Quỹ đầu tư phát triển	Tối đa 25% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích lập các khoản quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 26, Nghị định 135	100% vốn điều lệ

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2025.

(d) Thay đổi chính sách kế toán (tiếp theo)

Nghị định số 156/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ (“Nghị định 156”)

Nghị định 156 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55/2015/NĐ-CP về cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng khó khăn do nguyên nhân khách quan trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025.

(e) Các giao dịch ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo tỷ giá giao ngay tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp hợp nhất cho các công ty con và theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho các công ty liên doanh và liên kết có đồng tiền hạch toán khác với VND, các tài sản, công nợ và vốn của các công ty này được chuyển đổi sang VND theo các tỷ giá giao ngay áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân áp dụng trong kỳ kế toán. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá giao ngay áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo tài chính được ghi nhận trên phần vốn chủ sở hữu trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

(f) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

(i) Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ, giao dịch và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của các công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

(f) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) Công ty liên kết và công ty liên doanh

Công ty liên kết là công ty mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát đối với các chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty liên doanh là công ty mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

Ngân hàng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Ngân hàng hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên kết và liên doanh từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các doanh nghiệp này và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Ngân hàng trong khoản lỗ của các công ty liên kết và liên doanh lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, Ngân hàng không tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Ngân hàng có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết và liên doanh. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết và liên doanh cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(g) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác đảo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi hoặc cho vay, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đảo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

(h) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác là tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách Xã hội theo quy định của Thống đốc NHNNVN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách Xã hội) tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn) tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài có kỳ hạn tối đa ba tháng. Tiền gửi không kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện như sau:

Ngân hàng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN (“Thông tư 31”) quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Nghị định số 86/2024/NĐ-CP (“Nghị định 86”) quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoải. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo thuyết minh được trình bày tại Thuyết minh 2(i).

(h) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (tiếp theo)

Theo Nghị định 86, Ngân hàng không trích lập dự phòng chung đối với các khoản sau:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng tại nước ngoài;
- Khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;
- Khoản mua chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước;
- Khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán
- Các khoản nợ khác phát sinh từ hoạt động quy định tại Khoản 2, Điều 3, Nghị định 86 giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

(i) Cho vay khách hàng

(i) *Dư nợ cho vay khách hàng*

Cho vay khách hàng được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo.

Đối với nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng do Ngân hàng phát hành, căn cứ theo quy định tại Thông tư số 21/2024/TT-NHNN (“Thông tư 21”), khi ngân hàng hoàn trả thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng, ngân hàng ghi nợ đối với khách hàng khi nhận được thông báo của ngân hàng hoàn trả và phải tính số dư nợ này vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với khách hàng.

Dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

(ii) *Phân loại nợ*

Ngân hàng thực hiện phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo Thông tư 31.

Theo Thông tư 31, Ngân hàng tiếp tục thực hiện phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính theo văn bản chấp thuận của NHNNVN và thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1, Điều 11, Thông tư 31. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1, Điều 11, Thông tư 31 khác nhau thì khoản nợ được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

Đồng thời, Ngân hàng sử dụng kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Phân loại nợ đối với khách hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ do gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3:

(i) Cho vay khách hàng (tiếp theo)

Ngân hàng áp dụng Thông tư 53/2024/TT-NHNN ngày 04/12/2024 của NHNNVN quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3 (“Thông tư 53”). Theo đó, Ngân hàng xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc, lãi của khoản nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Ngân hàng và đáp ứng các quy định sau đây:

- Khách hàng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa (sau đây gọi là 26 tỉnh, thành phố) gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, bao gồm: a) Khách hàng là cá nhân có nơi ở hiện tại hoặc đang làm việc hoặc có cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc có hoạt động đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh trên địa bàn 26 tỉnh, thành phố; b) Khách hàng là tổ chức (trừ khách hàng là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc có hoạt động đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh trên địa bàn 26 tỉnh, thành phố;

- Có số dư nợ gốc phát sinh trước ngày 7/9/2024 và từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính.

- Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong khoảng thời gian từ ngày 7/9/2024 đến hết ngày 31/12/2025;

- Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, trả nợ đã thỏa thuận. Ngân hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ của khoản nợ đã quá hạn trên 10 (mười) ngày và quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 7/9/2024 đến hết ngày 16/12/2024 khi thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu tiên theo quy định tại Thông tư này;

- Khách hàng được đánh giá là gặp khó khăn không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc, lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận do bị ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 và có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại;

- Ngân hàng không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật;

- Việc xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện từ ngày Thông tư 53 có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2025 và không giới hạn về số lần cơ cấu lại thời hạn trả nợ;

- Thời điểm trả nợ cuối cùng của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ được xác định phù hợp với mức độ khó khăn của khách hàng nhưng không vượt quá ngày 31/12/2027.

(iii) *Dự phòng rủi ro cụ thể*

Ngân hàng thực hiện mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoả theo Nghị định 86.

Theo quy định của Nghị định 86, dự phòng rủi ro cụ thể phải trích đối với khách hàng được xác định dựa trên tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng/quý/đợt xuất trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Dự phòng rủi ro cụ thể được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể sau đây đối với số dư nợ gốc sau khi trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm:

(i) Cho vay khách hàng (tiếp theo)

Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể	
Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

Đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3, Ngân hàng thực hiện việc phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tuân thủ theo Quyết định số 1510/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 4/12/2024 (Quyết định 1510). Theo đó, đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng xác định và ghi nhận 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng có dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 (nếu không áp dụng quy định cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Thông tư 53 và Quyết định 1510).

(iv) Dự phòng rủi ro chung

Theo quy định tại Nghị định 86, Ngân hàng trích lập một khoản dự phòng rủi ro chung bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ được phân loại từ nợ Nhóm 1 đến nợ Nhóm 4.

(v) Xử lý nợ xấu

Theo Nghị định 86, Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nợ Nhóm 5 theo Thông tư 31.

(j) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro và dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập dựa trên quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp (“Thông tư 48”) và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48 (“Thông tư 24”).

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM và chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành tuân thủ theo Nghị định 86.

Dự phòng chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

(j) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(ii) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Vietcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Vietcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán khi có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Vietcombank và Vietcombank không phải là cổ đông sáng lập hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được. Vietcombank có ý định và có khả năng nắm giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Dự phòng chứng khoán đầu tư

Theo Nghị định 86, Vietcombank thực hiện phân loại nợ nhưng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với khoản mua chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu TCTD và khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ; thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh số 2(i) với các chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết. Đối với các khoản chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác, dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập nếu giá trị thị trường của chứng khoán bị giảm xuống thấp hơn giá gốc. Đối với các khoản chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác, dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Vietcombank khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Theo quy định tại Thông tư 24, Vietcombank dừng trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương từ năm tài chính 2022.

(j) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(iii) *Góp vốn, đầu tư dài hạn*

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Vietcombank có dưới 11% quyền biểu quyết và Vietcombank là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành nhưng Vietcombank không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập nếu tổ chức kinh tế (“TCKT”) trong nước mà Vietcombank đang sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Vietcombank theo quy định của Thông tư 48. Theo đó, mức trích dự phòng cho khoản đầu tư là chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở TCKT nhận vốn góp và vốn chủ sở hữu thực có của TCKT nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Ngân hàng tại TCKT nhận vốn góp. Đối với khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết hoặc giá thị trường của khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá thị trường của chứng khoán.

(k) Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

(l) Tài sản cố định hữu hình

(i) *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến tại địa điểm đặt tài sản.

Theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 (“Thông tư 45”), tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng từ một (1) năm trở lên;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(l) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm

(m) Tài sản cố định vô hình

(i) *Quyền sử dụng đất*

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm (5) năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất;
- Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật Đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo thời gian thuê đất;
- Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong năm tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không được trích khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Vietcombank.

(ii) *Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác*

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình này được khấu hao trong vòng 3 – 4 năm theo phương pháp đường thẳng.

(n) Tài sản Có khác

Ngoại trừ các khoản phải thu về doanh thu mà không thu được như trình bày tại Thuyết minh 2(u)(iv), đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Vietcombank thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 48 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Theo đó, các tài sản Có này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được đối với các tài sản Có chưa đến hạn thanh toán nhưng Vietcombank thu thập được các bằng chứng xác định TCKT đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Vietcombank yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Vietcombank khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Vietcombank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(i).

(o) Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc.

(p) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

(q) Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá được ghi nhận theo giá gốc và các khoản phân bổ phụ trội hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(r) Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Vietcombank từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Vietcombank phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của người lao động trong sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc của người đó.

(s) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận là khoản mục nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được Vietcombank sử dụng theo mục đích quy định tại Nghị định 135.

(t) Vốn và các quỹ

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(iv) Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng, Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank (“VCBL”) dựa trên các tỷ lệ theo trình tự quy định tại Nghị định 135.

Phần lợi nhuận còn lại của Ngân hàng/VCBL sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo thứ tự như sau:

- Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo các giao dịch, hợp đồng đã ký kết (nếu có);
- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định;
- Trích 10% lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng/VCBL.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản nêu trên được phân phối theo thứ tự sau:

- Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; mức tối đa của quỹ này không vượt quá 25% mức vốn điều lệ của Ngân hàng/VCBL;
- Trích tối đa 25% vào quỹ đầu tư phát triển; mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng/VCBL;
- Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định nêu trên, Ngân hàng/VCBL thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu.

(v) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Khoản mục này bao gồm các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của các công ty con ở nước ngoài sang VND cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

(u) Doanh thu và chi phí

(i) Thu nhập lãi và chi phí lãi

Vietcombank ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi của dư nợ được phân loại vào Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn được trình bày tại Thuyết minh 2(i). Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước và lãi chưa thu phát sinh từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Vietcombank thực thu lãi.

Chi phí lãi được ghi nhận theo phương pháp dự chi.

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập cổ tức bằng tiền mặt

Các khoản thu nhập từ hoạt động dịch vụ được hạch toán theo phương pháp dự thu.

Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Vietcombank được xác lập.

(iii) Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu

Theo Thông tư 200, các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu của các công ty cổ phần không được ghi nhận là một khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Vietcombank nắm giữ.

(iv) Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 1 năm 2024, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Vietcombank hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán năm hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán năm và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Vietcombank sẽ hạch toán vào thu nhập từ hoạt động khác.

(v) Thuê tài sản

(i) Đi thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(ii) Cho thuê

Vietcombank ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản "Cho vay khách hàng" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản dư nợ gốc cho vay khách hàng và thu nhập từ các khoản mục này được ghi nhận là các khoản "Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự". Vietcombank phân bổ thu nhập từ cho thuê tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê và số dư thuần cho thuê tài chính. Việc phân loại nợ cho các khoản cho thuê tài chính được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 31 từ ngày 1 tháng 7 năm 2024 và Điều 10 của Thông tư 11 đến trước ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Vietcombank ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh.

(w) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế TNDN được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(x) Các bên liên quan

Các bên liên quan của Vietcombank bao gồm các trường hợp sau đây:

- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc TCTD mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng;
- Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng;
- Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng; và
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Ngân hàng.

Chính phủ Việt Nam, thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cổ đông của Ngân hàng. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, một số tổ chức thuộc Chính phủ Việt Nam, bao gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được coi là các bên liên quan của Vietcombank.

(y) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Vietcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được lập theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được lập theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(z) Các khoản mục ngoại bảng

(i) Các hợp đồng ngoại hối

Vietcombank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Vietcombank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(iii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Vietcombank có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Vietcombank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 31, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay khách hàng cho mục đích quản lý (Thuyết minh 2(i)).

(aa) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Vietcombank có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Vietcombank dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

(bb) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Vietcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong kỳ chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Vietcombank sẽ thực hiện điều chỉnh hồi tố cho kỳ báo cáo hiện tại và kỳ báo cáo so sánh được trình bày số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

3. Trình bày công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC

Trong quá trình hoạt động, Vietcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- Tiền;
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước;
- Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác;
- Cho vay khách hàng;
- Chứng khoán kinh doanh;
- Chứng khoán đầu tư;
- Góp vốn, đầu tư dài hạn;
- Các tài sản phải sinh; và
- Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước;
- Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác;
- Tiền gửi của khách hàng;
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro;
- Phát hành giấy tờ có giá;
- Các khoản nợ phải trả phải sinh; và
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

(a) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Chỉ riêng cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, Vietcombank đã phân loại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”). Tài sản tài chính được phân loại thành:

- Tài sản tài chính kinh doanh;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu; và
- Tài sản sẵn sàng để bán.

Nợ phải trả tài chính được phân loại thành:

- Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh; và
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(b) Ghi nhận

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Vietcombank tham gia vào quan hệ hợp đồng về việc cung cấp công cụ tài chính có liên quan. Vietcombank ghi nhận tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày Vietcombank ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kể toán theo ngày giao dịch).

(c) Dừng ghi nhận

Vietcombank dừng ghi nhận tài sản tài chính khi và chỉ khi quyền nhận được các luồng tiền từ tài sản tài chính chấm dứt hoặc Vietcombank đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính. Nợ phải trả tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi khoản nợ đã được thanh toán (nghĩa vụ nợ đã được thực hiện, hủy bỏ hoặc hết hạn).

(d) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210, Vietcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 43(b).

Việc trình bày giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ cho mục đích trình bày tại Thuyết minh 43(b). Các công cụ tài chính của Vietcombank vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày ở các thuyết minh trên. Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi có một thị trường hoạt động, Vietcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Trong trường hợp không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thị trường hoạt động được xem là không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

4. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	12.274.515	11.252.846
Tiền mặt bằng ngoại tệ	3.267.710	3.012.708
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	544	489
Vàng tiền tệ	-	2.021
	15.542.769	14.268.064

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (i)	37.212.251	49.081.534
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	233.253	258.959
	37.445.504	49.340.493

(i) Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm số dư dự trữ bắt buộc (“DTBB”) và số dư tiền gửi thanh toán vượt DTBB.

Số dư bình quân tài khoản thanh toán của Ngân hàng tại NHNNVN không thấp hơn tiền dự trữ bắt buộc trong kỳ. Dự trữ bắt buộc trong kỳ duy trì dự trữ bắt buộc được tính bằng cách lấy tỷ lệ dự trữ bắt buộc quy định đối với Ngân hàng theo từng loại tiền gửi trong kỳ duy trì dự trữ bắt buộc nhân với số dư bình quân tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng trong kỳ xác định dự trữ bắt buộc tương ứng theo từng loại tiền gửi.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm theo quy định của NHNNVN như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2025	31/12/2024
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD ở nước ngoài	1%	1%

Lãi suất của tài khoản tiền gửi thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2025	31/12/2024
Trong DTBB bằng VND	0,5%/năm	0,5%/năm
Trong DTBB bằng USD	0%/năm	0%/năm
Vượt DTBB bằng VND	0%/năm	0%/năm
Vượt DTBB bằng USD	0%/năm	0%/năm

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm số dư tiền gửi vốn pháp định bằng Kíp Lào ("LAK"), số dư DTBB và số dư tiền gửi thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2025	31/12/2024
Tiền gửi bằng LAK	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác	11%	11%

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	151.960.460	84.390.320
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	99.414.101	65.548.391
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	170.402.161	170.326.448
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	93.811.918	63.766.731
	515.588.640	384.031.890
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Cho vay bằng VND	6.885.722	4.195.398
Cho vay bằng ngoại tệ	-	2.724.610
	6.885.722	6.920.008
Dự phòng rủi ro	-	(1.000.000)
	522.474.362	389.951.898

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	242.832.835	215.425.135
Nợ có khả năng mất vốn	-	1.000.000
	242.832.835	216.425.135

Biến động trong năm của dự phòng rủi ro tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác như sau:

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.000.000	5.675.925
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	(1.000.000)	(4.675.925)
Số dư cuối năm	-	1.000.000

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	690.379	697.292
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	10.552.647	3.689.302
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	373.333	-
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	75.631	97.847
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	208.010	424.086
	11.900.000	4.908.527
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(67.423)	(32.290)
	11.832.577	4.876.237

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Đã niêm yết	1.029.119	697.292
Chưa niêm yết	10.587.240	3.689.302
Chứng khoán vốn		
Đã niêm yết	242.924	481.217
Chưa niêm yết	40.717	40.716
	11.900.000	4.908.527

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Số dư đầu năm	32.290	15.987
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 27)	35.133	16.303
Số dư cuối năm	67.423	32.290

Phân tích chất lượng chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	10.394.707	3.689.302
Nợ nghi ngờ	192.533	-
	10.587.240	3.689.302

8. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị hợp đồng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp đồng	Giá trị ghi sổ
	Tài sản/(Công nợ)		Tài sản/(Công nợ)	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
Hợp đồng hoán đổi tiền tệ	204.012.086	384.075	340.865.305	1.328.364
Hợp đồng kỳ hạn tiền tệ	(199.035)	(9.157)	(16.245.514)	(13.930)
	203.813.051	374.918	324.619.791	1.314.434

9. Cho vay khách hàng

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	1.661.183.258	1.436.710.181
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	2.906.099	2.831.604
Cho thuê tài chính	8.014.204	7.073.712
Các khoản trả thay khách hàng	167.617	1.770.654
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	1.254.497	812.748
	1.673.525.675	1.449.198.899

Phân tích dư nợ theo chất lượng nợ cho vay như sau:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.661.151.484	1.431.299.668
Nợ cần chú ý	2.704.636	3.935.217
Nợ dưới tiêu chuẩn	760.561	2.153.039
Nợ nghi ngờ	222.632	1.518.558
Nợ có khả năng mất vốn	8.686.362	10.292.417
	1.673.525.675	1.449.198.899

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay như sau:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	981.706.312	915.576.792
Nợ trung hạn	81.371.777	59.453.709
Nợ dài hạn	610.447.586	474.168.398
	1.673.525.675	1.449.198.899

Phân tích dư nợ theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Doanh nghiệp nhà nước	84.533.142	96.605.199
Công ty trách nhiệm hữu hạn	258.823.487	227.041.340
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	176.071.597	147.778.524
Hợp tác xã và công ty tư nhân	937.036	1.371.552
Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	758.094.600	640.003.504
Khác	395.065.813	336.398.780
	1.673.525.675	1.449.198.899

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành như sau:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Sản xuất và gia công chế biến	361.087.402	340.501.488
Thương mại, dịch vụ	240.272.006	214.488.774
Xây dựng	155.288.015	90.512.980
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	55.723.547	65.344.169
Nông, lâm, thủy hải sản	44.473.164	42.722.982
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	52.107.105	42.626.109
Khai khoáng	25.496.853	26.027.625
Nhà hàng, khách sạn	17.327.360	16.356.618
Các ngành khác	721.750.223	610.618.154
	1.673.525.675	1.449.198.899

10. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Dự phòng chung	12.422.684	10.687.999
Dự phòng cụ thể	12.552.995	20.495.176
	24.975.679	31.183.175

Biến động trong năm của dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Số dư đầu năm	10.687.999	9.369.017
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	1.733.057	1.319.289
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.628	(307)
Số dư cuối năm	12.422.684	10.687.999

Biến động trong năm của dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Số dư đầu năm	20.495.176	19.312.790
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	(656.394)	6.537.702
Xử lý các khoản cho vay khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(7.287.783)	(5.358.023)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.996	2.707
Số dư cuối năm	12.552.995	20.495.176

11. Chứng khoán đầu tư

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (a)	143.080.817	86.799.901
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (b)	19.023.347	80.583.448
	162.104.164	167.383.349

(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Trái phiếu Chính phủ	60.984.052	38.999.507
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	77.174.749	44.048.000
Chứng khoán nợ nước ngoài	4.922.016	3.752.394
Tổng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	143.080.817	86.799.901

(b) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu Chính phủ	11.688.254	44.748.703
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.252.443	25.687.225
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	7.524.850	9.157.500
Chứng khoán nợ nước ngoài	1.919.415	1.236.112
	22.384.962	80.829.540
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	(3.361.615)	(246.092)
Tổng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	19.023.347	80.583.448

(i) Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	54.742	67.341
Dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	3.306.873	178.751
	3.361.615	246.092

Biến động trong năm của dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Số dư đầu năm	67.341	76.409
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	(12.599)	(9.068)
Số dư cuối năm	54.742	67.341

Biến động trong năm của dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Số dư đầu năm	178.751	35.751
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	3.128.122	143.000
Số dư cuối năm	3.306.873	178.751

(ii) Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	72.210.377	76.780.220
Nợ nghi ngờ	6.613.750	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	178.751
	78.824.127	76.958.971

12. Góp vốn, đầu tư dài hạn

(a) Vốn góp liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp %	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank-Bonday-Benthanh (i)	Cho thuê văn phòng	52,00%	410.365	564.109
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51,00%	135.150	170.187
			545.515	734.296

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp %	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank-Bonday-Benthanh (i)	Cho thuê văn phòng	52,00%	410.365	537.445
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51,00%	135.150	226.291
			545.515	763.736

(i) Ngân hàng sở hữu 52% vốn góp của Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank-Bonday-Benthanh và 51% vốn góp của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank. Điều lệ của các công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của các công ty này. Do đó, việc sở hữu quá 50% phần vốn góp của các công ty này không đồng nghĩa với việc Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với các công ty này. Do vậy, các khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại vào tài khoản “Vốn góp liên doanh” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty con”.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp %	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank-Bonday	Cho thuê văn phòng	16,00%	11.110	12.342
			11.110	12.342

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp %	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank-Bonday	Cho thuê văn phòng	16,00%	11.110	10.440
			11.110	10.440

Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc tham gia vào Hội đồng Thành viên nhưng không kiểm soát về các chính sách hoạt động và tài chính của công ty này. Do vậy, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư dài hạn khác”.

(c) Đầu tư dài hạn khác

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:</i>	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp %	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	4,51%	319.908
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	4,28%	802.269
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ, thanh toán	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	0,67%	308.937
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	0,00%	2.713
			1.589.089
			(75.000)
			1.514.089
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12(d))			

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:</i>	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp %	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	4,51%	319.908
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	4,28%	802.269
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ, thanh toán	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	0,67%	248.770
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	0,00%	2.713
			1.528.922
			(75.000)
			1.453.922
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12(d))			

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	75.000	75.000
	75.000	75.000

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Số dư đầu năm	75.000	142.425
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 31)	-	(67.425)
Số dư cuối năm	75.000	75.000

13. Tài sản cố định hữu hình

<i>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:</i>	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.269.432	5.635.149	1.708.562	2.195.159	15.808.302
Tăng trong năm	57.221	888.512	130.860	160.859	1.237.452
Mua mới	57.221	884.842	130.715	159.100	1.231.878
Tăng khác	-	3.670	145	1.759	5.574
Giảm trong năm	(9.041)	(672.703)	(52.417)	(39.713)	(773.874)
Thanh lý, nhượng bán	(5.492)	(672.703)	(52.365)	(36.188)	(766.748)
Giảm khác	(3.549)	-	(52)	(3.525)	(7.126)
Số dư cuối năm	6.317.612	5.850.958	1.787.005	2.316.305	16.271.880
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.504.861	4.794.216	1.079.892	1.898.754	10.277.723
Tăng trong năm	265.574	563.895	180.805	144.878	1.155.152
Khấu hao	265.574	546.379	180.660	141.841	1.134.454
Tăng khác	-	17.516	145	3.037	20.698
Giảm trong năm	(14.789)	(672.364)	(56.459)	(36.176)	(779.788)
Thanh lý, nhượng bán	(5.446)	(672.364)	(52.111)	(36.176)	(766.097)
Giảm khác	(9.343)	-	(4.348)	-	(13.691)
Số dư cuối năm	2.755.646	4.685.747	1.204.238	2.007.456	10.653.087
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	3.764.571	840.933	628.670	296.405	5.530.579
Số dư cuối năm	3.561.966	1.165.211	582.767	308.849	5.618.793

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 6.525.094 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 6.985.181 triệu VND).

14. Tài sản cố định vô hình

<i>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:</i>	Quyền sử dụng đất	Bản quyền và bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.504.834	2.479.388	88.513	5.072.735
Tăng trong năm	9.499	293.580	14	303.093
<i>Mua mới</i>	<i>9.499</i>	<i>212.111</i>	<i>-</i>	<i>221.610</i>
<i>Tặng khác</i>	<i>-</i>	<i>81.469</i>	<i>14</i>	<i>81.483</i>
Giảm trong năm	-	(18.032)	(72.984)	(91.016)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>(18.032)</i>	<i>-</i>	<i>(18.032)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(72.984)</i>	<i>(72.984)</i>
Số dư cuối năm	2.514.333	2.754.936	15.543	5.284.812
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	163.290	2.294.980	52.167	2.510.437
Tăng trong năm	84.360	213.245	5.595	303.200
<i>Khấu hao</i>	<i>84.360</i>	<i>161.302</i>	<i>5.582</i>	<i>251.244</i>
<i>Tặng khác</i>	<i>-</i>	<i>51.943</i>	<i>13</i>	<i>51.956</i>
Giảm trong năm	(33)	(21.461)	(51.850)	(73.344)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>-</i>	<i>(18.032)</i>	<i>-</i>	<i>(18.032)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>(33)</i>	<i>(3.429)</i>	<i>(51.850)</i>	<i>(55.312)</i>
Số dư cuối năm	247.617	2.486.764	5.912	2.740.293
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.341.544	184.408	36.346	2.562.298
Số dư cuối năm	2.266.716	268.172	9.631	2.544.519

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã được hao mòn hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 1.888.216 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.729.254 triệu VND).

15. Tài sản Có khác

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	2.095.502	1.019.327
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	15.481.646	13.020.967
	17.577.148	14.040.294

(i) Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định	4.955.332	978.017
Phải thu từ ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	276.917	386.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh 37)	492.462	490.936
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Thuyết minh 37)	100.407	31.827
Tạm ứng thuế khác (Thuyết minh 37)	2	2
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	410.794	339.472
Phải thu trong hoạt động mua bán miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng (**)	7.860.768	9.453.064
Các khoản phải thu khác	1.384.964	1.341.510
	15.481.646	13.020.967

(*) Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Xây dựng cơ bản dở dang	410.794	339.472
<i>Trong đó, những dự án lớn:</i>	<i>312.709</i>	<i>186.349</i>
Dự án trụ sở Chi nhánh Tân Định	71.381	46.347
Dự án trụ sở Chi nhánh Bình Dương	64.104	47.969
Dự án trụ sở Chi nhánh Đồng Bình Dương	60.527	38.037
Dự án trụ sở Chi nhánh Đồng Tháp	14.301	10.702
Dự án Trung tâm số hóa và kho lưu trữ Bắc Ninh	78.304	41.464
Dự án trụ sở Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.830	1.830
Dự án trụ sở chính tại KĐT Cầu Giấy	22.262	-

(**) Phân tích chất lượng các khoản phải thu trong hoạt động mua bán miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.588.195	398.026
	1.588.195	398.026

(b) Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Từ cho vay khách hàng	4.686.096	3.914.946
Từ tiền gửi và cho vay các TCTD khác	884.249	827.030
Từ các khoản chứng khoán đầu tư	3.858.648	3.786.511
Từ các giao dịch phái sinh	514.413	332.023
Phí phải thu	63.815	7.793
	10.007.221	8.868.303

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	13.072	991.748

(d) Tài sản Có khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Đặt cọc tiền thuê nhà, thuê tài sản cố định	829.246	897.829
Vật liệu	163.330	188.120
Tạm ứng thanh toán thẻ	1.808.814	1.607.952
Tiền thuê đất trả tiền trước một lần	830.140	852.773
Tài sản Có khác	2.319.572	2.969.366
	5.951.102	6.516.040
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(17.706)	(14.037)
	5.933.396	6.502.003

Biến động dự phòng rủi ro các Tài sản Có khác như sau:

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Số dư đầu năm	14.037	15.463
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 31)	3.669	(1426)
Số dư cuối năm	17.706	14.037

16. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước	24.127.159	587.278
Vay theo hồ sơ tín dụng	355.322	535.580
Vay cầm cố GTCG	23.748.932	-
Vay khác	22.905	51.698
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	136.001.166	77.650.059
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	490.536	412.215
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	885.630	572.844
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	134.625.000	76.665.000
	160.128.325	78.237.337

17. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi của các TCTD khác	305.902.847	223.171.381
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	158.798.909	91537.365
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	43.241.998	30.019.317
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	103.500.000	100.428.396
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	361.940	1.186.303
Vay các TCTD khác	15.255.255	11.362.577
Vay bằng VND	13.320.000	8.010.000
Vay bằng ngoại tệ	1.935.255	3.352.577
	321.158.102	234.533.958

18. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	563.957.715	529.738.285
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	432.070.265	431.258.868
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	131.887.450	98.479.417
Tiền gửi có kỳ hạn	1.080.116.563	958.430.398
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	967.967.469	870.516.356
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	112.149.094	87.914.042
Tiền gửi vốn chuyên dùng	20.093.867	13.310.172
Tiền gửi ký quỹ	8.366.701	13.185.995
	1.672.534.846	1.514.664.850

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Các tổ chức kinh tế	858.491.427	754.315.514
Cá nhân	814.043.419	760.349.336
	1.672.534.846	1.514.664.850

19. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	-	529

20. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi	17.596.115	14.520.115
Ngắn hạn bằng VND	17.096.000	14.520.000
Trung hạn bằng VND	115	115
Dài hạn bằng VND	500.000	-
Kỳ phiếu, trái phiếu	9.505.106	9.604.944
Ngắn hạn bằng VND	47	47
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	35	31
Trung hạn bằng VND	4.000.000	2.000.000
Trung, dài hạn bằng ngoại tệ	14	14
Dài hạn bằng VND	5.505.010	7.604.852
	27.101.221	24.125.059

21. Các khoản nợ khác

(a) Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Lãi tiền gửi của khách hàng	14.331.292	13.096.349
Lãi tiền gửi và vay các TCTD khác	206.501	178.298
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	414.860	462.331
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phải sinh	505.321	253.298
	15.457.974	13.990.276

(b) Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ (i)	5.618.852	5.675.129
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	10.489.441	13.618.090
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.231.679	4.819.126
	21.339.972	24.112.345

(i) Các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	4.878.293	4.838.567
Các khoản phải trả khác	740.559	836.562
	5.618.852	5.675.129

(ii) Các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Thuế phải trả (Thuyết minh 37)	3.276.247	4.619.307
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	2.962.310	4.358.313
Thuế giá trị gia tăng phải trả	70.112	68.761
Các thuế khác phải trả	243.825	192.233
Doanh thu nhận trước chờ phân bổ	111	256
Phải trả xây dựng và mua sắm tài sản cố định	1.348.055	720.305
Tiền giữ hộ chờ thanh toán	208.187	290.612
Các khoản khác phải trả khách hàng	2.395.491	3.347.207
Các khoản chờ thanh toán khác	189.645	1.921.496
Lãi hỗ trợ lãi suất thu hồi phải trả Nhà nước	64.528	64.528
Vay Bộ Tài chính	413.250	517.419
Phải trả khác	2.593.927	2.136.960
	10.489.441	13.618.090

22. Vốn chủ sở hữu

(a) Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Quỹ của tổ chức tín dụng						Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển					Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2025	55.890.913	4.995.389	809.837	14.092.273	21.603.058	1.357.643	37.052.974	(968.292)	98.332.086	96.261	196.209.168
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	35.177.663	20.277	35.197.940
Tạm trích các quỹ trong năm 2025 của Ngân hàng	-	-	-	3.450.667	-	7.764.001	11.214.668	-	(11.214.668)	-	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm 2025 của Ngân hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.974.260)	-	(2.974.260)
Trích quỹ của các công ty con	-	-	-	6.902	6.212	-	13.114	-	(14.665)	-	(1.551)
Điều chỉnh của Công ty con theo Nghị quyết	-	-	-	(548)	5.245	2.916	7.613	-	(65.107)	(731)	(58.225)
Điều chỉnh công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	(11.299)	-	(11.299)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.760.054)	(16.744)	(3.776.798)
Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn trong năm	27.665.838	-	-	-	-	-	-	-	(27.665.838)	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(607)	-	(607)	-	-	-	(607)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	49.616	-	958	50.574
Biến động khác	-	-	-	-	-	(66.500)	(66.500)	-	18.784	(28.500)	(76.216)
Số dư tại ngày 31/12/2025	83.556.751	4.995.389	809.837	17.549.294	21.613.908	9.058.060	48.221.262	(918.676)	87.822.642	71.521	224.558.726

(b) Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng

	31/12/2025		31/12/2024	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Cổ phiếu phổ thông				
Nhà nước	62.503.386	74,80%	41.808.285	74,80%
Cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	12.533.665	15,00%	8.383.723	15,00%
Các cổ đông khác	8.519.700	10,20%	5.698.905	10,20%
	83.556.751	100%	55.890.913	100%

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần theo giấy phép	8.355.675.094	83.556.751	5.589.091.262	55.890.913
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.355.675.094	83.556.751	5.589.091.262	55.890.913
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.355.675.094	83.556.751	5.589.091.262	55.890.913
Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND.				

23. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng	86.623.782	78.644.966
Thu nhập từ lãi tiền gửi	9.559.609	6.259.170
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ:	7.175.219	6.779.504
<i>từ chứng khoán đầu tư</i>	6.906.057	6.645.173
<i>từ chứng khoán kinh doanh</i>	269.162	134.331
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	547.426	508.012
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	629.012	448.407
Thu khác từ hoạt động tín dụng	681.436	1.014.782
	105.216.484	93.654.841

24. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	44.117.305	36.034.158
Chi phí lãi tiền vay	1.008.149	795.798
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	1.159.929	1.346.846
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	159.691	72.304
	46.445.074	38.249.106

25. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu từ dịch vụ thanh toán	7.662.079	7.484.538
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	60.780	52.334
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	42.761	13.983
Thu từ dịch vụ khác	4.088.912	5.592.150
	11.854.532	13.143.005
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Chi cho dịch vụ thanh toán	(5.942.823)	(6.155.303)
Chi cho dịch vụ ngân quỹ	(137.360)	(141.478)
Chi cho dịch vụ viễn thông	(185.917)	(184.262)
Chi cho nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(314)	(21.910)
Chi cho dịch vụ khác	(2.118.251)	(1.503.491)
	(8.384.665)	(8.006.444)
	3.469.867	5.136.561

26. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	7.252.990	6.858.615
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.529.496	1.251.901
Thu từ giao dịch bán vàng	-	47.864
Lãi đánh giá lại vàng	-	16.737
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	11.269	15.067
Lãi đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	2.535.847	2.027.314
	11.329.602	10.217.498
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi cho kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(256.441)	(570.251)
Chi cho các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(3.672.606)	(3.589.995)
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	(1.235.443)	(758.793)
Lỗ đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	-	(6.708)
	(5.164.490)	(4.925.747)
	6.165.112	5.291.751

27. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	268.659	128.338
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(62.366)	(49.912)
Trích lập chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	(35.133)	(16.303)
	171.160	62.123

28. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	6.316	5.685
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(2.700)	(2.241)
	3.616	3.444

29. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro	3.916.056	3.751.009
Thu từ nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	919.784	466.824
Thu nhập khác	433.268	250.973
	5.269.108	4.468.806
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	(879.065)	(557.373)
Chi về nghiệp vụ bán nợ	(80)	(99)
Chi công tác xã hội	(494.368)	(545.792)
Chi phí khác	(304.000)	(993.839)
	(1.677.513)	(2.097.103)
	3.591.595	2.371.703

30. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Cổ tức nhận được từ các khoản góp vốn, mua cổ phần (Thuyết minh 33(a)):	118.576	160.709
Từ chứng khoán vốn kinh doanh	2.814	5.141
Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	115.762	155.568
Phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 33(a))	163.286	145.723
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần	-	747
	281.862	307.179

31. Chi phí hoạt động

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	475.707	432.233
Chi phí cho nhân viên	13.662.861	12.271.312
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp (Thuyết minh 36)	12.192.970	11.032.705
Các khoản chi đóng góp theo lương	837.887	701.167
Chi trợ cấp	4.947	4.371
Chi khác cho nhân viên	627.057	533.069
Chi về tài sản	3.826.596	3.402.747
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	1.385.698	1.086.426
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	6.075.037	5.891.735
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	1.090.552	993.995
Hoàn nhập chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 12(d))	-	(67.425)
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (Thuyết minh 15(d))	3.669	(1426)
Chi phí hoạt động khác	108.377	104.192
	25.242.799	23.027.363

32. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 6)	(1.000.000)	(4.675.925)
Dự phòng chung cho vay khách hàng Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	1.733.057	1.319.289
Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	(656.394)	6.537.702
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết Hoàn nhập dự phòng cho chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 11(b))	(12.599)	(9.068)
Dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết Trích lập dự phòng cho chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 11(b))	3.128.122	143.000
	3.192.186	3.314.998

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	44.019.637	42.236.135
Điều chỉnh cho các khoản:		
Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(1.072.732)	(974.570)
Cổ tức nhận được trong năm (Thuyết minh 30)	(118.576)	(160.709)
Phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 30)	(163.286)	(145.723)
Các khoản chi phí không được khấu trừ trong năm	424.959	734.375
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.939)	(12.493)
Thu nhập chịu thuế tương ứng khoản lợi nhuận từ VFC chuyển về trong năm 2025	11.288	-
Hoàn nhập chi phí không được khấu trừ thuế của năm trước	(4.931.869)	-
Thu nhập chịu thuế	38.164.482	41.677.015
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của Ngân hàng (thuế suất: 20%)	7.632.896	8.335.403
Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty con	211.418	191.093
Thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài trong kỳ tính thuế (VFC)	(1.317)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo thuế suất áp dụng	7.842.997	8.526.496

(b) (Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(978.700)	143.478

(c) Thuế suất áp dụng

Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế, ngoại trừ Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất 16,5% và Công ty Chuyển tiền Vietcombank có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất tại Liên Bang Mỹ, Bang California và 23 bang khác mà Công ty có hoạt động kinh doanh. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Lợi nhuận thuần	35.177.663	33.831.386
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.975.811)	(2.692.912)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	32.201.852	31.138.474

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm trích lập vào thời điểm cuối năm. Do đó, lợi nhuận thuần dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm tương ứng.

(b) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	2025 Cổ phiếu	2024 Cổ phiếu (điều chỉnh lại)	2024 Cổ phiếu (theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 1 tháng 1	5.589.091.262	5.589.091.262	5.589.091.262
Ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	2.766.583.832	2.766.583.832	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	8.355.675.094	8.355.675.094	5.589.091.262

(i) Việc điều chỉnh lại tính đến ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết số 48/NQ-VCB-HĐQT ngày 15 tháng 1 năm 2025 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt kế hoạch phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ đến hết năm 2018 và lợi nhuận còn lại năm 2021 với tỷ lệ 49,5%. Ngân hàng đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức này vào ngày 13 tháng 3 năm 2025.

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025	2024 (điều chỉnh lại)	2024 (theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.854	3.727	5.571

35. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	15.542.769	14.268.064
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	37.445.504	49.340.493
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	488.700.529	367.005.628
	541.688.802	430.614.185

36. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	2025	2024
Tổng số cán bộ, công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 (người)	23.457	24.306
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên Tổng quỹ lương và phụ cấp (Triệu VND) (Thuyết minh 31)	12.192.970	11.032.705
Thu nhập bình quân tháng/người (Triệu VND)	43,32	37,83

37. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số dư tại ngày 1/1/2025 Triệu VND	Phát sinh trong năm		Số dư tại ngày 31/12/2025		
		Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	Phải trả Triệu VND	Ứng trước Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	36.934	764.685	(831.914)	70.112	(100.407)	(30.295)
Thuế TNDN	3.867.377	7.844.436	(9.241.965)	2.962.310	(492.462)	2.469.848
<i>Trong đó:</i>						
- Thuế TNDN của Vietcombank	3.867.441	7.842.997	(9.239.156)	2.962.310	(491.028)	2.471.282
- Điều chỉnh thuế các năm trước	-	1.441	(2.809)	-	(1.368)	(1.368)
- Nghĩa vụ thuế năm 2008 của VFC	(64)	(2)	-	-	(66)	(66)
Các loại thuế khác	192.231	2.485.739	(2.434.147)	243.825	(2)	243.823
	4.096.542	11.094.860	(12.508.026)	3.276.247	(592.871)	2.683.376

38. Tài sản, giấy tờ có giá thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi	298.369.284	255.957.949
Giấy tờ có giá	55.115.525	54.952.166
Bất động sản	1.894.941.285	1.732.593.614
Tài sản bảo đảm khác	389.524.404	332.046.536
	2.637.950.498	2.375.550.265

39. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Vietcombank ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Vietcombank cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Vietcombank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Vietcombank ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Vietcombank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Vietcombank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Vietcombank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có rủi ro tín dụng khi cần thiết. Tỷ lệ giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của khách hàng do Vietcombank đánh giá.

40. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Mối liên quan	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
		Thu nhập/(Chi phí)	
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diện chủ sở hữu		
Thu nhập từ lãi tiền gửi		167.429	137.389
Chi phí lãi tiền gửi và tiền vay		(15.478)	(24.477)
Bộ Tài chính	Bên liên quan của chủ sở hữu		
Chi phí lãi tiền gửi		(5.186.986)	(1.279.827)
Chi phí lãi tiền vay		(13.244)	(13.485)

(a) Số dư với các bên liên quan

	Mối liên quan	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
		Phải thu/(Phải trả)	
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diện chủ sở hữu		
Tiền gửi của Ngân hàng tại NHNNVN		37.212.251	49.081.534
Tiền gửi và tiền vay của NHNNVN tại Ngân hàng		(24.127.159)	(587.278)
Phải trả lãi tiền gửi, tiền vay		(53.093)	(1.536)
Bộ Tài chính	Bên liên quan của chủ sở hữu		
Tiền gửi tại Ngân hàng		(136.001.166)	(77.650.059)
Vay Bộ Tài chính		(413.250)	(517.419)
Phải trả lãi tiền gửi, tiền vay		(3.795)	(4.314)
Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản	Cổ đồng chiến lược		
Tiền gửi của Ngân hàng tại Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản		4.027.380	12.655.173
Tiền gửi của Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản tại Ngân hàng		(1.376.846)	(1.881.197)
Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	Công ty liên doanh		
Tiền gửi tại Ngân hàng		(131.199)	(28.813)
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Benthanh	Công ty liên doanh		
Dư nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng		320	124
Tiền gửi tại Ngân hàng		(321.337)	(412.664)
Công ty Liên doanh hữu hạn Vietcombank – Bonday	Công ty liên doanh		
Tiền gửi tại Ngân hàng		(89.949)	(107.928)
Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát	Bên liên quan		
Tiền gửi tại Ngân hàng		(91.264)	(80.153)
Cho vay		8.775	17.331
Dư nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng		1.472	896
Cá nhân liên quan của Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát	Bên liên quan		
Tiền gửi tại Ngân hàng		(184.925)	(110.499)
Cho vay		11.555	17.419
Dư nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng		569	1.029
Công ty có Tổng Giám đốc/thành viên HĐQT/Chủ tịch HĐQT là thành viên trong gia đình của thành viên HĐQT/thành viên BKS Ngân hàng và công ty có chung thành viên HĐQT với Ngân hàng	Bên liên quan		
Cho vay, dư nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng		345.077	310.747
Tiền gửi tại Ngân hàng		(1.562.149)	(1.501.513)
Phải thu lãi cho vay		221	188

41. Thuyết minh thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác phát sinh và được chi trả từ quỹ lương trong năm như sau:

	Chức danh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Thành viên Hội đồng Quản trị			
Thù lao, thưởng		18.230	13.950
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	3.089	1.642
Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên HĐQT	2.262	1.642
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	2.007	549
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	2.537	2.227
Ông Hồng Quang	Thành viên HĐQT	2.348	2.081
Ông Kohei Matsuoka	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025)	1.390	-
Ông Shojiro Mizoguchi	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025)	804	1.771
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	2.421	2.249
Bà Hoàng Thanh Nhân	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025)	1.372	-
Ông Nguyễn Mỹ Hào	Thành viên HĐQT (Từ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2024)	-	1.789
Thành viên Ban Kiểm soát			
Thù lao, thưởng		7.654	4.405
Bà Đinh Thị Thái (**)	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024)	2.413	720
Ông Lại Hữu Phước	Trưởng ban (Chuyển công tác sang NHNN từ ngày 1 tháng 8 năm 2024)	-	898
Bà Trần Mỹ Hạnh	Thành viên	1.169	1.014
Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên	1.150	954
Bà Trương Thị Diệu Quế	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024)	1.397	441
Ông Trịnh Ngọc An	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024. Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025)	504	378
Ông Trần Sỹ Mạnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025)	1.021	-

	Chức danh	Năm 2025 Triệu VND	Năm 2024 Triệu VND
Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng			
Lương, thưởng		21.426	17.464
Ông Lê Quang Vinh (*)	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 7 tháng 3 năm 2025)	2.654	1.938
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Khối (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2025)	2.287	1.968
Ông Đặng Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	2.303	1.934
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	2.014	1.825
Ông Lê Hoàng Tùng	Phó Tổng Giám đốc	2.066	1.723
Ông Hồ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	2.074	1.771
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2025)	2.280	-
Bà Đinh Thị Thái (**)	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024)	-	1.376
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Giám đốc Khối	1.903	1.656
Bà Đoàn Hồng Nhung	Giám đốc Khối	1.942	1.648
Bà La Thị Hồng Minh	Kế toán trưởng	1.903	1.625
		47.310	35.819

(*) Từ ngày 7 tháng 3 năm 2025, ông Lê Quang Vinh được bầu bổ sung vào chức danh thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng. Lương, thưởng của ông Lê Quang Vinh trong thời gian đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành và Tổng Giám đốc được ghi nhận tại mục Lương, thưởng Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng;

(**) Từ ngày 19 tháng 8 năm 2024, bà Đinh Thị Thái được miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc, đồng thời được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát của Ngân hàng. Lương, thưởng của bà Đinh Thị Thái trong thời gian đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát được ghi nhận tại mục Thù lao, thưởng của Thành viên Ban Kiểm soát.

42. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025		Miền Bắc (*)	Miền Trung và Tây Nguyên	Miền Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	144.326.832	21.439.288	66.220.323	228.936	(126.998.895)	105.216.484
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(119.062.855)	(13.169.344)	(41.104.711)	(107.059)	126.998.895	(46.445.074)
I	Thu nhập lãi thuần	25.263.977	8.269.944	25.115.612	121.877	-	58.771.410
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	7.693.251	855.239	3.383.379	108.977	(186.314)	11.854.532
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(8.136.386)	(55.962)	(195.090)	(29.772)	32.545	(8.384.665)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	(443.135)	799.277	3.188.289	79.205	(153.769)	3.469.867
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.495.571	206.729	1.452.087	11.539	(814)	6.165.112
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	171.160	-	-	-	-	171.160
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	3.616	-	-	-	-	3.616
5	Thu nhập từ hoạt động khác	2.483.093	570.587	2.212.041	3.387	-	5.269.108
6	Chi phí hoạt động khác	(1.345.841)	(77.175)	(254.497)	-	-	(1.677.513)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	1.137.252	493.412	1.957.544	3.387	-	3.591.595
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	281.862	-	-	-	-	281.862
	Tổng thu nhập hoạt động	30.910.303	9.769.362	31.713.532	216.008	(154.583)	72.454.622
VIII	Chi phí hoạt động	(15.244.202)	(2.529.481)	(7.497.389)	(125.496)	153.769	(25.242.799)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	15.666.101	7.239.881	24.216.143	90.512	(814)	47.211.823
X	Hoàn nhập/(trích lập) chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.939.138	(1.089.809)	(4.028.973)	(12.542)	-	(3.192.186)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	17.605.239	6.150.072	20.187.170	77.970	(814)	44.019.637
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(2.564.228)	(1.230.014)	(4.036.856)	(11.899)	-	(7.842.997)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(978.700)	-	-	-	-	(978.700)
XII	Chi phí thuế TNDN	(3.542.928)	(1.230.014)	(4.036.856)	(11.899)	-	(8.821.697)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	14.062.311	4.920.058	16.150.314	66.071	(814)	35.197.940

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Trụ sở chính của Ngân hàng thuộc khu vực miền Bắc thực hiện chi một số khoản chi phí hoạt động cho toàn hệ thống nhưng không phân bổ tới các đơn vị trong Ngân hàng.

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025		Dịch vụ tài chính ngân hàng	Dịch vụ tài chính phi ngân hàng	Chứng khoán	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	230.021.715	865.233	1.243.165	85.266	(126.998.895)	105.216.484
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(172.317.296)	(550.391)	(557.258)	(19.024)	126.998.895	(46.445.074)
I	Thu nhập lãi thuần	57.704.419	314.842	685.907	66.242	-	58.771.410
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	11.243.970	8.894	504.199	283.783	(186.314)	11.854.532
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(8.194.544)	(2.676)	(139.426)	(80.564)	32.545	(8.384.665)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.049.426	6.218	364.773	203.219	(153.769)	3.469.867
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.149.049	8.352	-	8.525	(814)	6.165.112
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28.883	-	142.277	-	-	171.160
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	3.616	-	-	-	-	3.616
5	Thu nhập từ hoạt động khác	5.251.345	15.801	406	1.556	-	5.269.108
6	Chi phí hoạt động khác	(1.676.721)	(13)	(776)	(3)	-	(1.677.513)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	3.574.624	15.788	(370)	1.553	-	3.591.595
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	279.048	-	2.814	-	-	281.862
	Tổng thu nhập hoạt động	70.789.065	345.200	1.195.401	279.539	(154.583)	72.454.622
VIII	Chi phí hoạt động	(24.716.798)	(107.984)	(426.581)	(145.205)	153.769	(25.242.799)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	46.072.267	237.216	768.820	134.334	(814)	47.211.823
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(3.045.633)	(139.540)	(7.013)	-	-	(3.192.186)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	43.026.634	97.676	761.807	134.334	(814)	44.019.637
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(7.641.387)	(18.669)	(159.474)	(23.467)	-	(7.842.997)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(986.374)	-	7.674	-	-	(978.700)
XII	Chi phí thuế TNDN	(8.627.761)	(18.669)	(151.800)	(23.467)	-	(8.821.697)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	34.398.873	79.007	610.007	110.867	(814)	35.197.940

43. Thuyết minh công cụ tài chính

(a) Thuyết minh về tài sản bảo đảm

Vietcombank không nắm giữ tài sản bảo đảm mà Vietcombank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi bảo đảm cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

		Giá trị ghi sổ – gộp						
		Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản tài chính								
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	15.542.769	-	-	15.542.769	15.542.769
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	37.445.504	-	-	37.445.504	37.445.504
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	522.474.362	-	-	522.474.362	(*)
IV	Chứng khoán kinh doanh – gộp	11.900.000	-	-	-	-	11.900.000	(*)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	374.918	-	-	-	-	374.918	(*)
VI	Cho vay khách hàng – gộp	-	-	1.673.525.675	-	-	1.673.525.675	(*)
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	-	22.384.962	-	143.080.817	-	165.465.779	(*)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	1.589.089	-	1.589.089	(*)
IX	Tài sản tài chính khác – gộp	-	-	22.969.229	-	-	22.969.229	(*)
		12.274.918	22.384.962	2.271.957.539	144.669.906	-	2.451.287.325	
Nợ phải trả tài chính								
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	481.286.427	481.286.427	(*)
II	Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	1.672.534.846	1.672.534.846	(*)
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	27.101.221	27.101.221	(*)
VI	Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	22.897.432	22.897.432	(*)
		-	-	-	-	2.203.819.926	2.203.819.926	

(*) Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động này không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Vietcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Vietcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Vietcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Vietcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ. Ủy ban Quản lý Rủi ro là bộ phận do Hội đồng Quản trị ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ – Tài sản Có (“ALCO”) là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập. Chủ tịch ALCO là Tổng Giám đốc. Các thành viên của ALCO là các cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Vietcombank.

ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và riêng của Vietcombank nhằm tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

Trong phạm vi phân cấp, ALCO được quyền đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

(i) Rủi ro tín dụng

Vietcombank luôn phải đứng trước các rủi ro tín dụng, đó là nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể hoàn thành nghĩa vụ đúng hạn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay dưới hình thức các khoản cho vay và tạm ứng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán nợ. Các công cụ tài chính ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Tín dụng.

Vietcombank tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, cam kết ngoại bảng, các khoản ủy thác cho vay, ủy thác và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế chưa niêm yết dựa trên yêu cầu của Thông tư 31 (Thuyết minh 2(ii)), qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp. Để quản lý rủi ro tín dụng Vietcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Số liệu trình bày dưới đây thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, không tính đến tài sản bảo đảm hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá	Đã bị giảm giá và trích lập dự phòng	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại NHNN	37.445.504	–	–	37.445.504
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	522.474.362	–	–	522.474.362
Tiền gửi tại các TCTD khác	515.588.640	–	–	515.588.640
Cho vay các TCTD khác	6.885.722	–	–	6.885.722
Chứng khoán kinh doanh – gộp	11.423.826	–	192.533	11.616.359
Cho vay khách hàng – gộp	1.648.109.924	8.892.125	16.523.626	1.673.525.675
Chứng khoán đầu tư – gộp	158.852.029	–	6.613.750	165.465.779
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	143.080.817	–	–	143.080.817
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	15.771.212	–	6.613.750	22.384.962
Tài sản Có khác	22.969.219	–	10	22.969.229
	2.401.274.864	8.892.125	23.329.919	2.433.496.908

Mô tả và giá trị ghi sổ của tài sản bảo đảm Vietcombank nắm giữ làm tài sản thế chấp tại ngày báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 38.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Vietcombank.

Kỳ định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Vietcombank.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng để phân tích kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Vietcombank:

- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý, góp vốn, đầu tư dài hạn, các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định và các tài sản Có khác) được xếp vào nhóm các khoản mục “Không chịu lãi”;
- Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xếp vào thang kỳ hạn tương ứng với thời gian nắm giữ trung bình của chứng khoán kinh doanh trong vòng 3 năm tài chính liền kề;
- Kỳ định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng chứng khoán;
- Kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và NHNN, các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro, phát hành giấy tờ có giá và các khoản nợ khác được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng dưới đây trình bày kỳ định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

		Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 6 tháng	Từ trên 6 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND		Triệu VND
Tài sản										
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	15.542.769	-	-	-	-	-	-	15.542.769
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	37.445.504	-	-	-	-	-	37.445.504
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	-	10.714	503.399.069	13.945.679	3.222.274	1.896.626	-	-	522.474.362
IV	Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	283.641	11.616.359	-	-	-	-	-	11.900.000
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	374.918	-	-	-	-	-	-	374.918
VI	Cho vay khách hàng – gộp	12.895.433	-	300.078.261	561.950.426	425.552.818	177.920.571	195.046.256	81.910	1.673.525.675
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	7.339.967	20.544.745	26.254.413	28.353.657	53.276.892	29.696.105	165.465.779
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	2.335.727	-	-	-	-	-	-	2.335.727
IX	Tài sản cố định	-	8.163.312	-	-	-	-	-	-	8.163.312
X	Tài sản Có khác – gộp	-	33.548.543	-	-	-	-	-	-	33.548.543
Tổng tài sản		12.895.433	60.259.624	859.879.160	596.440.850	455.029.505	208.170.854	248.323.148	29.778.015	2.470.776.589
Nợ phải trả										
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	436.252.267	44.632.800	339.091	62.269	-	-	481.286.427
II	Tiền gửi của khách hàng	-	258.120	837.581.993	256.708.306	245.578.218	279.208.641	53.185.501	14.067	1.672.534.846
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	715	4.096.000	9.999.506	9.140.000	2.500.000	1.365.000	27.101.221
VI	Các khoản nợ phải trả khác	-	36.384.696	-	413.250	-	-	-	-	36.797.946
Tổng nợ phải trả		-	36.642.816	1.273.834.975	305.850.356	255.916.815	288.410.910	55.685.501	1.379.067	2.217.720.440
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng		12.895.433	23.616.808	(413.955.815)	290.590.494	199.112.690	(80.240.056)	192.637.647	28.398.948	253.056.149
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)		-	-	-	-	-	-	5.880	280.504	286.384
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng		12.895.433	23.616.808	(413.955.815)	290.590.494	199.112.690	(80.240.056)	192.643.527	28.679.452	253.342.533

(iii) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Vietcombank cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Vietcombank chủ yếu bằng VND, USD và EUR. Một số tài sản khác và nợ phải trả của Vietcombank bằng ngoại tệ khác ngoài VND, USD và EUR. Vietcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Vietcombank và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Vietcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Vietcombank áp dụng tại ngày báo cáo như sau:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
USD/VND	26.227	25.401
EUR/VND	31.001	26.702

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

		VND	USD	EUR	Tiền tệ khác	Tổng cộng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản						
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	12.340.596	2.534.125	328.688	339.360	15.542.769
II	Tiền gửi tại NHNN	36.414.708	900.092	5.289	125.415	37.445.504
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	329.248.343	150.888.557	5.771.830	36.565.632	522.474.362
IV	Chứng khoán kinh doanh – gộp	11.900.000	-	-	-	11.900.000
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	39.855.992	(34.970.484)	(255.869)	(4.254.721)	374.918
VI	Cho vay khách hàng – gộp	1.534.890.712	136.259.809	1.120.656	1.254.498	1.673.525.675
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	158.624.348	6.841.431	-	-	165.465.779
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	2.335.727	-	-	-	2.335.727
IX	Tài sản cố định	8.106.296	39.201	-	17.815	8.163.312
X	Tài sản Có khác – gộp	32.712.765	771.274	2.211	62.293	33.548.543
Tổng tài sản		2.166.429.487	263.264.005	6.972.805	34.110.292	2.470.776.589
Nợ phải trả						
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	435.688.666	16.525.782	1.357.600	27.714.379	481.286.427
II	Tiền gửi của khách hàng	1.422.020.290	239.736.104	5.298.505	5.479.947	1.672.534.846
V	Phát hành giấy tờ có giá	27.101.171	50	-	-	27.101.221
VI	Các khoản nợ phải trả khác	34.210.476	2.319.860	141.769	125.841	36.797.946
Tổng nợ phải trả		1.919.020.603	258.581.796	6.797.874	33.320.167	2.217.720.440
Trạng thái tiền tệ nội bảng		247.408.884	4.682.209	174.931	790.125	253.056.149

(iv) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi Vietcombank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ đó.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Vietcombank:

- Tiền mặt, vàng bạc đá quý và Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (bao gồm cả tiền gửi dự trữ bắt buộc) được phân loại vào thang đáo hạn đến 1 tháng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh được tính trên cơ sở thời gian khả thi để chuyển đổi trái phiếu thành tiền mặt do danh mục này được nắm giữ trong ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán theo như quy định của đơn vị phát hành;

		Quá hạn			Trong hạn				Tổng cộng
		Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
Tài sản									
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	15.542.769	-	-	-	-	15.542.769
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	37.445.504	-	-	-	-	37.445.504
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	-	-	504.066.900	13.288.562	5.118.900	-	-	522.474.362
IV	Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-	4.537.785	-	7.362.215	-	-	11.900.000
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	374.918	-	-	-	374.918
VI	Cho vay khách hàng – gộp	9.485.989	3.409.444	157.379.283	379.286.001	515.011.992	259.829.951	349.123.015	1.673.525.675
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	200.117	20.544.745	44.880.819	61.042.243	38.797.855	165.465.779
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	2.335.727	2.335.727
IX	Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	8.163.312	8.163.312
X	Tài sản Có khác – gộp	-	-	8.516.625	20.190.890	2.745.828	1.876.893	218.307	33.548.543
Tổng tài sản		9.485.989	3.409.444	727.688.983	433.685.116	575.119.754	322.749.087	398.638.216	2.470.776.589
Nợ phải trả									
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	439.252.267	40.501.258	557.193	606.147	369.562	481.286.427
II	Tiền gửi của khách hàng	-	-	848.394.238	245.921.773	524.813.249	53.372.946	32.640	1.672.534.846
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	715	4.096.000	15.000.000	2.500.000	5.504.506	27.101.221
VI	Các khoản nợ phải trả khác	-	-	6.482.669	22.742.996	6.839.466	732.120	695	36.797.946
Tổng nợ phải trả		-	-	1.294.129.889	313.262.027	547.209.908	57.211.213	5.907.403	2.217.720.440
Mức chênh thanh khoản ròng		9.485.989	3.409.444	(566.440.906)	120.423.089	27.909.846	265.537.874	392.730.813	253.056.149

- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa trên ngày đáo hạn mà hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần và tài sản cố định được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định; và
- Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá, công cụ tài chính phái sinh, tài sản Có khác, các khoản nợ khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản mục đó hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Ví dụ, tài khoản tiền gửi thanh toán của các TCTD khác tại Vietcombank và tiền gửi thanh toán của Vietcombank tại các TCTD khác dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng được xếp vào thang kỳ hạn đến 1 tháng, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trên thực tế, các khoản vay và tiền gửi này có thể được tái tục và duy trì trong thời gian lâu hơn.

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2025:

44. Các yếu tố mang tính thời vụ hoặc chu kỳ

Kết quả hoạt động của Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ ngoại trừ các khoản mục sau:

Thuế

Phù hợp với các quy định thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp của Ngân hàng được tính toán và quyết toán độc lập vào cuối năm. Chi phí thuế thu nhập trong năm được tính dựa trên thu nhập chịu thuế với thuế suất là 20%.

Trích lập các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được trình bày tại Thuyết minh 2(t)(iv) sẽ được trích lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

45. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Lãi cho vay chưa thu được	2.014.079	2.627.451
Lãi chứng khoán chưa thu được	90.454	159.088
Phí phải thu chưa thu được	1.930	1.815
	2.106.463	2.788.354

46. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	40.105.945	35.945.217
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	43.426.019	38.185.528
Các khoản nợ khác đã xử lý	14.298	13.471
	83.546.262	74.144.216

47. Tài sản và chứng từ khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tài sản khác giữ hộ	611.324.400	469.101.495
Tài sản thuê ngoài	(*)	(*)
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý	8.530	8.530
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	71.247.465	65.480.097
	682.580.395	534.590.122

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị của khoản mục này do chưa có đủ thông tin, cũng như chưa có hướng dẫn về xác định giá trị theo Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đối với các TCTD Việt Nam.

48. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán của Vietcombank khi lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này so với báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

49. Các thay đổi trong cơ cấu Vietcombank

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Vietcombank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so với báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

50. Các sự kiện xảy ra sau ngày khóa sổ báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Vietcombank.

51. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt vào ngày 27 tháng 3 năm 2026.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương



Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Bà La Thị Hồng Minh



Kế toán Trưởng

Ông Lê Hoàng Tùng



Phó Tổng Giám đốc



**NGÂN HÀNG
TMCP NGOẠI THƯƠNG
VIỆT NAM**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 - 24) 3934 3137

Fax: (84 - 24) 3826 9067

Swift: BFTV VNVX

Web: www.vietcombank.com.vn

